

80
INDO-CHINOIS
2476

PHẬT - HỌC TÙNG - THƯ — 1

Hoàn-Cầu Phật-Học

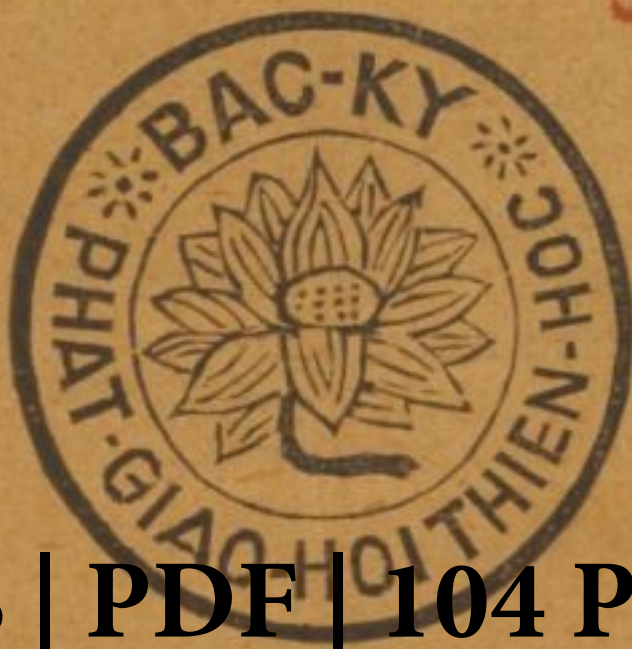
環球佛學

Trường Thiên-học Trung-ương hội Bắc-kỳ Phật-giáo xuất-bản

Trưởng-ban : Hòa-thượng, Nguyễn-thanh-Ất

Đốc - giáo : Hòa-thượng, Phan-trung-Thứ

Đồng chứng san.



1938 | PDF | 104 Pages
buihuuhanh@gmail.com

PHÁT HÀNH TẠI :

CHÙA QUÁN-SỨ, HỘI-QUÁN

HỘI PHẬT - GIÁO Bắc - KỲ

73, — Rue Richaud, — Hanoi

Tây lịch :

1938

MỤC LỤC

	Số trang
Cội nguồn Phật-học và cuộc tân vận động —	
Sự Phát nguyên của Phật-học	1
Phật-học lưu hành ở Ấn-độ	2
Phật-học lưu hành ở Trung-quốc	4
Ba nơi trung tâm của Phật-giáo thế giới hiện nay	7
Cuộc tân vận động về Phật-học (của cụ Thái-hư)	9
Khảo về lịch sử Phật-giáo ở Nhật-bản hồi Duy-tân	15
Phật-giáo hồi đầu. — Phật-giáo ở đời Đức-xuyên	16
Phật-giáo ở đời Duy-tân	17
Việc cải cách giáo vụ	20
Việc nội hủ	23
Khi tượng tân hưng	24
Tám gương chung của các Tín đồ Phật-giáo Việt-Nam —	
Đạo Phật căn cốt ở từ bi cứu tế	25
Người Mỹ đối với Phật-giáo	27
Tâm lý của Đại sứ lao công Justin Godart đối với đạo Phật	28
Mục-đích chấn hưng Phật-giáo	32
Sùng thượng đạo đức	33
Giáo huấn tăng già	34
Chăm chỉ giới hạnh	35
Truyền bá giáo lý	36
Đạo Phật ở Xiêm-la	37
Lược thuật đại khái sự lập quốc của nước Xiêm	38
Phật giáo truyền vào nước Xiêm từ hồi nào và tông phái nào	40
Sự cải cách chế độ Phật-giáo nước Xiêm	42
Nói về chùa chiền nước Xiêm	45
Cao-mên Phật-giáo hội và lời lập nguyện	47
Lời lập nguyện	48
Hội nghị Phật-giáo ở Paris	49
Quan Thống-sứ Châtel nói triết lý về đạo Phật	52
Khảo về lược sử Phật học nước Anh	55
Kinh điển chữ Ba-lì	56
Lược kê mục lục Tam-tạng của T. L.	60
Kinh điển chữ Cô-phạn	61
Kinh điển của Tây-tạng	66
Kinh điển chữ Hán	70
Kinh điển chữ Tây-vực	74
Đại-thắng	77
Nhà Phật-học nước Mỹ nói về đạo Phật Trung-quốc	79
Sự tiếp súc của Tam-giáo.	81
Hồi Phật-giáo mới truyền ở nước Tàu	83
Kinh Tứ-thập-nhi trương	85
Dịch kinh, làm chùa ngày càng thịnh	87
Kinh Pháp-hoa và kinh Vu lan Bồn	88
Kinh Hoa-nghiêm	90
Vì sao mà hội Phật-giáo Bắc-kỳ sáng lập —	
Vì sao mà báo Đuốc tuệ ra đời	94

HOÀN-CẦU PHẬT-HỌC

DEPOT LEGAL
INDOCHINE

N^o 24581

CỎI NGUỒN PHẬT-HỌC VÀ CUỘC TÂN VẬN-ĐỘNG

của Thái-hư Đại-sư Trung-quốc

Sự phát-nguyên của phật-học

Phật-học là một khoa-học thuyết minh về mọi sự thực mọi chân lý của vạn vật trong vũ-trụ.

Là một khoa-học vốn vô thủy vô chung, phổ-thông thường-trụ.

Là một khoa học hết thấy Chư Phật ở khắp mười phương thế-giới về quá-khứ, về hiện-tại và về vị-lai đã chứng minh.

Tuy thế nhưng khoa Phật-học hiện đang lưu-hành ở trên mặt quả địa-cầu nhỏ-mọn của chúng ta này, thì mới phát-nguyên từ hồi trước đây hai nghìn hơn vài trăm năm do đức Phật Thích-ca Mâu-ni Ấn-độ mà lưu truyền ra. Cái nguồn Phật-học do trong tâm-hải của đấng Đại-giác mà lưu-truyền ra này, nó y như sự lưu-thống của cái bể lớn vậy. Nó lưu-hành đã hơn vài nghìn năm trải tràn vào khắp các dân-tộc mấy mươi nước ở Nam-Á và Đông-Á. Đành rằng những nơi nó lưu-truyền đến ấy có chỗ vì thời, vì đất và vì người mà biến đổi khác nhau ít nhiều, nhưng tìm xét đến ngọn nguồn thì đều bởi ở một nơi gốc là chỗ tâm-hải đại-giác của đức Thích-ca mà ra cả. Chúng ta chỉ cốt hiểu lấy những cái thực-tướng của mọi phép trong pháp-giới là cái cội không có bao giờ là trước sau, không có nơi nào là trong ngoài, tức là những

thực sự, chân-lý của vạn-vật trong vũ-trụ, và hiểu một cách cho rõ-ràng trọn-vẹn. Lại phải hiền-dương, biểu-thị ra cho hoàn-toàn để dạy bảo cho mọi loài chúng-sinh sẵn có Phật tính ở khắp vô-số thế-giới cùng được thành-tựu cái công-đức cùng chứng quả vô thượng đại-giác của đức Thích-ca mà thôi, chứ chúng ta tịnh không có thể nhận đến những lời truyền-thuyết của các môn các phái đã phân-biệt với nhau về sau mà đặt bày ra. Những căn-cứ này, chúng ta chỉ khảo-cứu ở trong những kinh Đại-thặng bằng Hán-văn như Hoa-nghiêm, Pháp-hoa, những luận Đại-thặng như của các tổ Mã-minh, Long-thụ, Thiên-thân, Vô-chứ v.v. Chúng ta lại càng cần phải trực-tiếp chứng lấy những đạo tâm-truyền tâm-ấn ở trong những sách ngữ-lục của các đấng Đại-sư về phái Thiền-tông ở Trung-quốc ta. Đó đều là những chứng-cứ rất chắc-chắn về Phật-học của chúng ta.

Và chính như bản-thân Thái-hư tôi đây cũng đã từng có được cái kinh nghiệm xác-đáng, thiết-thực ấy.

Phật-học lưu-hành ở Ấn-độ

Cõi tư-tưởng của người Ấn-độ về thời đức Thích-ca là cái tư-tưởng cầu giải thoát cho cá-nhân, mà gây thành ra một cái phong thói, tu cho cái độc-ngã của mình được còn mãi mãi. Bởi thế cho nên, đối với hoàn-cảnh ấy, đức Phật không còn có thể đem những lễ thực-tướng của mọi phép trong pháp-giới là cái đạo vô-thượng chính-giác để diễn-giảng vào chỗ nào được.

Tuy thế nhưng không thuyết-pháp thì cái đại-nguyên giác-ngộ người đời của đức Phật không đạt tới được. Vì thế Ngài phải dùng cách phương tiện, lấy Tiểu-thặng-pháp dạy cho người ta về chủ nghĩa vô ngã. Đó là Ngài lựa theo cái trình-độ tư-tưởng của người Ấn-độ lúc bấy giờ họ đang yêu-cầu về cái chủ-nghĩa cá-nhân giải thoát mà Ngài khai đạo dần dần cho. Do đó mà thành ra một phái Phật giáo lưu-hành ở Ấn-độ, cho đến ngày nay, phái ấy cũng vẫn còn lưu-hành ở các xứ về Tích-lan.

Xong phải biết rằng, đương thời đức Thích-ca, tuy khi Ngài đang thuyết-pháp về Tiểu-thặng, nhưng Ngài cũng đã nói ngay đến Đại-thặng đạo tự-chứng những thực-tướng của mọi phép trong pháp-giới cho bọn ông Man-thù thất-li, ông Di-lặc là những bậc tri-tuệ cao-minh bấy giờ nghe rồi. Về hồi cuối, Ngài lại thuyết-minh về nghĩa pháp giới tự-ngộ là nghĩa Đại-thặng cho bọn ông Đại Ca-diếp là hạng học Ngài từ Tiểu-thặng mà tiến lên. Ngài lại giơ-bông sen để bảo ý cho các đồ đệ, khiến ông Đại Ca-diếp thấu hiểu mà chứng ngay tới chốn tâm-cảnh của Phật. Nhân đó mà sau mở ra được phái chính-tông truyền tâm-ấn của Phật bằng cách không phải dùng đến ngữ-ngôn văn-tự.

Dù thế mặc lòng, chỉ vì cái trình-độ phả-thông về tư-tưởng của Ấn-độ mà Phật-học lưu-hành trong cõi ấy cũng vẫn lưu-hành bằng những bộ kinh A-hàm nói về đạo cá-nhân giải-thoát của phái Tiểu-thặng mà thôi.

Thế cho nên hồi đầu 500 năm sau khi đức Phật tịch rồi, đạo Phật phát-triển ở Ấn-độ chỉ là những học-phái của hai bộ Thượng-tọa và Đại-chúng về phái Tiểu-thặng mà thôi.

Lại cách 500 năm sau hồi ấy nữa, tuy có bọn ông Long-thụ. Vô-chư phát kiến ra những lời Phật-thuyết do những tổ Man-thù-thất-li và Di-lặc truyền lại, gây lên một thời đại tư-tưởng Đại-thặng phát triển ở Ấn-đô, nhưng đối với thực-tế về đường tổ-chức và đường hành-vi, người Ấn-độ vẫn bảo-thủ cái thái-độ của học phái Tiểu-thặng. Chứ nào đã đem được tư-tưởng Đại-thặng tạo-thành một nền văn-hóa có tính cách xã-hội cho dân-tộc Ấn-độ bấy giờ đâu.

Thế rồi lại cách một nghìn vài trăm năm sau nữa, là lúc tinh-thần Tiểu-thặng đã bị tan tác, mà tư-tưởng Đại-thặng vì cái tâm-lý của một loạt dân-tộc Ấn-độ bấy giờ chưa có thể hiểu thấu được, thì sầy gặp có Thương-kiết

là là một nhân-vật vĩ-dại phi-thường của đạo cũ Bà-la-môn nổi lên, ăn cắp lấy những nghĩa Đại-thặng Phật-học để tô-diểm vào cho những thuyết Phệ đàn-dà cho thêm đẹp đẽ, mà tạo nên một cái thế-lực phục-hưng cho Bà-la môn. Bởi đó Phật-học về Đại-thặng cũng khuất-phục vào trong cái sức mạnh tân-hưng cả Bà-la-môn mà diễn thành ra một môn Phật-học có tính-cách thần-bí như hiện còn lưu-hành ở miền Tây-tạng bây giờ.

Từ đó Đại-thặng Phật-học ở Ấn-độ bèn bị suy tàn, mà cái học Đại-thặng chân-chính của đạo Phật kia, thủy chung vẫn chưa thành ra một nền văn-hóa của dân-tộc Ấn-độ được một lúc nào.

Phật-học Lưu-Hành ở Trung-Quốc

Phật-giáo lưu-truyền vào Trung quốc, đã có một đoạn lịch sử đến 1800. Về sự thừa-thụ thực là sâu xa, về sự phát-triển cũng thực là rộng rãi. Trung-quốc chính là một cái nguồn bể thứ hai của Phật-học.

Kìa như những nước Nhật-bản. Cao ly và Việt-nam, chẳng qua chỉ là mấy cái chi-lưu của Phật-học Trung-quốc mà thôi, mà đến như Phật-học của Tây-tạng cũng không khỏi phải chịu ảnh-hưởng của Phật-học Trung-quốc.

Ngoài cái nguyên-chất toàn-thể của Đại-thặng, và Tiểu-thặng mà Trung-quốc chịu được của Ấn-độ truyền vào cho, Trung quốc lại còn nhân ở cái nền móng văn-hóa lớn lao, xa thẳm của dân-tộc kia mà mở mang ra bao nhiêu cái đặc-sắc cho Phật-học ở Trung-quốc nữa.

Sự mở mang đó nó nhân ở ba cái nền móng sau này :

1. — Nhân ở cái cơ-sở **tự-nhiên triết-học** của phái Lão-Trang Trung-quốc mà mở rộng ra những nghĩa thâm-huyền màu-nhiệm cho đạo Phật, như những thuyết huyền nghĩa lý-luận của các phái Tam-luận-tông, Thiên-thai-

tông, Hoa-nghiêm-tông. Các phái ấy đã nhân đó mà dựng nên cái phong xa lánh vào núi rừng, lấy tiêu-sái, cao-thượng, đạm-bạc và chất-phác làm trọng của hết thảy môn-đồ nhà Phật.

2. — Nhân cái cơ-sở **nhân-luân triết-học** của phái Khổng Mạnh Trung-quốc mà mở rộng ra những nghĩa luân-lý, đạo-đức và chú-trọng về nhân-loại cho đạo Phật. Vì đó cái quan-niệm tu đạo Phật ở Trung-quốc là bắt đầu phái dưỡng-thành lấy cái nhân-cách thiện-lương, rồi dần dần do Bồ-tát-hạnh tiến lên đến cõi Phật-Thực là viên-mãn cả bên lý-luận cũng như bên thực hành, mà điều hòa được cả Đại-thặng với Tiểu-thặng tức là những giáo-nghĩa của các phái **Nam-sơn luật-tông, Thiền-tông** thanh qui vậy.

3. — Nhân cái cơ-sở của phong-tục dân-tộc Trung quốc hay trọng sự sống, hay thương sự chết, hay sợ quỷ thần, hay kính tổ-tiên, hay cầu phúc tránh họa mà mở mang ra cái nghĩa Mật-tông, Tịnh độ-tông cho đạo Phật và lưu-hành trong dân-gian đến nay.

Nhất là về Thiền-tông, là do những người học-vấn đệ nhất-hạng ở Trung-quốc, theo cái tính riêng hay tự-tôn, hay độc-sáng của dân-tộc mà lập ra. Phái này là do tổ Đạt-ma ở Tây sang. Người khái-phát cho cái phép chứng đạo một cách thẳng tới ngay chỗ tâm-hải giác-nguyên của đức Thích ca từ trước khi Ngài chưa mở miệng thuyết-pháp, thực là một phép chứng đạo xưa nay chưa ai từng biết đến. Phép ấy nó mở toang ngay đến chỗ kho đại-quang-minh-tạng nơi tâm của Phật mà tức là nơi tâm của ta. Tâm ấy tức là nơi thể-hiện đủ thực-tướng của mọi phép trong pháp-giới cùng chung với tâm Phật không khác gì. Có được tâm ấy thì thân tức là thân Phật, bấy giờ mới đem cái chân-giác của mình mà ứng vào những lời nói chân-thực hay là câu văn diễn-nhã - tùy theo từng thung-thỏ, tùy theo mọi sự

mọi vật khắp trong vũ-trụ mà tỏ bày, chỉ bảo cho người đời được biết đến chỗ tỉnh-ngộ một cách rất lanh lợi hoạt bát, cho người đời ai nấy đều được chứng thẳng ngay vào chỗ cội lòng đức Phật. Phép đó là cái cốt-tỷ của Phật-học và chính là cái cốt-tỷ của Phật-học Trung-quốc vậy.

Chỉ vì trong Phật-học của Trung-quốc đã nắm được chỗ cốt-tỷ của Phật-học như thế, cho nên từ đức Thích-ca trở xuống đến ngày nay, chỉ ở Trung-quốc mới có được cái học tìm chân-tâm ấy mà thôi.

Mà ở Trung-quốc từ đời Đường đời Tống về sau, hết thấy những người đèn-hắt-hang trong hai phái Lão-Trang và Khổng-Manh, không ai là không phải vào trong nhà Thiền-tông Phật-học để tham-khảo rồi mới trở về mà sửa sang lại những cái học bản-vị về Đạo-gia hay Nho-gia của mình, tức như những phái **tính-mệnh** **kong-tu-học**, **lý-học** ở hai đời Tống-Minh vậy.

Vì thế Thiền-tông thực là một đặc-sắc về Phật-học của Trung-quốc, thực là một căn-bản tinh-thần trong cốt-tủy-tư-tưởng của quốc-dân Trung-quốc từ Đường Tống trở tại đây. Còn như Phật-học của Nhật-bản đều do Trung-quốc truyền sang. Trăm năm về trước chưa từng có một ông thầy Phật-học nào ở Ấn-độ qua Nhật bản, cũng chưa từng có một đồ-dệ đạo Phật ở Nhật-bản qua Ấn-độ, mà chỉ có đồ-dệ đạo Phật ở Nhật-bản sang lưu-học ở Trung-quốc và giáo-sư đạo Phật ở Trung quốc, vì Chính-phủ bên ấy mới sang giảng đạo Phật mà thôi. Thế cho nên Phật-học của Nhật-bản cũng như Phật-học của Cao-ly, Việt-nam, đều là những chi-lưu Phật-học của Trung-quốc cả.

Vả lại dân-tộc Nhật-bản trước kia chưa có văn-hóa gì, có chăng chỉ mấy câu chuyện thần-thoại sùng-bái tổ-tiên tam thần mà thôi, Vì thế Trung quốc truyền sang cho môn Phật-học cao-thâm thì người họ cũng không thấu-hiểu được hoàn-toàn để mà phát-huy ra, họ chỉ thừa

thụ được mấy giáo-nghĩa về đạo Phật của Tịnh-độ-tông, Bí-mật-tông mà thôi. Vả dựa vào tục sùng bái quốc thần có sẵn mà làm biến-thành ra phái tịnh-độ Chân-tông, đem Phật với Thần hỗn-hợp làm một. Cùng với phái nữa gọi là Đông-mật, Thai mật, Nhật-liên-tông, để duy trì lấy lòng tin ngưỡng của nhân-dân toàn-quốc.

Chừng vài mươi năm nay, tình-hình Phật-học tuy có thay đổi nhưng chẳng qua cũng chỉ bắt chước cách diễn giáo của người Tây, hết sức làm cho đạo Phật thành thông-tục-hóa. Lại bắt chước lối nghiên-cứu của người Tây mà nghiên-cứu đạo Phật ở những lịch-sử cổ cùng ngữ-ngôn văn-tự cổ, chứ thực chưa có sáng-kiến được điều gì mới về đạo Phật, cho nên Phật-học Nhật bản vẫn không thành ra được là một chốn độc-lập trung-tâm của đạo Phật đã lưu-hành trong thế-giới.

Ba nơi trung-tâm của phật-giáo trong thế-giới hiện nay

Phật-giáo ở Ấn-độ đã có cái lịch-sử hầu một nghìn năm, Từ hồi bị Bà-la-môn-giáo và Hồi-giáo làm tồi-hủy, bèn suy-tàn tiêu-diệt dần mãi đi, Tuy ngày nay ở mấy nơi như Ni-bạc-nhĩ còn giữ lại được một ít kinh sách rách nát bằng tiếng Phạm. Thì cũng không thành ra nơi trung-tâm nghiên-cứu và tín-ngưỡng của Phật-giáo được. Chỉ có ở xứ Tích-lan là một chi Tiểu-thặng Phật-giáo, bộ Thượng-tọa truyền đến từ đời A-dục-vương mà phát-đạt và nổi giỗ đến ngày nay, làm một chỗ trung-tâm Phật-giáo cho những nước Siêm-la, Diến-điện. Các nhà nghiên-cứu Phật học và tín-ngưỡng Phật-giáo ở các nước Ấn-độ, Anh và Đức ngày nay đều cầu đạo ở Tích-lan, lại các giáo-sư Phật-học ở Tích-lan cũng đang gia sức khôi-phục lại những di-tích của Đức Phật ở Ấn-độ và sang các xứ nước Anh truyền - giáo. Song hiềm vì Phật-giáo ở Tích-lan như trên đã nói, chỉ là một chi của phái Tiểu-thặng mà thôi. Đã không đủ giáo-lý Đại-

thặng mà cũng không đủ các học-phái về Tiểu-thặng. Thực cũng là một điều đáng tiếc.

Còn như ở Tây-tạng từ khi sáng lập ra Lạt-ma-giáo rồi lại cải lập làm Hoàng Lạt-ma-giáo, bấy lâu vẫn làm một nơi trung-tâm Phật-giáo cho các nước Mông cổ, Mãn-châu, Chử Tây-tạng là phỏng theo lối chữ Phạm mà chế ra, và ở đây cũng bảo-tồn được nhiều kinh-diễn của phái Đại-thặng Cho đến phái Mật-tông của Ấn-độ. những kinh-luận cùng giới-luật về tính-tướng-tông của Đại-thặng, ở đây cũng đủ hơn mọi nơi khác mà đến nay người Tây-tạng cũng còn truyền dạy cho nhau như xưa. Đủ để cung cho các nhà nghiên-cứu Phật-học trong thế-giới tìm xét. Song cái trung-tâm Phật-học ở Ấn-độ chỉ là một giọng tiếng Phạm, còn về giọng Phật-học bằng tiếng Ba-ly thì chưa truyền vào đây. Và Phật-giáo ở đây chỉ thiên-trọng về Mật tông là phái tạp-loạn của đạo Bà-la môn bên Ấn-độ truyền sang, khi đến Tây-tạng thì lại hỗn-hợp với những yếu-thuật man-giáo của dân-tộc ấy vốn có từ trước. Cho nên nói đến cái chân-tướng của Phật-học, ở đây thường bị che lấp đi mất cả. Đó lại là một điều đáng tiếc.

Ba là cái trung-tâm Phật-học ở Nhật-bản. Triều-tiên. thuộc về giọng chữ Hán. Giọng chữ Hán này do công-phu truyền-dịch 7, 8 trăm năm giǎng-giǎc. Các đǎng đại sư Phật-học ở Ấn-độ, hoặc đi đường bộ theo mé nam vào. Bao nhiêu kinh luận luật về giọng chữ Phạm, về giọng chữ Ba-ly đều đem đủ đến mà dịch ra cả. Còn các đại-sư của Trung-quốc như bọn ông Huyền-trang, ông Nghĩa-tĩnh, đi đường bộ hoặc đường thủy sang lưu-học khắp năm xứ Ấn-độ, rồi về nước truyền dịch. Vì thế mà bao nhiêu kinh luật luận của hai phái Đại-thặng, Tiểu-thặng ở Ấn-độ cùng mọi phép nghi-quĩ của Mật-tông bên ấy, hết thấy trao truyền cho Trung-quốc không thiếu một tinh-thần gì. Lại đem dung-hòa làm quang đại ra 13 tông-phái vừa Tiểu-thặng vừa Đại-thặng về đời

Tùy Đường, thực là một công-cuộc rất lớn lao.

Phật-học Trung-quốc có phái **Thiền-tông**, thẳng tới được chỗ nguồn tâm-giác của Phật-tổ, đã giữ được căn-bản tinh-thần của Phật-học, lại phát-huy ra được mọi cái học như **pháp-tính-học-pháp-tướng học** của Đại-thặng-thành-thực học, **câu-xá-học** của Tiểu-thặng do Ấn-độ truyền đến. Lại sáng lập ra khoa **Đại Tiểu-thặng luật-học hợp-nhất**. Lại đem được cái tinh thần của Thiền-tông bao-quát cả các môn Phật-học khác mà tổ chức ra được cái học **Thiên thai** và cái học **Hoa-nghiêm** vậy.

Tuy vài trăm năm gần đây có bị suy kém tản nát dần đi, nhưng cứ cái khi-thể đầy đủ cơ sở của giòng Phật-học Trung-quốc ấy, và sự tỉnh giác của dân-tộc Trung-quốc đối với Phật-học gần mười năm lại đây, thực đã có cái cơ hưng-khởi lắm. Vậy thì người Trung-quốc hiện nay có thể đem cái trung-tâm Phật-học của mình mà hòa-hợp với hai cái trung-tâm Phật-học của Tích-lan và Tây-tạng, cho đạt tới chỗ nguồn bể tâm-giác của Phật-tổ, mà làm nơi trung-tâm có một của Phật-học thế-giới, tưởng cũng không khó gì.

Cuộc tân vận-động về Phật-học của tôi

(cụ Thái-hư tự nói)

Tôi tận-tâm về Phật-học đã hơn 20 năm nay. Hơn 10 năm đầu, thuộc về cái công-phu tu-học và thể-nghiệm, tôi ngộ được tâm-cảnh là chỗ diệu-giác của đức Phật, và hiểu thấu hết các phái Phật-học về Đại-thặng, Tiểu-thặng, cùng nhất-thiết mọi học-thuyết về tông-giáo, về triết-học và về khoa-học khác. Theo chỗ tư-tưởng của nhân-loại mà quan-sát bằng cách phổ-thông và thâm-viễn, tôi hiểu tới chốn toàn-thể đại-dụng của Phật-học thấy rằng Phật-học sở dĩ chưa thực hiện ra làm một nền văn-hóa phổ-thông cho nhân-loại trong thế-giới được, là chỉ vì bị những cái kiến-thức sai lầm, những phong-tục hủ-lậu làm che lấp đi mà thôi.

Nhưng nay thế - giới giao-thông, cái xu-thế văn - hóa đại-dồng sẽ vượt qua cả mọi sự trở ngại về xứ sở, thời-đại, nhân-chúng và dân-tộc mà thành một nền hòa hợp quán-thông cả văn-hóa các dân-tộc đông tây. Minh-minh bạch-bạch tuyên-truyền phổ - cập đến quần - chúng, làm cái kim chỉ-nam về cội tư-tưởng của loài người, chính là Phật-học đó.

10 năm nay tôi thử dùng ra ở Trung-quốc, cũng đã thấy chút thành-hiệu. Như là ngày xưa khắp mặt dân-chúng mê-tin về những hình-thức của thần-giáo, thế mà ngày nay thì cái gốc ấy đã lung lay đổ vỡ rồi. Ngày xưa kinh-diễn nhà Phật chỉ để cho một số ít các sư chùa, các ần-sĩ giảng bàn với nhau, thế mà ngày nay thì kinh-diễn ấy đã thành ra của chung cả cội giáo-dục từ lớp trung-học trở lên phải nghiên-cứu đến. Ngày xưa chỉ có chùa chiền mới là cơ-quan của Phật-giáo, thế mà ngày nay thì tổ - chức ra các đoàn-thể hiệp-hội ở các tỉnh khắp nước làm những nơi giảng học, tu - dưỡng và tuyên-truyền về Phật-học. Ngày xưa Phật-học không có quan-hệ gì đến phong-tục tập - quán của xã hội, thế mà ngày nay thì Phật-học là một cái tiêu-chuẩn cho sự hành-vi của dân-chúng. Ngày xưa đạo Phật là một thứ sinh-hoạt yên-tĩnh thanh-nhàn, lánh xa cõi tục, thế mà ngày nay người theo đạo Phật đã chạy vào giữa những nơi nhân-quần đông-đảo mà làm những sự - nghiệp giúp ích cho nhân-sinh. Nếu ai lưu - tâm quan-xát đến tình-hình xã hội Trung-quốc hiện nay, thì cũng đủ hiểu biết được ngay.

Vả chúng ta đều cho rằng nhân - loại ở thế-giới hiện nay đã đến cái thời - đại hô-hấp cùng thông với nhau, cái thời-đại loài người là nhất-thể, là anh em ruột thịt với nhau rồi. Ai ai cũng nhận biết rằng : lợi cho kẻ khác ấy là lưỡng-lợi, mà hại cho kẻ khác ấy là lưỡng - hại. Cho nên kẻ nào làm ngạnh trở cuộc hòa-bình của quốc tế để tranh lấy cái thắng-lợi riêng cho mình, thì kẻ ấy

chẳng những là bất-nhân, mà cũng lại là kẻ rất bất-trí nữa.

Vì vậy tôi phát-nguyên xin giảng-minh cái nghĩa vô-ngã cùng giúp cho nhau là một chân lý trong Phật-học, để giác-ngộ cho loài người khắp thế giới, để cải biến lại cái tư-tưởng đều phải cạnh tranh để cầu sinh tồn mà thành ra cái tư tưởng nhân-sinh giúp đỡ lẫn nhau cho cùng sống còn, cùng vẻ vang, cùng yên vui phát đạt. Vì thế mà tôi mở rộng ra cuộc tân-vận-động về Phật học cho cả hoàn-cầu. Yếu nghĩa ấy đại lược như sau này :

1. Phật-học về nhân-sinh — Đối với sự quan-hệ của loài người cùng sống còn, cùng vẻ vang ở cái thời-đại giao-thông giúp đỡ nhau này, và đối với cái cơ-sở nhân-sinh triết-học của các dân-tộc đông tây, phải lấy 10 điều tín hạnh (thập tin) trong Phật-học là sơ bộ của Đại-thặng, để làm cho nhân-sinh có đủ những thiện-hạnh trước. Rồi mở mang ra cuộc sinh-hoạt của cái xã-hội Đại-thặng có tổ chức, có kỷ luật hẳn hoi. Kế đó dần dần tiến lên các bậc thập trụ 十住, thập hành 十行, thập hồi - hướng 十回向, thập địa 十地 trên cõi Phật-học. Làm phát đạt những đạo-đức, tài-năng tiềm-tàng ở trong bản-tính người ta ra. Cho lần lần tiến-hóa mãi lên, cho tới chốn vô thượng chính giác, phúc với tuệ đều trọn vẹn hòa hai.

2. Phật-học về khoa-học. — Phải đem phép qui-nạp có kinh nghiệm và phép diễn dịch do lý luận, mà dùng cái thái độ khách quan rất công chính, để dò xét lấy cái chân tướng của các phương diện, các bộ phận về mọi sự mọi vật trong vũ trụ. Để phá trừ những điều mê tín sai lầm bởi thói quen, bởi hiểu cách thiên lệch kia đi, mà lập ra một cái công lý định lệ để giảng minh hết thấy mọi lẽ mà sự vật có quan hệ lẫn với nhau. Để xét cùng mọi điều bí ẩn của cõi tự nhiên, để làm việc tiến hành có lợi cho nhân sự.

Cuộc tiến-bành lợi cho nhân-sự thực là việc ngày nay đang làm mà cũng là bởi công-lênh của khoa-học ngày nay. Song hiện nay thì khoa-học cũng vẫn chưa có hy-vọng thấu-hiểu được chỗ chân - tướng của nhân-sinh và vũ-trụ. Cho nên khoa-học ngày nay vẫn còn ở vào trong cái trình-độ tồn - nghi mà không xác-lập được một cái chân-tín triệt-để giải-quyết.

Chúng ta xem khắp các tông-giáo, các triết-học từ xưa đến gần nay, thấy chỉ có Phật-học là không những không bị khoa-học làm lay chuyển mà lại có khoa-học để làm chứng cứ và giải-thích thì Phật-học lại càng thêm chân xác tinh-mật thêm ra. Đó là vì Phật-học do nơi vô-thượng chính-giác mà hoàn-toàn đem ra để thấu biết chỗ chân tướng của vũ-trụ và nhân - sinh. Phật-học lại đủ tư cách dựng lên ở trên những lẽ phát-minh của khoa học một cái chân-tín, chính giải rất hợp lý. Vậy vì điền-bổ chỗ khuyết hám của khoa-học mà muốn thúc dục cho khoa-học tiến-bộ, chúng ta phải kiến-thiết nên một nền Phật-học để làm cơ-sở cho khoa-học, cho thành lập lấy một cái tin-ngưỡng tối cao về khoa-học.

3. Thực-chứng về Phật-học. — Phạm chỗ nào Phật-học đã thuyết-minh đều là tỏ về cái cơ chân-tướng của mọi sự mọi vật trong toàn-thể vũ-trụ cả. Xét những chỗ mà nhà khoa-học, nhà triết-học đã thuyết-minh về một phương-diện, một bộ-phận nào, nếu cứ giữ được đúng một mực mà không để một tý mê-tin hay thiên - tư gì lẫn vào thì cũng là sừng-đáng lắm đó.

Nhưng chỉ vì cái kiến-thức của nhà khoa-học, hoặc triết-học là theo ở sự kinh nghiệm do ngũ-quan là cái thân báo-sinh của chúng-sinh, và theo ở lời lý-luận ý nghĩ của nhân-quần truyền-giới mà mở rộng thêm ra cho đến thành lập mà thôi. Đến như Phật-học thì là do ở vô-thượng chính-giác, theo công tích-tu mà thành ra, chứng minh hết chỗ chân-tướng của vạn-vật mà hoàn

toàn đem khai-ngộ cho người ta, cho thích-hợp với cái trình-độ tâm-lý của mọi người và dùng đủ mọi cách thuyết-minh thành-lập. Thế cho nên cứ tìm ở trong hết thầy các học-thuyết và trong các văn-tự, ngữ-ngôn đã ghi chép lại, vẫn chưa đủ để hiểu xuất được chỗ đức Phật đã chứng thấy chân-tướng của vạn-vật đâu. Tất chúng ta tự thân cũng phải khai-phát cái giác-tâm của mình ra ngang hàng với của đức Phật thì mới chứng thực được chỗ chân-tướng của vạn-vật mà đức Phật đã hiểu biết.

Cái đó không khó, cứ theo chỗ kinh-nghiệm của phái Thiền-tông Trung-quốc mà mọi người hiện đã làm thành rồi, tức là mọi người ấy đều có cái giác-tâm đồng-đẳng với giác-tâm đức Phật đó. Giác-tâm đó, không một xát-na nào là không lưu-hành hoạt bát, chúng ta chỉ cốt trong mỗi xát-na là phải phá tan cái khuôn bó buộc về kinh nghiệm và lý-luận kia đi, thì trong mỗi xát-na ấy chúng ta tự có cái giác-tâm đồng-đẳng như Phật tổ, mà chứng thực được những chân-tướng vạn-vật của Phật-tổ đã chứng-minh. Tuy chúng ta chưa có thể chắc rằng đã chứng-minh được một lần là mãi mãi không còn bao giờ lại xa đọa vào cái lao-ngục vô-minh nữa.

4 Phật-học thế-giới. — Lấy nghĩa văn-hóa mà nói thì văn hóa của các dân-tộc Đông-phương vẫn có đại khái là cái **văn-hóa « điều-thiện tình-ý »**. Mà văn-hóa của các dân-tộc Tây-phương vẫn có đại khái là cái **văn-hóa « khoáng-sung lý-trí »**. Tuy gần đây đã vì sự giao-tiếp nhau mà cùng bắt chước lẫn nhau, nhưng xem ra chỉ mới giống có cái bề ngoài đó thôi còn trong thì vẫn khác, mà thành ra cái tệ cùng hiểu lầm nhau.

Nay lại lấy nghĩa triết-học mà nói thì, một bên là cái **triết-học thiên trọng về kinh-nghiệm**, một bên là cái **triết-học thiên trọng về lý-luận**. Về lý-luận

tuy có cái tính phổ-biến và thường-hằng nhưng không được là cái xác-dáng, cho nên phải nhờ kinh-nghiệm mà bổ-sung vào. Song nếu hai con **đường lý-luận với kinh-nghiệm** mà vẫn chưa hợp lại làm một mối phổ-biến và xác-dáng, thì cứ là một cái vấn đề-tranh-luận với nhau muôn đời không quyết được.

Nếu hai cái văn-hóa ấy, hai phái triết-học ấy, mà cứ cách bức nhau, không giải trừ đi một cách thiết thực được, thì cũng chọn kiếp không còn có cách gì giồng-hóa hết thấy các văn-hóa, các triết-học của cả nhân-loại mà cung ứng sự nhu-cầu cho loài người, từ nay trở đi được và không thể nào tạo-thành một mối văn hóa, một nền triết-học tuy hình-thức có khác mà tinh thần cùng chung cho thế-giới được.

Vậy chỉ có Phật-học là một cái học lấy sự « **điều-thiện tình-ý** » làm nhân-duyên cho lý-trí phát-đạt. Lại cũng lấy sự **phát-đạt lý-trí** làm nhân-duyên cho tình-ý phát-đạt. Cho cùng giúp nhau tới cõi cứu-cánh.

Lại nữa. Phật-học lấy sự thực-tri kinh-nghiệm là sự đã siêu-thoát hết thấy mọi điều phân biệt, để đi tới cái tính biến-thường tuyệt-đối về lý-luận, Lại cũng khéo phù hợp với sự lương-tri lý-luận của sự tình mọi việc, và tính xác đáng tương-đối về kinh-nghiệm. Cho hoàn thành sự nghiệp **kinh-nghiệm biến-thường hóa cùng lý-luận xác-dáng-hóa** mà sáng tạo nên cuộc văn-hóa và triết-học đại-đồng do sự yêu-cầu của cả loài người trong thế giới từ nay trở đi.

Thế cho nên chúng ta cần phải lột trần hết thấy cả mọi cái nó bó buộc, nó che đậy vì giống nòi, vì dân-tộc, vì xứ-sở, vì thời-đại đã truyền giới lại kia đi, mà biểu thị hẳn ngay ra một nền **thế-giới Phật-học**.

Về cuộc **Phật-học tân vận-động** này, đại lược là thế. Nay muốn cho cái lý-tưởng ấy được hiện ra sự thực một cách nhanh chóng, chúng tôi đã nghĩ đủ mọi kế

hoạch đề mở ra một trường thể giới Phật học viện và đã in chương trình gửi đi cho các Ngài. Nếu các Ngài thật-tâm biểu-đồng-tình cùng chúng tôi cùng hô-ứng thì xin mời các Ngài lưu-tâm làm việc để cùng chúng tôi cùng tiến hành.

QUẢNG-TRÀNG-THIỆT

cư-sĩ dịch



Khảo về lịch-sử Phật-giáo ở Nhật-bản hồi duy-tân

Nhật-bản ngày nay là một nơi tụy-tụ đủ các văn-hóa của Đông-Tây cổ-kim trong hoàn-hải, một nước khéo biết kén chọn, lựa lọc lấy những cái tinh-hoa của các văn-hóa cổ-kim trong hoàn-hải, điều-hợp với quốc-phong, với dân-tính của nước mà mình lập nên một nền văn-hóa vững-vàng tốt-đẹp mới. Thực đáng ngợi khen. Nay xét nội-bộ của nền văn-hóa mới ấy thì thấy không chỉ những văn-hóa học-thuật tân thời của Thái-tây, người Nhật chăm thâu-thái, thâu-thái để cho được giống và ngang hàng với người Tây châu, mà đến những văn-hóa học-thuật cũ như Thần-đạo của bản-quốc, Nho-giáo của Trung-hoa, Phật-giáo của Thiên-trúc, cũng đều khảo-hạch lại và thải bỏ những chỗ tệ-lậu, dề-xương, phát-huy những chỗ tinh-tủy ra, để làm cái cốt-trụ về tư-tưởng. Ôi, nước Nhật ngày nay sở dĩ thịnh lên một cách tinh-tiến dững-mãnh, há phải ngẫu-nhiên đâu.

Nay riêng khảo về Phật-giáo và căn-cứ ở sách Tông

giáo sử hồi duy - tân của nước Nhật-bản, thuật ra sau đây để làm gương cho trong cõi Phật-giáo nước ta biết chỗ nên tránh nên theo.

Muốn biết Phật-giáo Nhật - bản hồi duy tân canh tân thế nào, phải nên biết Phật-giáo ở nước ấy từ trước.

Phật - giáo hồi đầu

Nhật-bản trước kia chỉ biết có một đạo thờ quốc-thần gọi là **Thần-đạo**. Đến mãi đời Tấn Trung-quốc, Nhật-bản mới giao-thông với Cao-ly mà thâu-thái được **Nho - giáo**, lại cách một hồi gần 300 năm nữa mới thâu-thái được **Phật-giáo** của Cao-ly, Trung-quốc.

Bấy giờ có Thánh-đức Thái-tử mới đem ba đạo Thần-Nho-Phật hợp lại làm một, tức là cái thuyết « **Tam-giáo hợp-đồng** » của Nhật-bản.

Từ đó đạo Phật truyền-bá khắp nước, đến các quan công-khanh ở kinh-đô cũng hay bàn luận giáo lý của những phái Thiên-thai, Hoa-nghiêm. Kế đến nhà Mạc-phủ họ Nguyên-bình nổi lên, Phật-giáo lại càng phổ cập, thịnh nhất là phái Tịnh-độ, vì phái này tiện cho những người độn căn. Trong phái Tịnh-độ, lại nảy ra một phái mới gọi là **Chân-tông**, người tu-sĩ cũng có gia-đình. Người Nhật bản cho phái này là một phái Phật-giáo riêng của Nhật-bản mới sáng lập.

Phật - giáo ở đời Đức - xuyên

Nhà Mạc-phủ họ Đức xuyên cầm chính-quyền trong nước hơn hai trăm năm, nhà nước thẳng-bình, các chú-súy Mạc phủ lại đều sùng mộ Phật-pháp, hết sức bênh vực cho tăng-chúng, nên Phật - giáo ở Nhật-bản về thời - đại Đức - xuyên lại càng thịnh - vượng lắm. Cái chùa Đông Bản-nguyên ở mé nam kinh-đô cũ lớn lao rạc-rỡ vô cùng, có tới trăm vạn tin đồ lễ bái ngày khánh-thành, là dựng nên về hồi đó.

Tuy thế nhưng bề ngoài thì náo nhiệt như vậy, mà bề trong thì kẻ truyền-giáo thấy được chính-phủ ủng hộ, bèn sinh lòng ngã-mạn cống - cao, chẳng lo tuyên-dương chỗ chân-chính cứu-thế của đạo Phật để cảm hóa cho đời, mà chỉ mượn vài cái hư văn để khoa múa. cho nên bấy giờ nhân-dân chỉ biết nay đi lễ đám trai đàn này, mai đi lễ hội Vu-lan-bồn khác, chứ không hề còn ai biết đến giáo-lý là gì. Tông-đồ thì cùng nhau mê-mệt ở trong Đại-hùng bảo-điện, làm nhiều điều dật-lạc tham-si, Sử chép : 南無聲裏, 忍起鼻千雷, 歡喜場中, 結緣天女, « Đang niệm nam-mô, bỗng ngáy ran như tiếng sấm ; giữa tràng hoan-hỉ, cùng kết duyên với gái trời ». Phật - giáo suy - bại đến thế là cùng. Thành ra Phật-giáo Nhật-bản đời Đức-xuyên chỉ thịnh vượng về hình - thức mà phần tinh-thần lại suy vi quá lắm.

Tuy bấy giờ cũng có những vị tăng lỗi-lạc như Thiên-hải, Thế-nhơn ; thanh-tu như Bạch-ân, Vô-ân ; học-thức như Bảo - đàm, Phổ-tịch, Từ-vân ; song cũng như một bông hoa đỏ trong cái bụi muôn vàn lá xanh, hơi lạ con mắt người xem một ít mà thôi, chứ thực cũng không bằng chư tăng ở về thời Phật-giáo đang thịnh-vượng ở đời Mạc-phủ họ Túc-ly trước. Vả bấy giờ gọi là cao tăng cũng chỉ là hiểu biết những nghĩa chú sớ trong bản-tông mình mà thôi, ít có ai thâm thấu được tới chỗ tinh-vi của đạo.

Phật - giáo ở đời Duy - Tân

Thời-kỳ canh-cấp. — Cuối đời họ Đức-xuyên, vua Minh-trị mới lên ngôi, là lúc thế-lực người Âu-Mỹ mới bắt đầu tràn sang phương Á-đông. Người Nhật-bản xét kỹ thời-cơ, quyết-ý hăng-hái thay cũ đổi mới mọi việc để gây lấy cái nghiệp phú-cường cho nước, dựng nên cái cơ-đồ văn minh tân mỹ cho xã-hội, nên chi hạ-thủ làm việc gì cũng quá mạnh. Nhất là lúc ấy người Nhật đang

nhiệt-liệt cồ-động lòng ái quốc cho quốc dân, lại vì các nhà trấp-chính thiên trấp về cái chủ nghĩa **quốc giáo Thần-đạo**, nên Nhà-nước hạ lệnh cấm hết các tông-giáo khác, về Phật-giáo cũng vậy, không cho thờ tượng Phật ở trong miếu Thần (Thần Quốc-tổ), không cho nhà sư được kiêm giữ miếu Thần như trước, phàm những tượng Phật, đồ pháp-khi nhà Phật ở trong miếu thần đều đem đốt đi. Bắt các vị thân-vương đã xuất gia phải để tóc và hoàn-tục, cấm con cái nhà quan to không được cạo đầu xuất-gia, lại khuyên chính những vị tăng xuất gia từ nhỏ cũng trở về tại-gia, lại không cho chư-tăng trọc đầu ra vào chỗ quan-nha.

Lệnh ấy ban ra, và thực-hành ngay, làm náo động cả nước. Tăng-đồ hết sức vận động và trấp-ly rằng từ đời Thánh-đức Thái-tử đem Nho Phật hợp làm một, hai đạo đã thành quốc-giáo, từ tổ-tiên của nhân dân đến nay, phàm việc quan hôn thì làm lễ ở miếu Thần, mà việc táng-tế thì theo nghi-văn đạo Phật, đã quen rồi. Thì đạo Phật không có trở ngại gì cho **quốc-thể** mà lại có quan-hệ cho nhà vua rất lớn. Vậy muốn giáo hóa nhân dân mà không có đạo Phật một ngày không được. Bấy giờ có vị tăng đội tóc giả vào yết kiến quan Tể-tướng mà xin được cho minh-biện cái lễ đạo Phật không thể bỏ được. Các nhà đương-cục nghe thuyết ấy của tăng-đồ thì lòng cũng chuyển, biết là làm một việc điên-cuồng, bèn lại ra lệnh rằng trong Phật-giáo điều gì không trái với **quốc-giáo** thì cho được cứ thi hành, Môn-đồ nhà Phật từ đấy mới khỏi lo.

Tăng-đồ Phật-giáo Nhận-bản bị một phen cảnh cấp về thời thế ấy mới dặt mình tỉnh giậy, mới hỏi đến những vấn đề, trong thế nào là **quốc-giáo**, ngoài thế nào là các giáo cạnh-tranh, từ đó mới hết sức nghiên cứu học vấn, lo đem cái tinh thần tông giáo, tinh thần cứu-thế của đạo Phật ra cống-hiến cho xã hội hiện-tại mà làm lợi ích cho nước cho dân.

Phật-giáo trung-hưng. — Từ khi lệnh bài-Phật thủ tiêu, Phật-giáo lại hưng-khởi, kể đến từ năm Minh-trị thứ 9 đến năm 11, Chính-phủ lại định chế-độ quản-trưởng cho các tông-phái và cho tín-giáo tự-do, Phật-giáo cũng như các giáo khác-từ đó mới phát-triển được hết động lực của mình để mưu lấy địa-vị ưu thắng trong cuộc sinh tồn cạnh-tranh, mà thực-hành được những điều mình muốn làm. Trong Phật-giáo Nhật-bản bấy giờ mà tự sớm biết chấn hưng lên được là phái Tây Bản-nguyên-tự, một phái rất lớn ở Nhật-bản vậy.

Chùa Tây Bản-nguyên từ đầu đời duy-tân, đã biến-đổi những sự vụ cai quản trong chùa rồi, Về sau tuy có cuộc phân-tranh về tông-nghĩa và tự-vụ đề đổi mới thay cũ nhưng cũng là việc kế-tiếp về mấy năm sau cả. Do cái công-cuộc thay đổi ấy rồi chùa Tây Bản-nguyên bắt đầu đem chủ-nghĩa Phật-giáo mở ra được trường học phổ thông.

Còn chùa Đông Bản-nguyên thì lại truyền - đạo sang được đất Thượng-hải bên Tàu và các nước Đông-Á, chăm-chăm lo về mở-mang cho bản-giáo của mình.

Ngoài ra các tông-phái khác cũng đều gắng sức duy trì giới luật và đặt ra cách-thức để mở rộng cho bản-giáo của mình nhiều lắm. Lại những người đệ-tự Phật, kẻ thì cố gắng học-hành để tìm tới những nghĩa sâu xa, kẻ thì đi du - lịch các nước Âu-Mỹ để tham thêm trí-thức.

Nguyên vì cội tư - tưởng của quốc dân Nhật-bản đời Minh-trị, trước thì tin theo về thuyết **tự do dân quyền** của nước Pháp, rồi sau lại quay theo về chủ-nghĩa của nước Anh, nên phái thanh - niên trong Phật-giáo cũng chịu ảnh hưởng ấy mà đi theo, bèn nhờ vào thuyết **vô-thần** và thuyết **bất-khả-trí** của nước Anh làm hậu viện mà tranh luận với tông giáo khác. Phật-giáo lại thịnh lên ở đời tân-học là nhờ ở đó.

Bấy giờ lại nhờ được có Phúc-diễn - Hành - thành sư

福田行誠師 giúp sức nên đem được cả các kinh Đại tạng in bằng hoạt-bản khổ nhỏ để rộng truyền bá, đó thực là một việc đáng kỷ-niệm về sau.

Việc cải cách giáo-vụ

Đời nay là lúc cạnh-tranh, hay lên hèn lui, dù nhà tông-giáo cũng không tránh khỏi cái công-lệ ấy mà đáp triêu kìn nằm lì ở trong cái mộng mơ-màng trần-hủ mãi được. Phái Phật-giáo Nhật - bản thực đã sớm hiểu cái nghĩa ấy. Cho được sống còn mà hưng-hiển ở đời văn-minh, trong cố-kết với quốc-dân, ngoài tranh-thắng với giáo khác, Phật-giáo Nhật-bản bèn lấy sự thực của lịch-sử làm căn-bản mà xướng lập lên một giáo đoàn lớn gọi là : « Tôn vương phụng Phật đại-dồng đoàn ». Lời tiêu đề của đoàn này là : « **Hiển dương sự tôn-vinh của nhà vua, hộ-trì điều chân-lý của đạo Phật, giữ gìn và làm rạng tỏ thêm nhưng cái hay cái tốt của nước nhà ra** » Rồi hô - hào với dân - chúng rằng : « **Đạo Phật là một đạo hàm - dưỡng nên cái phẩm-tính của quốc-dân ta đã một nghìn ba trăm năm nay, thực là một chính pháp nhất trong thế-giới, thế cho nên xét từ xưa bao nhiêu những đấng trung-thần trong nước, tận-tụy với dân, đều là người nhờ đạo Phật cảm hóa cho cả. Vậy thì ngày nay mà làm hiển-dương đạo Phật lên tức là để bảo-hộ cho quốc-gia đó** ».

Ấy Phật giáo Nhật-bản sở dĩ dễ-tĩnh được chính-phủ mà làm đình-chỉ được cái sắc-lệnh « **bài Phật** » ở đầu hồi duy-tân là nhờ ở cái lý-thuyết ấy, mà về sau thắng được giáo khác, giữ vững được địa-vị mình cũng là nhờ ở cái lý-thuyết ấy. Đại-dồng-đoàn thành lập rồi, người trong nước theo về đông lắm. Những bọn thiếu-niên có chí trong Phật giáo Nhật-bản không lấy thế làm đủ, bèn nhao-nhao xướng lên cái thuyết canh-tân Phật-giáo.

Trước kia Phật giáo ở Nhật-bản cũng như ở các nước khác Á-đông, nghĩa là cái chế-độ sơn-môn và cái chế-độ tự-viện là những cái tín h-cách hẹp-hòi hủ-lậu và nhân-tuần đã lâu đời, ngày càng thêm lắm tệ-đoan ra. Bởi vậy ngày nay trong tầng chúng có người muốn cải cái chế-độ tự-viện ra làm cái chế-độ mục sư của giáo-hội. Về Tịnh-độ-tông thì muốn đem cả các sơn môn trong tông-phái mình thống nhất lại mà phân ra làm từng giới khu lớn nhỏ và đặt làm chế-độ giáo-hội.

Người ta lại muốn chỉnh-đốn lại học-qui cho được ngang trình-độ với những trường học của thế-tục mà cùng tiến-hóa. Hai chùa Đông Bản-nguyên và Tây Bản-nguyên thì phái học trò vào học trường đại-học của nhà nước để gây lấy nhân-tài cho trong phái mình. Bởi người ta lại cho chư-tăng xin vào làm những chức việc trong trường-học, trong ngục-thất và trong quân-đội để gây lấy thế-lực cho đạo Phật. Đến như việc truyền giáo ra nước ngoài thì bắt đầu truyền ở các hải-cảng Á-đông đến Đan-hương-sơn cùng mọi nơi khác có nhân-duyên với Phật.

Muốn liên-hợp với hội thần-học ở Ấn-độ, người ta bèn mời ông Kha-khách là hội-trưởng của hội ấy sang chơi Nhật-bản. Người ta lại lập ra hội tuyên-giáo ra nước ngoài mà đem nhiều bộ sách Phật dịch ra tiếng Anh, lại lập những xuất-bản-xã, tạp-chí-xã để cổ-động truyền-bá.

Về sự thực thì như thế mà về giáo-lý của đạo Phật, tầng-chúng Nhật-bản cũng muốn cải-lương lại cả. Như ông Đạo-long thì muốn cải-lương phái Chân-tông lại mà lập ra một đạo Phật mới. Bọn ông Nhân-hải thì xướng lên thuyết cải-cách Phật-giáo, muốn nhân những lúc diễn-thuyết giảng nghĩa mà phát-huy ra những giáo lý mới để tổ chức thành một phái, Nhưng sự cải-cách của những bọn này vì cội rễ chưa sâu, thực-lực chưa

đủ, nên tuy có hô hào lên được một hồi rồi bị tiêu diệt ngay.

Kể việc làm mà thực có nội-lực và hầu được thành-công thì chỉ có phái Tào-dộng-tông do ông Đại - đạo xưng lên đạo cứu-thế-giáo là hơn cả

Ông này muốn đem giáo nghĩa của Tào-dộng tông mà phụ hợp với giáo-nghĩa của Chân-tông. Lại tiến lên một bậc nữa là đặt ra danh-mục « Diệu-lực môn » lấy kinh Quán-âm làm chính-y, nhờ tri-lực thần-diệu của đức Quán-tự-tại mà cứu độ cho chúng sinh. Những lời thuyết-giáo của phái này đều hợp một mối lý-luận chứ không lẫn-m lẫn và trái nhau. Lại biết tưởng-lệ những đạo thông thường nhật-dùng và bàn nói một cách bình-dị, nên cảm hóa được đến cả bọn đàn bà Còn hết thấy những nghi-thức thì cũng chỉnh đốn lại một cách gọn gàng, chất-thực lắm.

Thế lực phái này bắt đầu lan khắp vùng Bắc-Việt, rồi kéo thẳng ra Đông-kinh, những người về phái trung-lưu theo nhiều lắm. Đó thực là một cái động-lực mới đáng chú ý trong Phật-giáo Nhật - bản bấy giờ.

Bấy giờ ngoài Phật-giáo ra, như đạo Nho, đạo Thần, đạo Thiên-chúa và đạo Tin-lành cũng đều chăm lo về việc cải-lương cho được tiến bộ, cõi tông-giáo Nhật-bản lúc ấy thực có cái khi-tượng rất hoạt - bát. Song xét về cội gốc của thời thế là nhờ ở hiến-pháp của cội chính-trị ban bố ra cho nhân dân được tự - do tín giáo. Lại nhờ có lời sắc-ngữ của nhà vua ban ra bấy giờ định đoạt chỗ mục-dích giáo-dục là lấy quốc-gia, lấy nhân-dạo làm cốt, nên chỉ các tông giáo đều bâng khuâng tỉnh giậy, nhận lấy chỗ su hướng mà đem những đạo nghĩa có thích hợp với thời-dại mà giáo hóa cho quốc-dân. Phật giáo Nhật-bản bấy giờ hiểu được nghĩa ấy sớm nhất và thực hành được mạnh nhất. Lời tuyên ngôn và chủ tri của Phật-giáo Nhật-bản bấy giờ là :

« Phật giáo là đạo đại-thắng rất cao-đạo đức của đạo Phật rất hợp với những tông chỉ khắc-trung khắc-nhiều trong sắc-ngữ ».

Việc nội - hủ

Từ đầu đời duy-tân, tức là năm Minh-trị nguyên-niên, toàn-thể quốc-dân Nhật - bản hết sức thay mới đổi cũ từ hình thức đến tinh thần, cho kịp với vận hội mới của thế giới. thì trong Phật giáo cũng như vậy. Người ta đang hi vọng cho cõi Phật-giáo Nhật-bản sẽ có cái khi thể xương long vô - cùng, thì bỗng đến năm Minh-trị thứ 24, 25 trở đi, trong Phật-giáo bỗng ngày phát - lộ ra những cái trạng - thái suy kém. Phái Tào-động thì diễn ra cái kịch hiềm khích nhau, phái Đông Bản-nguyên-tự thì tranh nhau về giáo quyền. Sau đó tuy có yên đi được một dạo, nhưng cái cơ suy biến vẫn ngấm ngấm ở trong. Năm 28, phái Tào-động lại nổi lên cái cuộc tranh nghị về tài chính, lời-thôi-rắc rối không biết là chừng nào, rồi đến đổ nát cả mọi việc. Đến năm 29, các biên-tập ủy-viên của một hiệp hội, do các tông phái hợp lại. tự tiện san bỏ bốn điều cương yếu của phái Bạch-liên-tông đi, bèn sinh ra cãi cọ nhau, sau đến đem nhau ra tòa án thừa kiện. Phái Bạch liên-tông muốn lập đoàn riêng, thường tranh luận với bọn biên-tập ủy-viên về những nghĩa Kinh Pháp-hoa với ba bộ kinh ưu liệt khác nhau thế nào, đức Phật Thích-ca với đức Di-đà thực hư thế nào.

Tông hội của phái Tịnh-độ-tông cũng vì tranh nhau mà giải tán. Tháng 6 năm ấy, vì Pháp-chủ phái Chân-tông chịu phong tước của Triều-đình, cái tiếng « **Bá-tước trọc đầu** » đồn đại đi khắp xa gần. Tháng 9, các tông-giáo mở một cuộc đại hội nghị gọi là « **Tông giáo gia khẩn đàm hội** », là để cùng nhau trao đổi ý kiến, bỏ cái ý riêng tây về môn phái đi mà cùng giảng tìm công lý, thực là một việc rất hay. Trong Phật-giáo có mấy vị tăng đến dự hội, thế mà khắp trong thiền

gia đều trê cười sỉ mạ mấy vị tăng ấy, khiến cho kỳ đại hội năm sau, trong Phật-giáo không có một người nào tới họp nữa, há không đáng tiếc dư. Cuối năm ấy, môn đồ chùa Đông Bản-nguyên kéo nhau đến cổng chùa bách bọn đương-cục phải lập một hội đồng-minh để cải cách lại mọi việc trong chùa, vì công vụ bỏ bễ, tài chánh rối loạn. Bọn đương cục nhận lời thì phái phản kháng cũng yên lòng lui về ngay, mà sự thực cải cách cũng không có gì là tiến hành cho lắm.

Khí - tượng tân hưng

Tuy Phật-giáo Nhật-bản bị mấy năm sây ra nhiều việc lôi thôi, tranh rành về giáo vụ với nhau. không khỏi có cái thái độ hủ-bại nhưng cái khí tượng tân-hưng của toàn thể thực cũng không đến nỗi để cho bại hoại hết. Từ khi cái phong trào « nghiên cứu tông giáo » của thế giới truyền bá vào cõi học thuật Nhật-bản, rồi trong trường đại-học cũng mở ra lớp dạy so sánh giáo lý của các tông giáo. Nhân đó trong Phật-giáo mở ra được hai cái tạp-chí là : **Đông-dương triết-học** và **Phật - giáo sử lâm** để nghiên cứu về đạo Phật, đều về hồi năm 25 đó. Vị sư Hưng-nhiên Tỉ-khâu thì lập ra được trường học tiếng Phạm. Từ đó người thì muốn đem nghĩa mới để giải nghĩa đạo Phật, người thì tranh luận về núi Tu di với quả địa-cầu. Lại người thì xưng lập lên « **Phật giáo thống - nhất đoàn** » người thì muốn đem lại cái tinh thần cũ của đức Thích-ca bèn lập ra phái Thích - ca tông. Người thì muốn lấy đạo Phật làm chủ mà thuyết minh cho lời sắc - ngữ của nhà vua để lập ra phái Đại Nhật-bản-giáo, người thì định lấy thuyết nhân quả của đạo Phật hợp với thuyết vũ-trụ-luận của Tây - phương. Ông Thủy-cốc xưng lên thuyết « **Tân Phật giáo** », ông Bắc-xương lập lên phái « **Tân Chân-tông** », đủ theo đòi ganh thi được với các học phái, tông giáo khác như Nho, như Thần, Gia-tô, Tin-lành và các học thuyết Âu

Mỹ vân vân, mà cố gắng hiến cho xã hội. Từ sau cuộc canh tân 30 năm của toàn thể quốc dân Nhật-bản cáo thành công trở cả đi, Phật giáo Nhật bản còn cải cách và tinh tiến nhiều việc, nay truyền bá cả sang Âu châu, đất Nhật - bản thành ra một cái nơi căn cứ về đạo Phật cho người Thái-tây đến tham học. Ôi vẻ vang thay cho môn đồ Phật-giáo ở Nhật - bản.

Đ. N. T.



Tâm gương chung của các tín đồ Phật-giáo Việt-nam

Đạo phật căn-cốt ở từ-bi cứu-tế

Ôi! Phật giáo mà lưu hành ở thế-gian này, thực là cái pháp-môn vĩ-dại để cứu tế nhân-loại. Ai đã xem đến lịch-xử Phật giáo ngót ba ngàn năm nay, cũng phải công-nhận là một tôn-giáo hoàn-toàn ích lợi cho thế-giới nhân sinh, mà giáo-lý rất là thích-hợp với nền văn-hóa của Á-đông ta.

Thế nào là thích hợp ?

Nhân - loại ai cũng muốn bình-dẳng bác-ái, thì Phật-giáo đã sẵn tôn-chỉ dạy cho mình được thực-hành đầy đủ cái tư tưởng ấy; ai cũng muốn cho thế-giới khỏi những sự thống-khổ, thì Phật-giáo cũng lại sẵn có tôn-chỉ cho mình thực-hành đầy đủ cái hy vọng ấy.

Nói tóm lại, thì người đời còn có những sự mong cầu, chán ghét gì, thì Phật-tổ đã rõ biết trước, nên Ngài đã nói sẵn những phương pháp để cho mình thực-hành. Phật-tổ đã khiến cho người đời đầy đủ cái hy-vọng như thế rồi, lại muốn cho mình siêu việt lên khỏi cái thế-giới khổ-não nguy-bách này mà trở về nơi cảnh-giới yên-ủi. Xem thế thì đủ biết Phật-tổ lập ra tôn-giáo, mục đích chỉ lấy từ bi cứu-tế làm căn-cốt, mà giậy cho người đời theo đạo cũng chỉ hy-vọng cho mọi người giải thoát khổ não. Nhưng ai muốn chóng tới chỗ mục đích ấy thì phải kỹ-lưỡng dụng tâm ở « tri » và « hành ».

Tri, nghĩa là biết, người ai cũng biết lẽ thế là phải, lẽ thế là không phải; phải thì nên theo, không phải thì nên bỏ.

Hành, nghĩa là làm, người ai cũng biết việc ấy nên làm, việc ấy không nên làm. Lẽ biết với việc làm trung chính không thiên không lệch, ấy là cái lương tâm ta, tức là một khối Phật-tính hồn-nhiên, người ta ai cũng sẵn có, bảo-tồn được nó, tức là Phật. Thánh, để cho nó mờ ám đi, tức là phạm phu; tóm lại mà nói, ai muốn cho cái khối Phật tính của mình không biến thiên mờ ám đi, thì những điều mình tư-tưởng phải cho chính-đính thuần-khiết, ấy cũng thuộc về nghĩa chữ tri; những việc mình hành-vi phải cho hợp với đạo-đức luân lý, ấy cũng tức là nghĩa chữ hành. Nếu ai cũng tri, hành được hoàn toàn như thế, thì theo Phật-tự thành Phật-tổ, theo Nho tự thành Thánh hiền, chớ chẳng phải tìm Phật thánh ở đâu xa ! Người xem sách Phật mà tiềm-tâm suy nghĩ cho kỹ, tự thấy Phật-giáo có các pháp-môn lợi-ích đối với cuộc nhân-sinh như thế, nên người trong thiên-hạ bất luận chủng-tộc nào, phần nhiều đối với Phật giáo cũng đem lòng sùng-tín cả. Xưa nay, bao nhiêu hồi Phật-giáo suy-vi, mà lòng người trong thiên-hạ, vẫn không nở quên. Vì rằng

đạo đức của Phật tổ đã thấm sâu vào tri-não nhân-loại, công đức còn đầy đầy ở nhân gian, vậy nên mới có cơ-hội chấn-hưng Phật giáo ngày nay. Quí-ngài trong giáo-hội, đã đồng-tâm hiệp-lực ra chấn-hưng Phật-giáo, ai là không công nhận mình là Phật-tử, đã vậy thì bất cứ xuất gia, tại-gia, ai cũng là đại-biểu Phật giáo cả, đã là đại biểu cho Phật-giáo thì phải chung vai gánh vác lấy sự nghiệp của đức Giác-hoàng Thế-tôn.

Xét xem từ xưa tới nay, chư Phật, chư tổ, truyền đạo cứu đời, ngài nào cũng trước phải tùy theo thời đại tư tưởng mà canh tân giáo-hóa, nên trong truyền-gia mới chia ra các tôn các phái là thế, mà đến Vương công đại thần hộ trì Phật-giáo cũng mong đem Phật-giáo ra mà âm phù quốc-gia xã-hội.

Hiện nay nước ta đã theo về nền văn-hóa mới, nếu các nhà có địa vị truyền giáo mà không biết biến thiên thì sao cho thích hợp với trào lưu này. Nếu truyền giáo mà không có bổ ích gì cho thế đạo nhân tâm, thì dù có thuyết pháp cho ai nghe đi nữa, mà người nói với người nghe cũng chẳng khác chi cái hòm tròn mà đập cái nắp vuông.

Muốn cho Phật-giáo truyền bá thích hợp với phong trào này, tất phải truyền bá về qhương diện Phật-giáo nhân-gian.

Vậy tôi xin cống hiến cùng quý ngài hai tin mừng xác đáng, rất nên chú-ý trên con đường Phật-giáo ngày nay; chính là câu chuyện người Mỹ cùng người Âu đối với Phật-giáo.

1. Người Mỹ đối với Phật-giáo

Tôi còn nhớ hồi năm 1935 đọc báo Từ-bi-âm có tin rằng: có chiếc tàu Nhật ghé vào Saigon, có hai vị sư người Mỹ ở tàu bước lên. Hai vị sư ấy cũng cạo đầu cũng đeo chàng hạt, cũng mặc áo tràng vạt rộng tay

theo như kiểu nhà tu Phật. Khi 2 vị đi chơi ở Chợ lớn. Saigon, tới đâu ai cũng lấy làm lạ, vì rằng chưa từng thấy người nước Mỹ tu đạo Phật, nên mới xúm nhau theo hai vị mà coi xem. Kể có mấy nhà thức giả ở Saigon ra nghinh - tiếp chào hỏi thì hai vị sư nói.

« Chúng tôi là người nước Mỹ tu theo đạo Phật đã được 15 năm nay, mà chúng tôi chẳng những chỉ tu lấy một mình thôi, đã từng đem giáo lý đạo Phật ra truyền-bá cho người bốn quốc theo đạo Phật nữa, nên nay bên nước Mỹ chúng tôi đã có nhiều chùa thờ Phật, mà số người theo đạo Phật cũng đã khá đông. Hôm nay chúng tôi sở dĩ qua đây, vì chúng tôi sang Ấn-độ khảo-cứu Phật-học đã 5 năm nay. Chúng tôi lại được nhờ các hội Phật-giáo giúp tiền qua Nhật-bản để khảo cứu Phật-học ở bên Nhật. Chúng tôi do theo con đường Ấn-độ đi đến kinh đô nước Xiêm - la, có nghỉ lại đó 6 tháng, để đi thăm xem các danh thắng, ngày nay chúng tôi mới qua Nhật, Nhân gặp gập tàu ghé đây, chúng tôi lên xem phong cảnh nước Việt-nam và tham yết các vị - đại đức cùng quý ngài » Các nhà thức-giả thấy thế lấy làm hoan-nginh lắm, bèn thân dẫn hai vị đi chơi xem các nơi danh thắng. Hai ngài đi đến đâu cũng vẫn giữ lễ phép trong nhà Thuyền mà đối đãi với các vị sư ở Saigon, trước khi hai Ngài cáo từ xuống tàu, đều lên cửa tam-bảo khép nép cung kính lễ Phật rồi mới ra đi.

2. Tâm-lý của Đại - sứ Lao công Pháp JUSTIN GODART đối với Đạo Phật

Trong báo Pháp-âm có đăng một tin rằng: Ngày 27 Février 1937, ông Justin Godart đại sứ Lao-công của Chiến-tuyến Bình-dân Pháp (Front Populaire), ghé tại chùa Báo quốc, do hội Phật học Huế mời. Bữa ấy ông Nguyễn-khoa-Tân, Hiệp tá đại-học sĩ tri-sự, Chánh hội-trưởng hội Phật-học, có giảng một bài kinh cho quan Đại sứ Lao-công và các chức sắc Tây Nam nghe.

Diễn giả nói xong, Đại-sứ bước lên diễn đàn, tỏ ý kiến thiết thực của chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa Từ-bi nhà Phật; nghe qua, thỉnh giả ai cũng lấy làm khâm-phục và hết sức ngạc-nhiên.

Ngạc nhiên!? Phải, vì xưa nay phần nhiều ai cũng lầm tưởng: Tu học Phật pháp là môn yếm thế chủ nghĩa Từ-bi chỉ ở trong vòng lý tưởng, khó bề thiết hành được.

Lầm! ai cũng lầm như thế, người ta tưởng chủ-nghĩa Từ-bi chừng như là cao sâu huyền bí! Ngày nay Đại-sứ Lao-công, đột nhiên đứng giữa một hội Phật, mạnh dạn thuyết minh cái chủ nghĩa xã-hội chính là giáo-lý nhà Phật mà bao nhiêu năm nay, tin đồ Phật giáo ôm ấp mơ hồ.

Chúng tôi xin đốt nén hương lòng, cảm kích cái đại ân của Ngài, có lòng tha thiết đối với học thuyết của Phật đạo mà các hội Phật đang chấn hưng.

Dưới đây, tôi xin trích lục một đoạn của Đại-sứ lên diễn-đàn nói:

Tôi không thể làm thỉnh được, sau khi nghe những lời vừa giảng xong, tóm tắt về đạo Phật. Đạo Phật, chú trọng về lòng nhân từ, nhân đạo. Cái đó tôi rất cảm-động, cảm động rồi cần phải sửa đổi lòng mình, nếu như mình tàn ác, hung bạo...

Về chỗ nhân đạo từ thiện, Phật muốn như vậy; đạo Phật cũng chỉ ấn mạnh vào lòng người về chỗ đó, thì tôi nay, thay mặt cho Chính-phủ Bình-dân, xin thưa các ngài rõ: Cuộc tổng tuyển cử vừa qua, sở dĩ Chiến tuyến Bình-dân đắc thắng, rồi Chánh-phủ Bình-dân lên nắm chánh quyền, cũng chỉ vì Chiến tuyến Bình-dân, bao giờ cũng đứng về phe anh em thợ-thuyền, dân cày, tiểu trí thức, tiểu thương gia. v. v... nghèo khổ bao giờ cũng bình vực quyền lợi cho phần đông hạng đói rét, bị áp bức, bóc lột về tất cả mọi phương diện vật chất và tinh thần. Chánh-phủ Bình-dân hiện nay đã ra thay mặt cho Chiến-tuyến

minh, lãnh cái nhiệm vụ : giải phóng tình cảnh sanh hoạt khốn khổ cho tất cả anh em.

Chánh phủ Bình-dân hiện nay, cần làm việc ấy gấp cần làm sao cho con người ta phải ra dáng con người, đủ ăn đủ mặc, đủ học, đủ hành, đầy tự do, đầy hạnh-phúc.

Con người ta đủ ăn, đủ mặc, đủ học, đủ hành, rồi thì trí con người ta, lòng con người ta, tinh thần con người ta, tất phải hiền lành, sáng suốt.

Chánh phủ Bình-dân cần phải thực hiện ngay chánh sách : Khoan-hồng, rộng lượng ; Chánh phủ Bình dân cần phải chứa chan lòng nhân từ, đạo đức trong công việc tiến hành.

Chánh phủ Bình dân rất tán đồng cái lòng từ thiện của Phật, từ thiện không phải chỉ ở trong lòng mà cần phải làm cho nó thực hiện ra bằng hành động cử chỉ, bằng công việc làm, bằng sự chân thành, sửa đổi đối với quần chúng lao khổ hiện nay. Trong lúc thấy tôi qua đây, họ sốt sắng thiết tha, đưa cho tôi nhiều yêu cầu, nhiều nguyện vọng cần kíp.

Tôi rất cần thận trung thành đưa hết những bản nguyện vọng thiết thực ấy về cho Chánh-phủ, cho quan Tổng-trưởng thuộc địa Marius Moutet, và tôi nhiệt liệt khẩn cầu cho kỳ được, khẩn cầu sửa đổi gấp gấp nữa kia.

Anh em đưa nguyện vọng cho tôi, muốn cho được kết quả tôi lại phải cần đưa ngay nguyện vọng đầu tiên của tôi về Pháp, trước khi tôi bàn định cùng Chính Phủ trong công việc cải cách sau này.

Nguyện vọng của tôi là yêu cầu Chánh-phủ Nam-triều và tất cả quan lại thuộc địa, cần phải lấy lòng công bình, khoan hồng, rộng lượng, hay nói rõ là lòng đạo đức từ-thiện trong công việc cai trị dân chúng, ở xứ nghèo nàn khốn khổ này !...

Đó bao nhiêu lời châu ngọc của Đại-sứ Lao-công J. G. mấy hội Phật nên lấy đó làm mảnh gương phản chiếu soi

chung, hầu thực hiện chủ nghĩa Từ-bi đối với nhân loại quần sanh. Xem qua lời nói của Ngài, Phật giáo đồ không khỏi ngùi ngùi xôn xao trong lòng, bao nhiêu giáo nghĩa Từ-bi bác-ái, cứu thế độ dân, xưa nay cơ hồ như giấc mộng mơ hồ. Thăm xét lại : Ôi ! ai là kẻ gánh cái trách nhiệm Như-lai, hoằng pháp lợi sinh, nên lấy mấy lời của Đại-sứ làm kinh Nhật tụng, kiến thiết trong tâm hồn, hiệp với trào lưu của thế giới, đem ra ứng dụng với đời.

Đại để những lời nói của Ngài, đáng chú ý nhất là ba khoảng dưới đây :

1. — Con người ta đủ ăn, đủ mặc, đủ học, đủ hành, rồi thì trí con người ta, lòng con người ta, tinh-thần con người ta, tất phải hiền-lành sáng suốt.

Hay lắm thay câu nói này ! Huyền diệu lắm thay lời nói ấy ! Trong đời có ai thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu học, thiếu hành, mà hiền lành, sáng suốt đặng !

2. — Chánh-phủ Bình-dân rất tán đồng cái lòng từ-thiện của Phật, từ thiện không phải ở trong lòng mà cần phải làm cho nó thực-hiện ra bằng hành-động, cử-chỉ, công việc làm, bằng sự chân-thành, sửa đổi đối với quần-chúng lao-khổ hiện nay.

Đáng khâm phục thay Chánh-phủ Bình-dân có lòng Từ bi Bác-ái như thế. chính - phủ Bình-dân đã thiết-hành chủ-nghĩa Từ-bi ở Pháp đã đành, còn muốn thiết hành ở thuộc-địa nữa. Chúng tôi hết sức cảm động ; Ngài Đại-sứ đứng giữa Phật đài khuyên giáo-đồ chúng tôi hãy thực hành chủ-nghĩa Từ-bi của Phật để lại.

3. — Nguyện vọng của tôi là yêu cầu chánh-phủ Nam-triều và tất cả quan lại thuộc - địa, cần phải lấy lòng công bình, khoan hồng, rộng lượng, hay nói rõ là lòng đạo đức từ thiện trong công việc cai trị dân chúng ở xứ nghèo nàn khốn khổ này.

Đó, Đại sứ hết sức bảo người ta có lòng đạo đức từ-thiện, mà lòng ấy nếu không phải kẻ có tâm Từ-bi, há

được dồi dào ư ? Đại-sứ bảo người ta có lòng đạo-đức từ-thiện, tức là bảo người ta phải tu hành. Và chữ tu là rèn đúc cho con người làm quan thì thanh liêm, rộng lượng, công-bình, làm thợ thì siêng-năng giỏi-dẫn, làm việc gì thì hết bổn-phận vân vân . . . Nói tắt, các hạng người trong xã-hội. ai cũng làm tròn bổn-phận, chức việc của mình

Các lời của quan Đại sứ Lao công nói ở trên là ngài có ý muốn cho các hội Phật-giáo ở xứ ta, vì đã Phật-pháp mà chấn-hung : nhưng cũng lại nên vì cả quốc-gia xã-hội mà chấn-hung Phật-giáo nữa.

Tôi dám mong các hội Phật đều nên phấn chấn tinh thần để làm cho đủ các phương pháp chấn-hung Phật-giáo.

MỤC-DÍCH CHẤN HUNG PHẬT-GIÁO

Xem cái tình hình Phật-giáo mấy năm trở về trước, tuy mỗi làng có một ngọn chùa, nhưng các nơi thờ Phật chỉ tin rằng làm chùa để đi lễ cầu phúc, mời chư sư ở chùa, để thay mặt thắp hương cầu phúc cho mình, chớ không biết ngôi chùa và các tượng Phật, Bồ-tát chỉ là cái gương đạo đức luân lý để mình soi, mà chư sư chỉ là người ở đấy để giữ cái gương ấy, những khi thiện-tin ra chùa, thì đem giáo-lý tinh-túy ra chỉ dẫn cho người ta theo đó mà thực hành, thời tự nhiên không cầu phúc mà được phúc. Đấy mới là chân lý thờ Phật. Nếu làng nào có chùa thờ Phật, cũng biết cái mục-dịch ấy thì thế đạo việc gì đến nỗi suy-vi.

Cũng may, hồi này có các bậc trí thức cùng nhau tận tâm văn-cứu, khắp cả ba kỳ đều đem giáo-lý của đạo Phật ra mà tuyên truyền thay cho Nho-giáo.

Nay cứ xem những làng có hội-quán diễn-giảng, cùng những làng không có, từ trẻ già trai gái, những cách ngôn ngữ hành động đã hơn kém nhau nhiều, mới biết

sự giảng đạo có cảm hóa nhân chúng về phần đạo đức luân lý, nhanh chóng như thế, cho nên lòng người xu hướng về đạo Phật ngày càng đông.

Tuy nhiên, Phật-giáo đã long thịnh như thế, nhưng trong hàng Phật-tử chớ vội cho là đã mãn túc. Hiện nay ngoài còn có kẻ chớ cơ hội mình suy yếu để họ bài trừ, lại có một phần đông âm phá ở trong nữa. Cái nông nổi ấy chúng ta cũng nên thông-tâm tạt thủ mà lo phương pháp duy-trì.

Cổ-nhân có nói : « Ở yên nghĩ nguy, ở thịnh nghĩ suy ». Nhân cơ hội này, phải nên phẩn-phát tinh-thần mà khuông phù chính giáo. Người có pháp thì lấy pháp thi, người có tài thì lấy tài thi, có lực thì lấy lực thi. Nếu Phật-tử ai ai cũng đối với Phật-pháp dững mảnh tinh tiến như thế, thì mới đảm nhận được cái cơ nghiệp của Phật-tổ Như-lai, mà thực hành được như lời Đại-xứ Lao - công vừa nói ở trên.

Phương phép duy trì có mấy điều thiết yếu như sau này:

1° Sùng-thượng đạo-đức

Cái bồn - phận của người ta, ai cũng phải nên châu dồi đạo-đức làm đầu, mà bên phái Phật-tử, thì đạo đức là cái nguyên tố sinh-thành giới thân, tuệ-mệnh của mình, lại là một thứ pháp-khi hóa độ nhân chúng, nếu muốn cho nhân chúng đầy đủ tấm lòng tín ngưỡng, thì Phật-tử trước phải giữ gìn đạo đức. Xem những bậc cổ thánh tiên-hiền, ngài nào xuất xử cũng ứng dụng ở trên con đường đạo - đức mới lập thành sự nghiệp, để cho nhân loại nhờ đấy mà bắt chước. Phương chi các Phật-tử chủ ý để kể Phật-tổ thọ mệnh, hoằng-hóa chính-pháp, há lại chẳng lấy đạo đức làm tiên-chuẩn mà được dư !

2° Giáo-huấn tăng-già

Phật-pháp mà không chấn-chỉnh, là tại tăng-già thiếu học. Nay Phật-giáo mở trường Phật-học trong cả ba kỳ, là chỉ cốt ở chỗ chỉnh đốn thuyền-lâm, thiệu long Phật-chủng. Thế mà còn có người nói : — Các vị học thì được ích cho các vị, chứ ta được gì mà phải tư cấp ? Ôi ! những người nói như thế, sao không biết hỏi : — Trong tăng-giới hồi trước, làm sao mà nay chùa này, bị dân chực xuất, mai chùa kia, bị phiền nhiễu đến chốn nha-môn, lại còn những việc thậm tệ không thể giải bày ra đây được nữa.

Xét đến nguyên do của các người bị trong trường hợp ấy, phần nhiều là không biết lấy giới-luật mà trị-thân, lấy đạo học của Phật-tổ mà đào-luyện tinh-tinh. Nói là xuất-gia, nhưng kỳ thực không có chút đỉnh tinh-cách người chân tu, thì những sự nhục nhằn ấy là tự mình vờ đến, chứ chẳng phải tự đâu ? Thí dụ như trong mình khí lực suy yếu, thì tà phong từ ngoài cảm nhiễm mà hóa ra bệnh tật. Lại như các vật trước tự mục nát rồi sau mới sinh các gống trùng mọt. Xem thế thì đủ biết sự giáo-dục cho tăng-già lại càng cần cấp lắm.

Nhưng trong Phật-học lại càng thâm-vọng ở các vị cầm-quyền giáo-dục hiện thời, phải tinh-cách giáo dục làm sao cho hậu-bối chóng khai thông tiến hóa, làm sao cho hậu-bối đều có cái tư tưởng phấn-phát tinh tiến cầu đạo, và cái tư-tưởng học để sau mà hoằng pháp lợi-sinh, chứ không nên dạy cho những cái tư-tưởng lánh đời bỏ chúng, mà cô-phụ những tấm lòng hy vọng của đoàn-thể giáo-hội, và bỏ cả cái tôn chỉ Tự-giác, giác-tha ; Tự-lợi, lợi tha của Phật-tổ, thì học cũng không có bổ ích gì cho xã-hội Phật-giáo. Như ngu ý tôi thiết-tưởng, trong Phật học ngày nay, là cốt đem cái chân-lý trong pháp-môn, có bổ ích cho thời đại, cái gì đáng cải cách thì nên cải-cách, cái gì đáng xiển-phát thì nên xiển-phát, như thế thì

tiền đồ học-thức của tăng-già mới chóng được thành đạt.

3. Chăm chỉ giới hạnh

Có giới thì mới sinh định, có định thì mới phát tuệ, ba điều ấy tức là cái trình tự nhất định của Phật-tử tu hành, nên trong Phật-học gọi là « Tam vô lậu học », nghĩa là Phật-tử không được bỏ sót ba điều tu học ấy. Trong kinh Hoa-nghiêm nói : Người mà giữ gìn được giáo-pháp trọn vẹn, thì nhân quả của mình ở trong tam-bảo chẳng đứt mất. Giáo pháp ấy là gì ? Tức là Kinh, Luật, Luận. Học Kinh là học Định, học Luật là học Giới, học Luận là học Tuệ. Người Phật-tử có hoàn toàn được công phu ấy thì mới hoằng-dương được giáo-lý, tức nhân-quả của mình chẳng đứt ở trong ngôi tam-bảo, mà lại làm cho thêm long-thịnh nữa.

Luật Tứ-pháp nói : « Luật - tạng ấy là thọ - mệnh của Phật-pháp, luật-tạng còn thì Phật pháp cũng còn ».

Xem như thế thì đủ hiểu người Phật-tử mà giữ gìn được giới-luật, thì Phật pháp cũng ngay ở thân người ấy. Nếu Phật tử mà không có giới luật, thì lấy gì mà khiến cho mọi người kính phục ? Đành rằng trong kinh có nói : « Kính phục chẳng lấy làm mừng, phỉ báng chẳng lấy làm giận ». Nhưng cứ lấy tình thế hiện tại mà nói, người ta đã không kính phục thì cũng không được nghe giáo-pháp mà cảm hóa ; nếu muốn khiến cho mọi người đều cảm hóa Phật pháp, thì toàn thể Phật-tử trước hết phải giữ gìn giới luật cho thuần khiết, tinh nghiêm. Xem đây thì đủ thấy giới-luật là căn bản duy trì Phật-pháp-Giới học đã đầy đủ, thì tự nhiên tâm địa thuần hòa, những khi mình động, tĩnh, ngữ, mặc, đều không thấy căn trần rối loạn, như thế tức là Định.

Đã có Định-học thì tự nhiên trong tâm lồng lộng như hư không chẳng có cái gì bầu bám vướng vít nữa, vật đến thì hay đặt tên, việc lại hay biện-lý, như thế tức là

Tuệ.

Nhưng nói từ thấp đến cao, các Phật-tử muốn hiểu rõ cùng 3 tạng giáo-lý, chư Phật diện-đạo, thì phải học tập cho có từng thứ mới đến được. Phương chi lại mong cầu duy trì đạo đức, hoằng dương giáo lý, bỏ giới, định, tuệ ra thì lấy gì làm căn bản ? vả lại Phật-tổ lập ra tôn-giáo là chú trọng ở « Giải » cùng « Hành ». Giải, tất dùng Tuệ ; Hành, tất phải dùng Giới, Định ; thì đủ lấy dung thông cả Hành, Giải, và hiểu thấu cùng chân lý. Lại có sách nói : « Giới là thân Phật, Định là tâm Phật, Tuệ là nhời Phật ». Ba cái ấy là căn bản của Phật-tử, nếu thiếu một không thể được.

4° Truyền bá giáo-lý

Đã là Phật tử, chỉ muốn nối dõi Phật-pháp, thì phải phấn-phát tinh-thần, đem Phật pháp ra mà khởi hóa. Vì rằng tôn giáo Phật, cốt lấy độ nhân làm tôn chỉ, nếu là Phật-tử mà không có chí lớn như thế, tức là phải tội bỏ mất tôn chỉ tự-giác giác-tha của Phật. Vậy muốn xã-hội đều được cảm hóa, thì các cơ quan truyền bá ra sao ?

1. — Mỗi chi hội nên đặt ra một ban khảo-cứu tuyên-truyền, để đi tới các làng mà diễn giảng, và các hội-quân phải mở ra trường Phật-học để huấn luyện cho các người xuất-gia thanh niên, cùng đồng nam, đồng nữ. Nhưng trong cơ quan giáo huấn, các giáo sư phải đem hết cái tư tưởng học-thức của mình đã thâm đắc ở trong giáo lý, diễn dịch ra cho giản-dị tinh tường để cho các học sinh dễ hiểu. Lại thêm những khoa-học như tâm lý, vật lý, thiên văn, địa dư, vân vân . . . để hàng ngày dạy thêm vào với Phật-học.

2. — Các trường hương học ở các làng cũng nên yêu cầu với các thầy giáo mỗi ngày bớt ra ít chút thời giờ, diễn giảng thêm các báo chí nhà Phật.

3. — Các hàng sách trong toàn quốc, cũng nên xin khuyên

họ trần thiết các kinh sách Phật-giáo, cho được tiện các độc giả xem mua. Như thế tức là hoàn toàn về các phương diện truyền bá, xã hội bất nhật cũng hóa ra một Phật-giáo, ai là chẳng tin ngưỡng tu trì, thì có lo chi Phật giáo chẳng long thịnh, trong nước chẳng hòa-bình !

Từ trên đến đây, tôi bày tỏ ra các điều để cống hiến các ngài, tôi trộm tưởng cũng là mấy món cần thiết để duy-trì Phật-giáo. Nhưng cổ kim lại bất luận việc gì, có phương pháp lại cũng phải có người hay, thì mới có thành hiệu.

Vậy thì, hiện nay ai đã là tin đồ nhà Phật, bất luận xuất-gia cùng tại-gia, đều phải chung vai đấu sức, mà thực hành các điều đã nói ở trên. Nhất là thanh niên Phật tử trong Phật học, lại càng nên tinh tiến với cái trách-nhiệm này nhiều lắm. Lại dám mong các bậc lão-thành tiền bối, đem cái sở tín, sở nguyện, sở hành ra mà dẫn dụ người sau, để cho Phật-giáo-giới thiếu niên trông đó mà cảm hóa. Sau này phiền não hóa ra an lạc, mê đồ hóa ra giác ngộ mà cực lạc ở ngay miền quốc-đô này thì hạnh phúc biết bao !

Sa-môn **TỔ-LIÊN**



Đạo Phật ở Xiêm-la



Nay nhân Hòa-thượng Xiêm-la là Bồng-chi (Bhikhu Budha Boonchney) đi vân-du thế-giới hồi thứ hai, qua Việt-nam tới Hanoi, Người đến thăm hội-quán chùa Quán-sứ của hội Phật-giáo ta. Thực là một cái cơ-duyên rất may mắn cho anh em đồng-đạo Phật-giáo trong thế-giới ngày một gần nhau, thân thiện cùng nhau, Cuộc văn-hóa đại-dồng nhân-loại hữu-ái, đã bắt đầu hiện chứng triệu

ra từ đây, Vì vậy tôi viết bài « **Đạo Phật ở Xiêm la** » này để giới-thiệu cùng giáo-hữu đạo Phật ở Việt-nam ta cho biết đạo Phật ở quốc-độ bên Xiêm với đạo Phật ở quốc-độ Việt-nam ta chỗ nào giống nhau, chỗ nào khác nhau thế nào.

Về sự tu-hành và chí nguyện hoàn-du thế-giới để về diễn-hóa cho nhân dân của Hòa-thượng Bồ-tát thế nào các báo Hà-thành đã lược đăng, mà Đuốc-Tuệ cũng có tường thuật riêng một thiên, bài này tôi chỉ chuyên khảo về đạo Phật ở Xiêm-là thế nào mà thôi. Bài khảo này phân làm bốn đoạn. Đoạn thứ nhất. lược thuật đại khái lập quốc của nước Xiêm, đoạn thứ hai nói về Phật-giáo truyền vào nước Xiêm từ hồi nào và thuộc tông phái nào, đoạn thứ ba nói về sự cải-cách chế độ Phật-giáo ở nước Xiêm, đoạn thứ tư nói về chùa chiền ở nước Xiêm. Vậy xin lần lượt giải bày như sau này :

ĐOẠN THỨ NHẤT

Lược thuật đại-khái sự lập-quốc của nước Xiêm

Cõi đại-lục châu Á, chính nam là nước Ấn-độ (Inde), chính-đông là nước Tàu (Chine), khoảng giữa hai xứ ấy là mé đông-nam có một doi đất chạy nhô ra bể Nam-dương, trong Địa-dư gọi là giải đất Ấn-độ Chi-na (Indo-chine). Trong giải đất Ấn-độ Chi-na ấy có 5 nước là : Việt-nam, Ai-lao, Cao-mên, Xiêm-la và Diến-diện, lại trong năm nước ấy thì Việt-nam, Ai-lao, Cao-mên thuộc về nước Pháp nên gọi là Ấn-độ Chi-na Pháp-thuộc. Diến-diện thì thuộc về nước Anh, chỉ có một nước Xiêm là giữ được địa-vị độc-lập mà thôi.

Địa-thế có núi Lạt-sai-vũ-ly từ tây-bắc-bộ ngòng-ngheo xuống đến Mã-lai bán-đảo. Lâm-sản rất là phong phú. Sông thì có con sông Mê-nam cũng từ tây-bắc đi qua

giữa nước đến kinh-dô Vọng-các (Bangkok) mà ra vịnh Xiêm la, tầm nhuận cho một cõi bình-nguyên lớn rất lợi về việc nông-phổ, nên gạo Xiêm xuất-cảng thường ở trên số gạo xuất-cảng Việt-nam. Dân số theo số điều-tra năm tây-lịch 1912 tổng-kê các nam-nữ là 8 395, 491 người. Dân-chúng thì bác-tập nhiều giống, giống Xiêm (Tiêm) là quý nhất, dưới đến giống Lào, giống Vân, giống Mã-lai, giống Nghiêu v... v... Lại những dân tộc mới phụ là giống Trung-quốc, giống Việt-nam cũng không phải là ít. Phàm việc buôn bán, kỹ-nghệ phần nhiều ở tay người Tàu còn người Xiêm thì làm quan-trưởng và canh-nông. Người Việt-nam có hai phái là Cựu an-nam và Tân an-nam, nay trong hai phái cũng có nhiều người làm quan võ, buôn to, điền-chủ lớn.

Trước kia đất Xiêm-la còn mọi rợ, bị giống người Mông-ca-mâu xâm-lược. Từ ông Phạt-la-phu-an là giống người Xiêm đánh đuổi được người Mông-ca-mâu, định-dô ở thành La-bản, mới xưng quốc-hiệu là « Thay », nghĩa là tự-do. Xiêm-la lập-quốc từ đó. Vào hồi tây-lịch 1351 năm và Phạt - lịch thì 1502 năm. Triều vua Phạt-la-phu-an truyền đến 20 đời, hơn 2 trăm rưỡi năm, thế nước hưng khởi, văn-vật chế-độ mới gây-dựng từ đây, đạo Phật cũng mới truyền vào từ bấy giờ.

Đến năm tây-lịch 1767 tức Phạt-lịch năm 1994, nước Xiêm với nước Diến-diện đánh nhau. Triều vua cũ bị bại vong, nước phân rẽ ra làm 6 bộ, mỗi bộ một tướng cừ khôi chiếm giữ. Có Trịnh Triều là người Tàu ở Xiêm quật - cường hơn cả, chinh-phục được 5 bộ kia, thống nhất toàn cõi nước Xiêm lên ngôi làm vua. Trịnh-Triều-Vương rất tôn sùng Phật-pháp, lấy Phật-giáo làm quốc-giáo, sáng lập ra nhiều chùa cảnh, trong nước thịnh-trị lắm. Được 15 năm bị Phi-gia-chúng giết đi mà cướp ngôi xưng đế hiệu, thiên-dô sang thành Vọng-các tức là kinh đô bây giờ.

Đế-triều mới hiệu là Phạ-bất-đích chu lập-lạc tức là

thủy thổ 6 đời nhà vua ngày nay.

Việc ngoại giao thì người Xiêm vào triều-cống Trung-quốc từ đời nhà Nguyên nhà Minh, vì đó mà trong nước Xiêm có thau-thái cả chữ Hán. Với Việt-nam thì từ hồi cuối Hậu Lê nước Xiêm vẫn miên duyên với ta về cuộc tranh bảo-hộ cho Cao-mên, nhưng nước ta thắng thì Xiêm cũng thôi và cũng vẫn tỏ tình lân-hiếu.

Cứ sách Vạn-quốc sử của người Nhật làm thì dân trí nước Xiêm cũng không hơn gì dân trí nước ta, có lẽ cũng cùng « con chú con bác với nhau » thì phải, là họ cũng hay lười biếng, ham cờ bạc, rượu, thuốc phiện. Nhưng vì lúc bắt đầu tiếp xúc với người Thái tây, nước Xiêm nhờ được ông vua là Luân-cổ-luân-cách-nhĩ-đức người rất minh trí biết hăng hái thu tài văn minh Tây phương mà chấn chỉnh mọi việc dân việc nước, hết sức duy tân. Bởi thế các nước Thái tây đều khinh trọng mà nước Xiêm giữ được cái địa vị độc lập ở cõi Á đông đến ngày nay. Người ta đã gọi nước Xiêm là « Tây nhật bản ».

ĐOẠN THỨ HAI

Nói về Phật giáo truyền vào nước Xiêm từ hồi nào và về tông phái nào

Từ trước triều vua Phật-la-phu-an. đất Xiêm chưa có văn hóa, dân tục còn theo về man giáo, lạy cái cây hay là con động vật là thần thánh như nhiều man dân khác. Mãi từ hồi 13 thế kỷ, vua Phật-la-phu-an lập nên nước « Thay, tự do quốc », bấy giờ mới có giáo hóa mà đạo Phật cũng mới truyền vào từ hồi bấy giờ. Lại đến triều vua Trịnh Triều lấy Nhật giáo làm quốc giáo thì đạo Phật mới toàn thịnh, làm đại biểu cho văn hóa nước Xiêm từ đó. Nước Xiêm có quốc văn lối chữ tiêu-âm Ấn-độ đã lâu, tuy có thau thái chữ Hán nhưng là chữ phụ mà thôi, nên kinh sách Phật của Xiêm là chữ Xiêm văn và Ấn ngữ,

chứ không có kinh sách Phật bằng chữ Hán như ở ta.

Mé tây bắc nước Xiêm liền với Diến diện, Diến diện liền với Ấn độ, cho nên đạo Phật ở Xiêm do Diến diện truyền vào là lẽ tất nhiên. Song tuy cùng là một đạo Phật, cùng là một Ấn độ truyền ra mà tính chất đạo Phật ở Xiêm có khác với tính chất đạo Phật ở Việt nam ta. Cái đó không lấy gì làm lạ, chỉ là bởi ở chỗ phân chi biệt phái mà thành không giống nhau. Tức là đạo Phật ở Xiêm là thuộc phái Tiểu-thặng mà đạo Phật ở Việt nam thuộc phái Đại-thặng vậy.

Chưa luận tới những chỗ của hai tông phái về sau đều có sai lạc với tinh thần của bản lai đạo Phật đi, mà một nói về chỗ phát nguyên thì Đại-thặng với Tiểu-thặng cùng đều là tự Đức Giáo-chủ Thích-ca truyền thụ ra cả. Đại thặng là bậc căn-khi cao siêu, lấy tuý duyên cứu thế làm tông chỉ, Tiểu thặng là bậc căn-khi còn thiên cận, phải lấy khắc kỷ độc tu làm mục đích, khi thấu triệt rồi mới tới bậc Đại-thặng được. Song sau khi Đức giáo-chủ tịch rồi. Tiểu - thặng tự lập ra một phái rồi truyền bá ra các nước Nam-dương gọi là Nam-tông như Tích-lan, Xiêm-la, Diến-diện, Cao-mên, Ai-lao vân vân. Đại thặng thì truyền bá vào các nước Bắc phương gọi là Bắc-tông như Trung-quốc, Việt-nam, Nhật-bản, Cao ly vân vân.

Vả cũng vì các nước bắc-phương như Trung-quốc, trước đã có đạo Khổng đạo Lão, dân trí đã cao, nên khi tiếp thụ đạo Phật thì Đại-thặng giáo mới là thích hợp. Còn các nước nam phương trước vốn chưa có giáo hóa gì khác nên tiếp được Tiểu-thặng Phật-giáo là vừa với trình độ dân trí lúc ấy.

Ấy bởi Nam tông với Bắc tông, Đại thặng với Tiểu thặng đã khác nhau. nên có nhiều bộ kinh Đại thặng ở Tàu có mà ở các nước Nam - dương không có. Lại cả đến sự tu trì, nghi lễ cũng đều có khác nhau.

Tiểu thặng vì khắc kỷ nên trọng giới luật, vì thấp tướng

nên hay làm những ngôi chùa tháp rất hùng-vĩ dị thường, và làm ra rất nhiều. Ninh-mặc công Truug-quốc nói ở thành Vọng-các, tăng chúng đi lữ lượt ngoài đường và chùa chiền san sát coi như một nơi kinh đô riêng của các sư vậy. Lại lệ nước, con giai đến tuổi thành đinh, bất kỳ giai cấp nào đều phải cạo đầu làm tăng một thời hạn. Phục chế lấy màu vàng làm quý, khắp nước ai cũng quấn một tấm cà-sa vàng, nên có tiếng gọi là « **hoàng bào quốc** ». Coi đó ta thấy người Xiêm sùng đạo Phật là dường nào.

ĐOẠN THỨ BA

Nói về sự cải cách chế độ Phật-giáo nước Xiêm

Ở nước Xiêm từ chính trị, pháp-chế đến xã hội, cái gì cũng đều đời có vẻ Phật giáo cả Người tây đã gọi là « **một quốc-gia Phật giáo.** » Hiến pháp nước Xiêm lấy Phật giáo làm quốc giáo, lấy ngày Phật giáng làm niên lịch. Từ vua Pha-bất-dịch-chu-lạp-lạc cho đến vị vua đời thứ 6 gần đây, vị nào cũng đều phải làm lễ thế phát đi tu một lần. Còn nhân dân thì lệ nước bắt người con giai, không kể giai cấp sang hèn đều phải đi tu làm sư một độ rồi mới được hoàn-tục.

Nhưng phải đợi vào ngày sau tiết khóa hạ mới được hoàn tục. Khóa hạ là một tiết rất tôn quý của lễ tục Ấn Độ, trong ba tháng hạ là mùa mưa to ở Ấn độ, tăng chúng không đi ra ngoài khuyến hóa được mà phải tĩnh tọa ở trong chùa để tham thiền. Nước Xiêm cũng bắt chước lệ ấy, cứ đến ngày 16 tháng 8 lịch Xiêm tức ngày 15 hoặc 16 tháng 6 âm lịch ta, thì cả nước đều nghỉ ngơi ăn tết, Bấy giờ ai xuất gia hay hoàn tục thì thi-hành vào ngày ấy là tốt.

Do lệ cũ bắt người con giai đều phải đi tu làm sư một lần mới được hợp cách làm dân nước như thế. nên trẻ con nhà nghèo thì vào chùa xin vị Tăng-chính thế-phát cho và cho thụ giới tiểu thặng, hằng ngày cứ vào nhà dân xin ăn rồi lại về chùa ngồi. Ba năm như thế mới được hoàn tục. Còn con nhà phú quý thì đến năm 7 tuổi mời một vị cao-tăng về nhà làm lễ thế phát cho, sau ba ngày thì, hoàn tục ngay.

Cũng vì có cái tục lệ ấy mà dưỡng thành cho quốc dân một cái tính lười biếng suy hèn, không còn chút tư-tưởng gì về sự tiến thủ với đời nữa. Người trong nước chỉ mê tín về sự họa phúc cầu cúng hão huyền mà không còn biết đến chân-lý của đạo Phật là gì, kẻ tu hành không còn lo đến cái bổn phận làm việc từ bi cứu-thế là gì, mà chỉ lấy sự tịch diệt với giác ngộ làm câu cốt yếu của miệng mà thôi. Vương triều Vọng-các biết chỗ lệ hại đó nên hết sức cải cách mọi chế độ ấy lại Cho kẻ xuất-gia không cứ phải ở chùa đến 3 năm, mà được từ vài tháng vài tuần thì hoàn-tục cũng được. Bởi vậy ở Xiêm thành ra có hai phái Phật giáo là phái cũ với phái mới

Về phái mới có nhiều điều canh cải lại rất hay, xin lược lược ra sau này :

1 — Nhân quốc-vương là một vị cầm cái quyền tối cao của Phật giáo,

Đặt một vị Tăng làm thủ-lĩnh cho cả .ăng đồ toàn quốc để cai quản cả tăng chúng thập phương. Vì Tăng thủ lĩnh phải là người Hoàng-thân, do quốc vương cử lên hay là cách bãi đi được. Gọi là Chức **Đại tăng-chính**. Dưới lại có 4 chức **Tăng-chính** chia nhau làm việc giáo-vụ về hai bộ Nam và Bắc. Cách thức đặt giống như tòa Giáo-hoàng La-mã vậy. Làm chức **Đại-Tăng-chính** bấy giờ là Ba-chi-la-an Thân-vương, ông này giàu về trí thức mới lắm. Ông trụ trì ở trong chùa Phu-la-kê-ô là một ngôi chùa rất mỹ lệ ở trong thành Vọng các. Khi Xiêm hoàng làm lễ gia miện thì làm ở điện Ma-cáp-ba-ky, do

tăng-dồ An-la-môn làm lễ cầu cúng cho. Xong thì vua thân hành đến chùa Phu-la-kê-ô của Đại Tăng chính, vua mặc ca-sa màu vàng, tuyên thệ trước Phật điện rằng.

« Trẫm ở dưới quyền thống-hạt của Pháp-chủ Ba-chi-la an Thân-vương, Trẫm thề xin làm chọn một kẻ thủ hạ tin-ngưỡng của Người ».

Xem đó đủ thấy sự tin-ngưỡng Phật-giáo của nước Xiêm một cách tôn kính là nhường nào.

2. — Hạn chế tuổi người tăng lữ — Lệ cũ ai muốn xuất-gia lúc nào cũng được, không hạn tuổi. Nay định phạm quốc-dân đủ 20 tuổi mới cho đi tu làm tăng, và phải do quyền tòa án địa-phương xét xử xem có nên cho hay không. Lại lệ cũ người đã làm tăng thì không phải ra lính, nay đổi lại, người nào đến thời kỳ xuất-gia làm tăng phải trình báo cho Nhà-nước biết, nếu gặp khóa thì trong 4 mùa lúc nào cũng hoàn tục được mà về đăng vào quân ngũ. Làm như thế để phòng bị cái tệ trốn lính ở chùa đi vậy.

3. Thi hành pháp luật bình-dẳng — Pháp-luật nước Xiêm trước kia y theo về luật Mạn-nô của Ấn độ, dân-sự với hình-sự đều hỗn hợp và nhiều chỗ không công bình, nay phân biệt luật dân-sự với luật hình-sự ra làm hai và quy định một cách công bình, nhất là việc phế trừ luật nô-lệ, nhân-dân rất lấy làm hoan-hô ca-tụng lắm. Ngày xưa theo luật Mạn-nô của Ấn độ đối với kẻ nô lệ đặt ra nhiều luật lệ rất nghiêm khắc và phiền toái lắm. Năm tây lịch 1889, vua Xiêm là Chừ-na-long-cung ngũ thế hạ triệu bãi trừ hết cả những luật lệ đối với kẻ nô lệ đi mà cho tự do. Đó cũng là thực hành cái thuyết « nhất thiết chúng-sinh đều bình-dẳng của nhà Phật. » Vậy về hình luật thì đề ý hộ-vệ cho đạo giáo một cách rất chu chí, phạm kẻ định tâm phá hủy những vật kiến-trúc và những đền chùa Thần Phật của các giáo môn công lập ra và tổ ý vũ nhục đạo ấy đều phải phạt giam và phạt tiền. Kẻ làm nào

làm nhiều những đám hội lễ-cùng hợp lệ hợp giáo pháp cũng bị phạt như trên.

ĐOẠN THỨ TƯ

Nói về chùa-chiền ở nước Xiêm

Chế độ chính-trị Xiêm-la là một chế-độ tăng-lữ. cho nên chùa-chiền đầy-dẫy khắp trong nước, mà thành Vọng các lại là nơi trung-tâm điểm về chùa-chiền của nước. Thành này nhiên ngôi chùa to, có ngôi chùa to thứ nhất là Việt-phạ, một kiến-trúc-vật rất tráng-lệ có danh tiếng trên lịch-sử. Ở trong những điện đài cao lớn lộng lẫy rặc rỡ, những pho tượng Phật nguy-nga nghiêm-ngهی, khiến cho khách vào chùa mới ngửa mặt trông lên là đều phải mê-ly, ngũ-uẩn của mình nhường như tiêu tán đi đâu mất cả. Vua Xiêm khi làm lễ tuyên-thệ về phép tông-giáo thì làm lễ ở chùa này.

Ngôi chùa to thứ hai là Việt-mã hạn là một chỗ đại-tùng-lâm của thập-phương, vị tăng-chính thường trụ-tri ở đó để giầy đạo Tiểu-thặng, cho nên có nhiều tăng chúng lắm.

Lại như ngôi chùa cổ Ô-phủ-ly thì hoàn toàn là cái hình giáng của một ngọn tháp không sai một tí nào, thực là một ngôi chùa Phật tối-cổ. Trong có hai kiểu tượng Phật là kiểu nằm với kiểu đứng, đúc trạm bằng đồng bằng gỗ và khảm vẽ rất khéo léo, ở Đông Á không thấy có như thế bao giờ.

Cứ trong sách của Chủ-thanh-quân Trung-quốc đã tra tường thì trong nước Xiêm có tất cả 14 616 ngôi chùa vừa công vừa tư, và 17 490 người tăng-đồ. Vậy biết đạo Phật ở nước Xiêm thịnh vượng là bao nhiêu.

Theo về thuyết Đại-thặng thì cho Tiểu-thặng là phép dạy cho hạ căn, hạ căn phải qua Tiểu-thặng rồi mới

tiến lên được Đại-thặng thì mới là viên-mãn. Nhưng theo về thuyết Tiểu-thặng thì lại cho rằng Đại-thặng là phép mới phụ vào chứ không phải chính là Phật-thuyết. Ấy từ xưa vẫn tranh-luận với nhau như thế, không bên nào chịu bên nào, mà sự phân môn biệt phái thành ra có hại cho giáo-lý. Song ngày xưa giao-thông hiếm trở, hai bên đạo-hữu Đại-thặng với Tiểu-thặng ít được gặp nhau, sự tranh luận chỉ in theo khẩu truyền mà thôi. Ngày nay giao-thông tiện lợi, hai bên giáo-hữu gặp nhau là sự thường. Vậy tôi mong giáo-hữu ở các nước Nam-dương với giáo-hữu ở các nước Đông-Á đều là nơi lâm-tầu của đạo Phật, nên cùng nhau mở ra một hội Đại Phật-học, hợp cả các kinh sách Đại-thặng, Tiểu-thặng, bằng Hán-văn, Ba-li-văn, Phạm-văn lại mà dung thông nghiên-cứu, tìm cho tới chỗ tông-chỉ duy-nhất của Đức Phật mà chấn-chỉnh thay đổi, cho cái giả phụ tiêu trừ mà cái cốt-tử còn lại, để giáo-lý chân - chính quảng-đại từ-bi cứu-thế của đạo Phật được sáng rõ ra mà tạo phúc cho nhân-loại. Thế mới là việc công đức đáng quý, chứ cứ tranh-luận suông ở chỗ Đại với Tiểu và giữ khư khư lấy cái hủ-sáo sai lầm phỏng có ích gì cho đời và ích gì cho đạo.

Phương chi ngày nay, nhân-sĩ các nước Âu-mỹ đều đang lưu-tâm nghiên-cứu và sùng mộ Phật-pháp. Á-châu ta là nơi đạo gốc, phải phát-huy chấn-chỉnh thế nào để cống hiến cho đạo-hữu tây-phương, cho khỏi phụ cái sứ-mệnh đạo-dẫn văn-hóa cho thế-giới của Phật-Thánh ta xưa.

Đ. N. T.

Cao-mên Phật-giáo-hội, và lời lập nguyện.

Bản hội tiếp được thư của ông Trần-văn-Phép ở cao-mên cho biết (Cao-mên Phật-giáo hội là một hội Phật-giáo của người Việt-nam lập tại đất Cao-mên hội-quán ở Chùa Thanh-Quang, kinh đô Phnom-pênh, ông Trần-văn-Phép quán ở Nam-Kỳ, Việt-nam, một viên chức của chánh-phủ-bảo-hộ làm trưởng ban quản-trị cho Cao-mên Phật-giáo hội. Đã được chánh-phủ-Bảo-hộ công-nhận và tán-chợ. Mới đây hai quan Khâm-sứ Silvestre và Richomme và quan đốc lý thành phố Phnom-pênh, la Richard de Chicourt, làm danh-dự hội trưởng cho Cao-mên Phật-giáo hội.)

Bản báo rất lấy làm mừng cho giáo-hữu đồng bào ta ở Cao-mên đã làm được một việc có ích cho đường văn-hóa của Tổ quốc. Ông Trần-văn-Phép lại là người nhiệt thành về việc hội, ý muốn liên lạc và lấy hội Phật-giáo Bắc-kỳ làm căn-bản về đường Phật-học. Ông đã viết thư mua nhiều tạp-chí Đuốc-tuệ và sách của hội Phật giáo. Lại hứa sẽ nhờ hội Phật-giáo Bắc-kỳ sắm dùm những đồ Pháp bảo như cờ phan vân vân...

Cao-mên là một quốc-độ Phật giáo từ cổ, đền đài Đế thiên, Đế-thích (Angkor) là một nơi Phật-tích tuyệt đại công trình, cả thế giới đều biết và đều qua viếng. Song Phật-giáo ở đây thuộc về phái Tiểu-thặng Nam-phương, chuyên bề độc tu. Nay ông Trần-văn-Phép cùng các giáo hữu đồng bào ta lập nên hội Phật, mở ra giảng-đường đem tư tưởng Đại-thặng Bắc phương là đạo căn bề giác-thể truyền bá điều hòa vào, làm lợi ích cho chúng sinh, nơi quốc-đô thuần hậu ấy ở cõi đời tiến hóa này

là một việc công đức lớn, nếu các quý giáo - hữu tinh tiến dũng mãnh cho đạt tới mục đích mình.

Nay đọc lời lập - nguyện sau đây của ban trị-sự nhận chức năm 1936 này, chúng ta đủ thấy cái tinh thần Phật giáo về Đại-thắng.

Lời lập nguyện có hai phần. Phần mở đầu lấy đạo Tứ ân làm bản lĩnh để nhắc nhở cho người ta biết mà lo đền đáp những ơn cha mẹ, đất nước, sư trưởng và xã-hội.

Phần chính-đề lấy Tam-quy làm đường vào đạo, nhưng mỗi điều nguyện quy có thêm mới ra nhiều ý thiết thực mà rộng-rãi.

Hội Phật Cao-mên tuy mới khai sáng mà đã tỏ ra cái tinh thần phương tiện hoạt bát không mê chấp.

Lời nguyện như sau này :

Lời lập nguyện

Của ban trị-rự nhậm chức năm Bính-Tý 1936

CAO-MÈN PHẬT-GIÁO HỘI

« Nam mô a-di-đà-Phật ».

« Nghĩ vì công ơn cha mẹ sinh dưỡng, dầu cho thân này
« tan da nát thịt, cũng chưa trả đặng ơn kia, lại mong ơn
« trời đất tre trở. Nhật nguyệt soi sáng, nợ nước, ơn vua
« công thầy dạy bảo, cả thầy ơn sâu không cùng báo đáp.

« Nay đệ-tử lĩnh phần trách nhiệm, chức việc trong hội
« Phật-giáo Cao-mên, đệ-tử nguyện quy-y-Phật, xin mong
« theo tính từ-bi-hỉ-xả của Phật, xóa lỗi cho người có lỗi,
« dùng các phương tiện giúp người cho được phần lợi lạc.

« Đệ-tử nguyện quy y Pháp, xin noi theo giáo pháp nhà
« Phật, giữ qui giới, rửa sạch thân tâm, bỏ lòng kiêu ngạo,
« bỏ lòng biếng nhác, bỏ lòng gian tham, bỏ lòng giả dối,
« bỏ lòng khắc bạc, bỏ lòng ganh-ghét, bỏ lòng khen-chê,
« bỏ lòng danh-lợi, bỏ lòng dâm dục, bỏ lòng tửu sắc,

« bỏ lòng cố kiêu, bỏ lòng cố chấp.

« Đệ-tử nguyện quy-y Tăng, xin tôn-kính các bậc đại
« đức sư tăng tinh nghiêm giới hạnh làm thầy, và cầu
« nguyện từ nay về sau đức Phật bố hóa cho chư giáo
« đồ và thiện tín cải tà qui chánh, một lòng chung tin vì
« đạo, chung lo Phật sự; theo điều lệ quy tắc, chẳng dặt
« riêng tây, dặt dìu dắt nhau lên bờ bỉ giác, hầu trước
« đều đáp bốn ơn sau cho tinh tiến đường hoằng pháp.

« Một lòng thành thật, nguyện đức Phật chứng tri. »



Hội-ng nghị Phật-giáo ở Paris

(Kinh thành nước Pháp)

Phật-giáo Quốc-tế Đại-hội nghị đã họp tại Paris kỳ thứ hai trong ba ngày luôn, ở Hội-quán Hội Phật-giáo Tín-đồ số nhà 31, phố Seine — Paris 5è.

Hiện có mặt các vị sau này

Đại-biểu nước Tàu là quan Đại-sứ Lin cheu ;

Đại biểu nước Nhật là các ông Kuni-Matsuo, Satsuma và Horyn-Kuno, hội viên Hội Phật giáo ở Tokyo ;

Đại biểu nước Cao-Miên là ông Souphanouwong ;

Đại-biểu sứ Tích-Lan là quan Nội-vụ Thượng-thư Sir D. B Jayatillaka và ông Sri Nisanka ;

Đại-biểu nước Diến-Điện là ông Thượng nghị-viện U. Thwin ;

Đại-biểu nước Anh là ông Frak Meller Hội-viên Hội Phật-giáo ở Luân-Đôn và ông Daya Tổng Thư-ký Âu-Châu Phật-Học Hội-Nghị ;

Đại biểu nước Đức là ông Fraulein B. Dahlke hội viên

Hội Phật-học Đức, và ông Walter Persian ;

Đại biểu nước Hòa-Lan là ông G. J. Breets ;

Đại biểu nước Áo là ông Hermann Lange ;

Đại-biểu nước Pháp là cô G. G. Lounsberi và các ông Juéry Marcault, George Chklaver.

Tôi ghi tên các vị trên này để độc giả biết rằng : có nhiều nước đã đến dự kỳ hội nghị Phật-giáo ấy, và về phần Á Châu ta có những nước nào. Tiếc thay cả Đông-Dương ta chỉ có một xứ Cao Miên là có đại biểu. Vậy thì trong nước Nam và Ai-lao không có tin-dồ theo Phật-giáo hay sao ?

Những người có thực tế tất hỏi rằng : Phật-giáo để làm gì ? Họp hội nghị Phật-giáo để làm gì ?

Đối với các người ấy thì đã có tiếng chuông cảnh tỉnh của nhà đại-văn hào nước Anh M. Bernard Shaw, nhắc cho họ hay rằng : Toàn thế giới ngày nay đang quay lại buổi đời dã man của thạch khí thời đại, cần phải nhờ có Phật-giáo chấn-hưng mới được. Lại xin các người ấy nghe tiếng chuông thứ hai của một vị Phu-nhân Pháp, Madame Alexandra David Néel, hiện ở Tàu với một nhà tu hành Yeonden, đã khua lên trong quyển sách Một người đàn bà Paris ở Lhasa.

Trong bài này tôi không thể kể hết các công việc của Đại Hội nghị Phật giáo và các tờ trình của những nước đã hội họp được. Tôi chỉ xin nói sơ lược sau đây một vài ý kiến và một vài sự kết quả mà thôi.

Đại khái, đại-biểu nước Anh đã nói rằng : Phật-giáo rất hợp với tinh thần nước ấy, vì người Anh rất ghét sự-mê tín và rất có lòng hiếu-sinh. Đối với người Anh, Phật giáo là một cách sử thế vừa hợp với nhẽ phải vừa hợp với sự thực tế. Nhờ Phật-giáo mà có thể đào tạo được một cái tâm hồn thư thái Giáo lý Phật-học không có điều gì mê tín, không làm cho người ta u mê vì đạo, không có những lối truyền đạo hẹp hòi khắc nghiệt. Đạo

Phật là một đạo quảng đại vô cùng.

Đại biểu nước Anh có tường thêm rằng : Hiện bây giờ ở xứ ấy, quốc dân rất ghét sự săn-vét (1) chỉ còn một vài người thích mà thôi.

Đại biểu xứ Tích-Lan thì phô bày cho mọi người biết rằng : ở xứ ấy hiện có một vài nhà tu riêng, để cho những người sau khi chán nản cuộc đời tối tăm, thì vào đây mà tĩnh dưỡng trong một vài tháng hoặc lâu giải mãi mãi. Trong các nhà tu ấy không ai bắt buộc phải cầu cúng lễ bái gì mà cũng không ai đề ý đến sự tín ngưỡng riêng của mình. Mỗi người đến tu đều có một gian phòng đào trong núi đá, lại có cả nhiều phòng khác và một phòng thư-viện để chung cho cả mọi người.

Trong kỳ đại-hội nghị có một cuộc tranh luận về tinh thần đạo Phật và tinh thần đạo Gia-tô. Nói là tranh luận, nhưng chỉ là một cuộc bàn bạc rất nhã nhặn mà thôi. Theo thiên ý tôi, nếu ta lấy đạo Gia tô lúc đầu mà xét, chứ không lấy đạo Gia tô hiện tại châu Âu thì tinh thần hai đạo cũng không khác nhau là mấy, vì đạo Gia tô xưa kia cũng khởi thủy tại Á-châu này.

Mục đích Phật giáo hội nghị là gì ?

Là để trao đổi ý kiến của mọi nước và của mọi người đã từng khảo nghiệm về tôn giáo, để hội họp các dân tộc, và nhất là để kết cái giây liên lạc của hết thảy mọi người đương khát khao một cái tinh thần cao thượng trong đời vật chất này.

(1) Bên nước Anh-cát lợi có cái tục đi săn bắn gọi là Chasse à couru nghĩa là đi săn đến một thung lũng nào, thì có bao cầm-thú đuổi bắn kỳ cùng cho đến hết, Từ khi đạo Phật lan vào nước ấy, thì tục sát-sinh thắm khốc ấy bỏ đã gần hết, vì họ theo giới sát-sinh của nhà Phật,

Quan Thông-Sứ CHATEL nói về Triết-Lý Đạo Phật

Đúng 10 giờ rưỡi hôm 11 tháng 5 (tức là ngày 19 Juin 1937), cụ Hiệp tá Nguyễn-năng-Quốc chánh-hội-trưởng hội Phật-giáo, đã cùng các hội viên đến yết kiến quan Thông sứ Châtel tại dinh ngài. Hơn mười vị hội viên, vừa ban tri-sự Trung-ương, vừa các đại lý hội Phật-giáo các tỉnh : Nào cao tăng, nào hào mục, nào cựu phái, nào tân phái. Sau khi cụ Hiệp Nguyễn giới thiệu từng hội viên cùng quan Thủ-hiến Châtel, cụ Hiệp có trình bày qua loa về mục đích của hội Phật-giáo và các công việc đã làm được cùng định làm. Quan Thủ-hiến tiếp đãi rất thân mật, niềm nở. Hơn một tiếng đồng hồ, ngài nói chuyện về tôn-giáo cùng sự cần-thiết của tôn-giáo đối với xã-hội, nhân-loại, ngài chú trọng riêng về Phật-giáo ở sứ này. Đại ý ngài nói :

Ngài sang nhậm chức cai trị ở sứ này đã lâu năm, đối với các hội người Nam không phải là việc lạ, nhất là các hội có mục-dịch cao thượng, nhân từ, bình đẳng bác ái, tự do tín ngưỡng như hội Phật-giáo, dẫn người ta lên đường chính kiến, khuyên làm điều thiện tránh điều ác, thì ngài lại càng chú trọng và càng ngợi khen lắm.

« Tại sao ? Người ta sở dĩ hơn cả vạn-vật là bởi bẩm thụ được nhiều linh-tinh của tạo hóa phú cho. Linh-tinh ấy bắt người ta phải hăng-hái để tự tiến, cái đó là lẽ tự nhiên. Nhưng cái mãnh lực tự tiến đó thường bắt người ta làm nhiều việc quá đáng, nếu không biết tìm cách duy trì lấy tâm hồn lại, quá thiên về vật chất, thì quanh năm hình dích, không lúc nào lòng được yên. Vậy trong dăm bảy

ngày đến chùa một lần, cũng như nhà thờ đạo Thiên chúa; để lễ bái tụng niệm mà định thần tĩnh tâm trong một chốc lát, suy xét lại những việc đã làm qua. biết việc phải việc trái thì chắc trong lòng được thỏa-thời mà thân thể được thư-xương.

« Dân xứ này cũng như các dân tộc khác vào hồi thay cũ đổi mới, hiện đang phải qua một thời-kỳ khủng hoảng về tinh thần: Người theo chủ nghĩa này, kẻ theo chủ nghĩa khác, nhiều chủ nghĩa quá, không biết theo đường nào, thành ra không có c ử nghĩa gì cả. Vậy một-hội không tự-tư tự-lợi, chú trọng về luân lý, về triết lý, diu dắt hết thầy lên con đường dũng mãnh tinh tiến thì thật là cần thiết và hợp thời lắm. Có nhiều người cho câu nói « người Việt-nam ai cũng theo đạo Phật cả là sai » thì thật không đúng, đến chính những người Việt-Nam, cũng có nhiều người theo Phật-giáo mà không biết mình là tín-đồ nhà Phật. Trong các việc cúng lễ thần thánh, thờ tự tổ tiên, lễ nào là không thấy ít nhiều ảnh hưởng Phật giáo. Ta nên cho họ hiểu họ đều là tín đồ nhà Phật cả.

« Ngài nhắc lại khi ngài nhậm chức Khâm-sứ Huế, ngài đã có nhiều lần đến chứng lễ ở chùa Trúc-lâm, ngài rất hâm-mộ đức hạnh hòa-thượng. Trúc-lâm mới viên tịch ít lâu nay và lòng tín ngưỡng của ông Lê-đình-Thám là người sáng-lập ra hội Phật-học ở Huế. Vẫn đã đành ganh đua là bản tính của người ta cũng như tín ngưỡng là cần thiết của tín đồ tôn-giáo, nhưng ngài xét trong xã hội người Nam có nhiều người có tính đố-ky và mê tín. Không những thế mà thôi, mỗi khi dòng người là thấy hay phân đảng đê. Muốn bỏ dần dần những tập tục bất-mỹ ấy đi, thì cần phải tuyên truyền các đạo lý tôn-giáo. Ngài muốn khi ngài tới một giáo-đường nào cầu nguyện thì Ngài là một tín-đồ cùng ngồi với tín-đồ khác, chứ ngài không muốn là một vị Thủ-hiến để người ta phùng nghênh su phụ ngài. Ngài khuyên hội Phật-giáo nên làm thế nào đào-luyện lấy nhiều vị cao-tăng có học

thức để giảng thuyết các đạo lý hay lãnh cho quần chúng. Lại nên có những nơi giống như lớp học để thời thường giảng dụ cho các trẻ bé con cháu các hội viên, nghĩa là làm thế nào cho tôn giáo được phổ thông ».

Quan thủ-hiến rất lời thi cụ Hiệp cảm tạ ngài đã ban cho nhiều ý kiến hay và kể lại việc tổ chức trường học chư tăng của hội Phật-giáo. Bây giờ là bắt đầu, tuy còn sơ sài, nhưng cũng đã thấy cơ kết quả và có nhiều hy vọng. Hiện thời ở chùa Sở có lớp cao-đẳng chư tăng, các vị đại đức dạy bảo chuyên cần, học-sinh học hành chăm chỉ mà số học sinh cũng đã khá đông. Ở chùa Quán-sứ và nhiều chùa ở các tỉnh đã có lớp tiểu-học và sơ-học, cũng đã được đông, để dần dần tuyển các học trò lên lớp cao-đẳng. Còn việc làm cho đạo Phật được phổ-thông thì ngoài tạp chí Đuốc-Tuệ mỗi tháng ra hai kỳ, hội Phật-giáo đã phát hành được nhiều sách thông thường như: Nhật-tụng, Đông-hải triều-âm, Nghi-tiết lễ Phật, Kinh thiện-sinh v. v. sau này còn có nhiều sách khác nữa.

Đỡ lời cụ Hiệp, một vài vị hội-viên kể rõ về tòa-soạn Đuốc-Tuệ và cách sắp đặt ban Khảo cứu của-hội. Hiện thời hội có một ban gọi là ban Diễn-giảng và Khảo cứu, cả tăng lẫn tại-gia có hơn 50 vị hội-vi n, toàn là người chuyên khảo về Phật-học. Mỗi tháng sau khi diễn-giảng các hội viên ban này có họp một lần để trao đổi ý kiến, bàn luận về đạo lý. Ban này làm việc rất sốt-sắng chuyên diễn giảng các giáo lý thông thường cho quần chúng, dịch các kinh sách ra tiếng Nam, cùng soạn những sách giản dị cho mọi người đều hiểu.

Trước khi cáo từ quan Thủ-hiến, cụ Hiệp Nguyễn thay mặt cả hội xin hiến ngài chức danh dự hội-trưởng hội Phật-giáo. Ngài hoan hỷ nhận chức ấy và nhắc lại trước khi ngài ở Huế đã được hân hạnh làm danh dự hội trưởng hội Phật-học ở Trung-kỳ, nay lại được hân hạnh làm danh dự hội-trưởng hội Phật-giáo ở Bắc-kỳ, ngài rất lấy làm vui vẻ và cảm ơn hội. Ngài hứa từ nay trở đi sẽ

có việc gì, bất cứ khó hay dễ, hội cứ trình ngài. Ngài sẽ vui lòng giúp đỡ.



Khảo về lược-sử Phật học nước Anh



Mở đầu

Lâu nay văn-hóa Âu-châu bao cả thế-giới, mà xét kỹ cái căn nguyên, cũng đều bởi nước Anh mở mang ra trước, ông Cương bản-dám phụ (nhà sử-học chữ danh Nhật-bản) đã từng nhận rõ ra thế. Vậy mới biết Angle terre, số dĩ lem-choen 3 bãi bể, mà hay vùng vậy khắp 5 châu, gây nên cảnh-tượng ngày nay; như gấm, như vóc, như hoa như ngọc này, chính không phải chuyên cậy vũ-công, mà thực bởi lưu tâm văn-hóa đó. Vậy đưa cái tài sung bá Âu-châu, thị hùng thế-giới kia mà hấp thụ lấy cái văn-hóa nung dưng giới đất, rục rở vừa nay, tức giáo-pháp của Phật đà ta này, nước Anh cũng lại làm gương-đạo cho người Âu hướng-hóa nữa, là bởi Anh có cai trị Ấn độ, (Inde) phái quan-lại sang ở miền Ấn-độ, vì như được vào trong cái nhà lấm cảnh chi lan, mùi hoa thơm theo tự nhiên ngấm nghĩa, lại như câu « gần đèn thì sáng » vậy người Anh khắc đượm màu thuyền, mới hay sưu tập kinh văn; đã tìm khắp bắc, nam Ấn-độ gồm thu đại, tiểu nhị thừa, lại hoặc sang Tây-tạng. (Tibet) hoặc tới Trung-hoa (Chine) và hoặc sưu tầm Trung, tây châu Á, vô luận hoặc thỉnh, hoặc mua, lại còn sưu khắp chốn

hoặc đào ở dưới đất, đủ các lối văn-tự: như chữ cồ-phạn, chữ ba-li, chữ hán, chữ phồn cho đến cả chữ hồi-hột và chữ khur-lur, bao nhiêu các tạng Phật kinh là tinh hoa châu Á, đều thu về cả chốn thủ-phủ Anh, hiện nay nào đoàn-thể-nào cá-nhân, ngoài sự duy giới ra lại càng phiên dịch tuyên truyền, ban bố ra khắp cả toàn Âu. Vậy xem lược sử như sau, thì đủ biết tương-lai mưa pháp dồi dào, đầm miền Âu thổ, nay đã hiện mây từ ngùn ngụt, đương dần dần ở ngoài quăng bề Manche và Nord kia, chắc mai sau Phật-hóa-dại-dồng, thì sự tin ngưỡng đến nguồn tâm, mà phải nghiên tinh cùng bề giác, tin-đồ vạn quốc, tất phải quay đầu về cả nước Đại-Anh vậy. Vì có sao? Vì chính cái thân: danh, cú và văn của Phật-giáo ta đã lâu nay tán mạn linh tinh, mỗi nơi một mảnh, tức như Trung-hoa, Tây-tạng và Tích-lan, tuy xưng là 3 xứ trung-tâm về sự tin-ngưỡng và khảo-cứu, nhưng toàn dùng những lối dịch-văn, ví như cái ảnh-tướng của chân-thân ấy, mà Trung-hoa chỉ giữ được phần đầu, Tây-tạng chỉ giữ được phần tây, và Tích-lan chỉ giữ được phần chân mà thôi. Còn chính những kinh-diễn phạn-văn, là chân diện-mục của cái thân: danh, cú và văn ấy, gần nay mới thấy ở nước Népal, là bởi người Anh thủ sừng hô hào, đã công sưu tập, lại hợp cả những bí-tạng ở Tây-vực nữa, hiện nay đều đủ mặt ở Luân-đôn (Londres) vậy biết tương-lai cái chân-thân danh cú và văn của Phật-giáo ta, sẽ hiện toàn thân to cao như những ông Hộ-pháp nghiêm nhiên ngồi ở đảo Ái-nhĩ lan (Londres) để cho Phật-tử 10 phương quy đầu chiêm ngưỡng vậy. Xem khi Phật nhập nát-bản, ngài đã nguynh mặt mà ghi rồi đấy, Chư tôn độc-giả nên xem mấy đoạn sau này:

1. Kinh diễn chữ Ba-li

Lối tạng kinh diễn này nước Anh sưu tập được ở đảo Tích-lan (Ceylan), Tích-lan là một hải-đảo to nhất ở Đông-nam Ấn độ, làm một xứ trung-tâm của các xứ Á-nam

tin ngưỡng, như Birmanie, (Diễn-diện) Siam, (Xiêm-la) Cambodge, (Cao-man) và Ai lao (Lào) v. v. kinh điển toàn dùng bằng chữ Ba-lì, thuộc về Tiểu-thừa, gọn gàng dễ hiểu; người Anh do có hiểu lời kinh điển này, rồi mới tiến dân vào bề giác đại-thừa, mà sưu tập được những kinh tạng khác, nên phải nói ngay ra trước, vì sao mà kinh Phật của Tích-lan dùng toàn chữ Ba-lì, vì chữ ấy là dấu hiệu tiếng nói cổ của nước Ha-kiệt-đa, sau có chạm trước với các thổ-âm khắp miền Ấn-độ, nên thứ tiếng ấy thông dụng ở Ấn độ, cũng ví như Quan-hoạt ở Trung-hoa (tiếng hán-văn của Tàu), chắc từ đời vua A-dục thống lĩnh toàn cảnh, đã dùng chữ ấy phổ thông cả các xứ. Ông con bé ngài là thủy-tổ truyền-giáo cho Tích-lan, kinh giáo tất đã phiên dịch ra chữ ấy, thì mới phổ cấp được, sau rồi dần dần lựa chọn, toàn những kinh điển tiểu-thừa, phiên dịch và tập dần mới được toàn cả tam-tạng, mà lưu hành các xứ thuộc phía nam tông, (các nước đã kể trên) đều theo một lối có tính cách thuộc về một tông-giáo riêng, khác với Bắc-tông, rồi họ xuyên tạc đặt ra những thuyết để bình vực những giáo-pháp của họ là đúng hơn bắc-tông nhiều lắm, hãy lược kể ra 2 điều sau này :

1) Họ tự xưng rằng : khi xưa đức Thích-ca giảng sinh ở một ngọn núi to nhất trong đảo Tích-lan ấy, hiện nay vẫn còn có vết chân của ngài ghi ở ngọn núi ấy.

2) Họ lại tự xưng rằng : khi xưa đức Thích-ca thuyết pháp bằng tiếng Ba-lì, giáo đồ cứ ký ức truyền khẩu mãi, sau khi diệt độ hơn 500 năm, vua Vô-úy (một ông thánh-quân ở đảo Tích lan) mới họp các tăng già truyền chép ra thành kinh điển bằng chữ ba-lì.

Cứ 2 điều ở trên đó thực là xuyên tạc, mà chái với sự thực nhiều lắm, tôi không phải biện bạch làm chi nữa, nay xin nói đến bên nước Anh sở dĩ lấy được kinh-diễn ba-lì sau này :

Từ năm Phật-lịch 2823 (Tây lịch 1796) nước Anh lĩnh quyền cai trị Tích-lan, dùng ngay chính sách tùy dụng tông-giáo, (vì Tích lan vừa trải qua một thời kỳ bị bờ-đào-nha và Hà-lan tàn hại) cái chính sách ấy, nguyên ý nhà chính-trị Anh thì chỉ cốt cho dân « Trà » vui phục, mà cái thực hiệu lại là làm cho các quan-liêu sang đó, đều biểu đồng tình về Phật-giáo, đa tâm nghiên cứu, thâu thái đưa về, tuyên truyền càng thịnh, lắm người tài cao đức rộng, đối với Phật giáo có đại-công-lao, lược kể sau này :

Ông Ước-hàn-ty-đôn sang làm Nghị trưởng ở Tích-lan, bắt đầu ông dịch bộ sách « Lịch-sử-thần-thánh Tích-Lan » đúng năm Phật-lịch 2860 (1833 Tây lịch) gửi về Luân-đôn, tiến trình Anh hoàng-Đến năm 2864 (1837) ông Đan-nam nhuận chính lại, rất là tinh tường, vì đó cái diện mục Phật-giáo của Tích-lan đã bắt đầu tỏ rạng ở Âu-châu vậy.

Ông Đạt-vực-nhân sang làm việc tòa án ở Tích-Lan, ông phải xét một cái án thuộc về tài sản một ngôi chùa, người đương sự có đệ một quyển bối-diệp để tòa xét chứng cứ. ông đồng ý với người đương-sự, đưa về khảo cứu, ông liền hiểu thấu đạo màu, vui mừng nhẩy nhót, nói truyện với người ta rằng : « Tôi nhờ có quyển sách bằng chữ ba-ly, này mà hiểu thấu được giáo-lý của Phật, so với tư tưởng cao sâu của Bà-lạp đồ, lại là cao thâm gấp mấy, tư tưởng của Âu-châu mà muốn tiến cao lên nữa, thì phải dùng đến tư tưởng của Phật-giáo mới hay ». Có người chê ông là mê tín, ông đỏ mặt trả lời rằng : « Những kinh điển của các giáo khác, tôi đã xem trải cả rồi, chưa thấy giáo nào cao thâm được như Phật-giáo, tôi quy y Phật, cho được yên thân, lòng tôi rất thỏa, tùy bác gọi tôi là ngu là mã, thế nào cũng hả ». Sau ông ra công chước thuật, nói về Phật-giáo rất nhiều, nhất là ông dịch được bộ kinh A-hàm ra chữ Anh, vì đó mà cốt tử cao thâm của

phái Nam-tông mới hiện chân-thân sang miền Âu-thổ.

Ông đại-vệ sang ở Tích-lan cũng làm việc tòa án. Khoảng hơn 10 năm, ông chỉ lưu tâm khảo về Phật-diễn, năm 2903 (1876) Ông về nước Anh, chuyên giảng Phật-giáo ở thành Luân-đôn rồi ông lập ra hội « Ba-lị thánh diễn » và xuất bản một tờ báo. phàm những văn chương báo cáo về Phật-giáo ở hoàn cầu, thu nhật, đăng cả, hơn 30 năm ông lo toan xuất bản, « tam tạng Ba-lị » mà không đủ tiền. Sau vua nước Siam nghe tin gửi tiền giúp đỡ, các quan nước Siam cũng quyên tiền gửi sang cúng, thì chỉ ông mới thành, vì thế mà 3 tạng tiểu thừa, mới hiện toàn thân ở miền Âu-thổ vậy. Sau ông đi diễn giảng nhiều nơi, cũng được lắm người hướng hóa. ông lại được một bà nội-trợ rất là phúc đức quý hóa nữa, tên bà là Gia-la-lân, bà vẫn cùng ông chuyên dịch được nhiều kinh, như khi ông dịch kinh « Cổ-câu hi-la » và kệ « Trưởng-lão cập Trưởng-lão-ni », thì bà dịch luận « Pháp tụ » và làm một quyển luận về Phật-giáo, bà lại giúp ông mở mang trường Phật-học nữa, những bậc thanh niên khuê tú đến học, bao giờ cũng chật trường, như cô Hà-đức và Lê đại đều nên anh tài kiệt xuất ở Âu-châu gần nay, cũng bởi môn Phật-học của hai ông bà đào tạo nên vậy.

Cụ Nan-đa-di-lặc, tên tục là Ben-net (C. h. Athan Ben-net). Cụ nhân sang dạy học chữ Anh ở một trường Phật-học Diễn-diện, được 4 năm, cụ được nghe Phật-giáo, liền hiểu thấu rằng: tất cả các tông-giáo và học-thuật ở thế gian, chẳng giáo nào được cừu cánh viên mãn bằng Phật-giáo, cụ liền xuất gia và thụ giới cụ-túc ở một ngôi chùa Diễn-diện, pháp-danh là Nan đà Di-lặc, đến năm 2935 (1900) cụ về nước Anh được nhiều bạn giúp, lập hội Phật giáo ở Luân-đôn, cụ chủ trương việc hội, siển hóa Phật-thừa được 16 năm, quy hóa nhiều lắm, đến năm 2920 (1923) thì cụ viên tịch, hội viên hoán tán, bạn cụ đã đứng chung hưng, nhưng hội vẫn khảng tằng, chẳng bao giờ được thịnh

bằng khi xưa, đến năm 2952 (1925) có cụ Pháp-hộ, đương là một nhân-vật chủ động chung hưng Phật-giáo ở Tích-lan, nghe tin hội Phật-giáo ở nước nhà không được thịnh hành như trước, cụ liền về nước chiêu tập hội viên, tổ chức lại cuộc chung hưng cái tên là hội « Đại-bồ-đề-Phật học », tậu một ngôi nhà ở ngoài châu thành Luân-đôn làm hội quán, mỗi tuần lễ, một lần làm việc pháp, sau chủ được 5000 Kim-bang, tậu được ngôi nhà to N° 41 Gouces-ter Road ở trong thành để làm nơi hội quán Năm 2955 (1928) có 3 vị tăng Tích-lan sang chủ-trì công việc hội ấy, mỗi tuần lễ có một kỳ diễn giảng và một khóa tụng bằng chữ Ba-lì và chữ Anh, vị thân-vương nước Si am sang làm công-sứ chú Anh, cũng dự làm hội viên vĩnh-viễn của hội ấy, và vẫn thường khen ngợi, công cuộc của các sư ấy. Đến năm cụ Thái-hư (Tàu) sang nước Anh, gặp ngày làm lễ khánh đản, cụ tới dự lễ, cụ cũng vào làm hội viên vĩnh-viễn.

Ông Ban-ngô, ông này là lương đồng của hội Phật-giáo nước Anh, từ khi cụ Nan-đà xướng lập. ông hết sức cố động cho được thành hội, những khi cụ đi vắng, ông đứng thay quyền chủ nhậm, đến khi cụ Pháp-hộ tổ chức chấn hưng, ông lại ra công giúp cuộc tiến hành; ông nhiệt thành về phe nghiên cứu, giúp hội tuyên truyền khắp ra các xứ, rất là mau lẹ, và lại suốt bản tạp chí nguyệt-san, đặt tên là *Giáo đồ nhà Phật* (British Buddhist) năm 2954 (1927) ông đương làm hội-trưởng, lập ra một ban đặt tên là Lưu-anh Phật-giáo-đồ học-sinh, khi mới lập đã được ngay 180 hội viên, xem thế thì ông Ban-ngô chính thực là cột xà của nhà Phật bên nước Anh vậy.

Lược kê mục-lục tam-tạng của T. L.

(ông Đại-vệ xuất bản ở nước Anh)

- KINH : 1. Trường-a-hàm 44 phân
2. Trung-a-hàm 252 phân

3. Tạp-a-hàm 7762 phận.
4. Tăng-nhất-a-hàm 9557 phận.
5. Tiểu-Tụng 15 phận.

Bốn bộ A-hàm này, so với bốn bộ A-hàm của Tàu dịch cũng đúng, chỉ một bộ Tiểu-tụng, thì Tàu dịch còn thiếu một phận (Thi-dụ).

- LUẬT : 1. Độ-la-di, 2. A-dật-đề.
3. Đại-phẩm, 4. Tiểu phẩm.
5. Quyển thuộc. (cộng 25 phận)

Năm bộ luật này, so với Hán-tạng của Tàu dịch, chỉ chia ra làm 2 Đại-bộ mà thôi, còn như 25 phận thì Tàu dịch cũng thế.

- LUẬN : 1. Pháp tự, 2. Phân biệt.
3. Giới thuyết. 4. Dịch-nhân-thi-thiết.
5. Thuyết-sự. 6. Song đối.
7. Pháp thú.

Bảy bộ luận này cũng đúng như Hán-tạng của Tàu dịch.

CHÚ SỚ : (Cụ Giác âm soạn) 19 bộ

Còn những sớ thích và lịch sử thì nhiều lắm, không kể hết được, chỉ lược một phần chú sớ của cụ Giác-âm là vì cụ chính quê ở nước Ma Kiệt-Đà, đạo hạnh rất cao, chức tác rất rộng, đến ở Tích-lan, chữ danh đệ nhất. Cụ lại có một bộ gọi là « Thanh tịnh đạo luận » có quan hệ về Phật-giáo lắm, làm cho phái Nam-tông chiêm ngưỡng cụ, cũng như phái Bắc-tông chiêm ngưỡng 2 cụ Mã-minh và Long-thụ vậy.

Kinh điển chữ Cổ Phạn

Nguyên lai chữ Cổ phạn, cứ Phật điển mà nói, thì thứ chữ đó là dấu hiệu tiếng nói của cõi giới Đại-Phạn. Nghĩa là từ cõi giới thứ 10 trở lên không cần dùng chỉ ngôn ngữ, đã không dùng ngôn ngữ, thì cũng không

phải đặt ra văn-tự làm chi, chỉ từ cõi giới thứ 9 (tức là từ cõi giới Đại-Phạm) trở xuống gồm cả phạm phụ, phạm chúng và 6 cõi giới dục người, cho đến 4 bộ châu (tức là nhân gian ta) còn phải dùng ngôn ngữ thì phải đặt ra văn tự để làm dấu cho tiếng nói, ngôn ngữ bất đồng thì văn tự phải khác, nhưng đều lấy ngôn ngữ văn tự của cõi Đại-Phạm làm vua các thứ ngôn ngữ văn tự của các cõi người và cõi giới khác. Phật là thầy các cõi giới trên : người nên những giáo pháp của ngài, dạy các cõi giới từ cõi thứ 10 (nhị thiên) trở lên không phải dùng ngôn ngữ thì ngài cũng không phải nói, còn từ cõi giới Phạm trở xuống đến nhân gian, thì ngài mới phải dạy bằng lời nói, vả lại đức Phật nào cũng sinh xuống Diêm-phù-đề ta mà thuyết pháp độ sinh, nên cái hóa-cơ của chư Phật đã đưa thư chữ ấy xuống cho cõi ta dùng từ đời vua Thánh-kim luân, lưu hành đã lâu lắm. Nhưng thư chữ ấy đến đời ngũ trọc này, thì phi Phật không ai nói được hực đúng và viết được thông, hiện thời ấy các thầy Bà-la-môn đều lấy làm chỉ có Phật mới nói được đúng tiếng Phạm thôi.

Sau ngài truyền cho đức thánh A-nan được chứng ngôi tổng-tri đa-văn, nên sau khi diệt-độ rồi, hết thầy các pháp đều bởi tay đức A-nan mới chép ra chữ được. Các kinh pháp chữ cổ Phạm truyền từ đời tổ Ca-diếp đến đời tổ Đạt-ma, trải thời kỳ 28 đời tổ Tỳ-khiếp, thuộc về kinh-diễn, chắc các tổ và các tổ-đức, vẫn phải dùng chữ cổ Phạm, nhưng sự giảng diễn tuyên truyền, thì cũng phải chuyển mà dùng lối chữ tiếng thông thường (như ba-li v. v.) hơn 1000 năm nay, giáo Bà-la-môn họ lại thịnh lên, hầu hết cõi Ấn-độ lại lạc vào vòng giai cấp của Phạm-vương, và một vài nơi cũng lạc sang vòng binh lực của giáo Hồi hồi, thì các kinh điển Phật thừa, vô luận lối văn tự nào, điều tiêu diệt cả.

Ngoài ra chỉ còn có nước tên gọi là Népal, là còn giữ

được ít nhiều Kinh văn cổ phạm. Lại lòng thay lúc nước Népal là một nước rất nhỏ, vị chi ngày nay ở chốn biên thủy Tây-bắc Ấn-độ, đông-nam giáp các xứ Ấn-độ đã thuộc Anh rồi, tây-bắc giáp nước Afghanistan (*A phú-hãn*) và nước Béloutchistan (*Bi-lố-chi*) (2 nước này theo giáo hồi-hồi mà nước Anh bảo hộ). Nước Népal đó, thổ địa có 54 vạn Anh-lý, nhân số có 200 vạn dân đinh, chẳng bao nhiêu phen Bà-la-môn tâm thực và Hồi-hồi giáo sàm lãng, mà Népal vẫn giữ được Phật giáo đại-thừa mà trang nghiêm quốc-độ, cho đến gần nay bao nhiêu dân-tộc theo về Bà-la-môn và Hồi-hồi giáo kia, đã điều bó tay dứt cổ, cúi rạp ở dưới bóng cờ đế-quốc của người Âu rồi. (Toàn cảnh Ấn-độ, có 5 xứ thuộc Pháp, 3 xứ thuộc Bồ, còn đều thuộc nước Anh cả). Xứ Tích-lan dẫu ở riêng ngoài vịnh bể mà theo Phật-giáo tiểu-thừa, cũng không thoát khỏi. Sao Népal là một nước cỏn con, mà nay vẫn được nghiêm nhiên tự chủ, ông Levil là một nhà khảo cứu chữ danh bên Đại Pháp, đã từng tán thán mãi, hay là những cơn tai biến lệch đất nghiêng giới kia, người Népal đã từng hiểu câu Phật dạy rằng: « Tâm bình thế giới bình » (kinh Lăng nghiêm) trên dưới một lòng vẫn cố giữ được « vô thượng thậm thâm vi diệu pháp », tức cái trình độ Népal đã tiến lên đến từng Phật hóa rất siêu rờ, những kẻ ngoại giáo hung tàn, cường quyền xâm lược kia, sợ cao không tới đến, sâu không dò tới chẳng? Song le, quả đất soay ghè, thời đời biến lạ, nay xem những cách theo giáo của Népal, lại thấy khác hẳn. Nghĩa là tuy co giữ được cổ kinh như thế, nhưng ngoài sự tụng niệm của các sãi ra, đạo Phật không diễn giảng, chữ phạm chẳng thông hành, chẳng khác gì tục nước ta dùng kinh bằng chữ Hán vậy. Ôi, trong tạng chữ giới cổ nhĩa kia, chứa chan phép Phật nhiệm mầu, mà hóa ra chỉ lờ mờ trong chốn khói hương nghi ngút, để cho thổ dân mê tín mà làm mỗi lợi dưỡng cho những kẻ chán đời thôi, nếu không có người Anh sưu tầm khảo cứu mà tuyên diễn ra đời, thì cái chân diện mục của Phật giáo đại-thừa, ai hay tỏ dạng. Vậy

xin trình trọng lược kê số mục những kinh chữ Phạm lấy được ở Népal ra sau này :

- 1.) Bộ Đại-bát - nhã 7 thứ
- 2.) Bộ Hoa-nghiêm 3 thứ
- 3.) Bộ Phương đẳng 10 thứ
- 4.) Bộ Bảo tích 3 thứ
- 5.) Bộ Bí mật 23 thứ
- 6.) Bộ Các thánh soan 8 thứ

Sáu bộ này Tàu đã dịch được cả rồi.

- 7.) Luận số 3 bộ, Kỹ thuật 1 bộ.

Nghi quỹ 2 bộ. Tập loại (có cả y-học, lý học, linh học văn chương học và tự vựng) hiện còn nhiều lắm nước Tàu chưa có.

Các bậc danh nhân có công đức đối với Phạm-tạng truyền sang Anh, nhất là ông Hạ - kim - tôn. Ông là người Anh, sinh năm 2827 (1800), đến năm ông 18 tuổi, đã có chí khí phi thường, du học ở trường cao đẳng Giáp-cốc-đa (đất Ấn độ), sau ra làm xếp Thư-ký tòa xư lên dần đến quyền Công-sứ chủ tại nước Népal, ông nhân thiên tính thông minh, lại được gần đèn, ở đấy hơn 10 năm ngoài thi giờ làm việc nước-ông chỉ lưu tâm nghiên cứu Phật thừa, năm 2172 (4-47) ông từ chức công sứ vào tu ở núi Đại-cát.

Khi thành thị, lúc lâm tuyền,

Lòng son vẫn đượm màu thuyền như in.

Trước sau hơn hai mươi năm, ông chỉ giao du với các tăng, cho được tinh thâm về giáo lý. rồi ông xuất bản một bộ sách hợp đủ cả « Quốc-ngữ, văn-học và tông giáo của Népal và Tibet » (Tây tạng). Từ đó học giả Âu-châu đã hoan nghinh lắm, sau ông d ch bộ luận « Kim cương châm » và làm một bộ sách « Luận về Phật giáo của Népal ». trong sách phổ diễn được cả những danh nghĩa rất hay

của bộ kinh « Tiểu phẩm Bát-nhã » và cả các kinh thuộc về lối hiền và mật, sách ấy in vào tạp chí Á-tế-á, tất cả Âu-châu thấy đều kinh mộ ngợi khen, ông lại có rất nhiều kinh điển bằng chữ cổ phạm, hiện để ở 2 trường học Luân-đôn và Ngu-tân (Anh) cộng 381 bộ, lại còn tặng ông Bi-na-phu (người Pháp) 171 bộ, và ông Mật-đa-la (người Ấn) 144 bộ. Sau ông Bi-na-phu nhận được các sách ấy mà lưu tâm phiên dịch và chú thích về giáo Đại thừa, để truyền bá cho nước Pháp mà làm nên một cự phách phái Phật giáo đại - thừa ở nước Pháp, ông Mật-đa-la cũng nhận được những sách ấy mà thâm hiểu phép màu, sau ông ra công giúp nên Phật-giáo nước Anh, có công quả to lắm, xin kể như sau, thì biết ông Hạ-kim-tôn gồm có đủ 2 thứ công-đức to đối với phạm tạng ở nước Anh là đã thu nhất lại khuyến khích về sự phiên-dịch tuyên-truyền vậy.

Ông Mật-đa-la sinh ở Ấn-độ, học rộng văn hay, tiếng hùng thế giới, trước ông lĩnh chức Tư-thư cho hội Hiệp Á-tế-á ở Ấn-độ, sau ông thăng dần đến Hội-trưởng, ông Hạ-kim-tôn kính trọng lắm: nhân tặng ông nhiều sách (đã kể trên).

Người Anh mà đã có lòng,

Huống là Thích-chúng mà không, sao đành.

Ông nhân làm bài « Phạm-diễn-giải-đề » khảo chứng được rõ nguyên lai cái cây tháp già-da có quan-hệ về các lối học khảo cổ thế nào, đã phát minh được rất nhiều nghĩa ở trong các Phạm-diễn của Népal, sau ông phiên dịch được nhiều Kinh chữ cổ phạm ra Anh văn như « Kinh Đại trang-nghiêm » và « Kinh du-già tiết học bản » v. v. rồi ông lại hiệu đính cả bộ « Bát-nhã thiên tụng tiểu phẩm » cho nước Anh nữa, năm 2915 (1888) thì ông tịch, hưởng thọ 68 tuổi.

Khi ông Hạ-kim-tôn còn làm Sứ-thần ở Népal là thời-kỳ sưu tầm Phạm-Văn lần thứ nhất, thời kỳ sưu tầm

lần thứ hai, là sau khi ông từ chức 30 năm. Nước Anh lại có ông Lai-dức làm quan thầy thuốc cùng quan công sứ khác đóng ở Népal, từ năm 2900 (1873) đến năm 2913 (1876) sưu tầm được 850 bộ cổ phạm, trừ sách Bà-la-môn ra, còn Phật-diễn được 325 bộ, sau ông Bành-thông-Lý sang sưu tầm lần thứ 3, cũng được nhiều lắm, chưa rõ được là bao nhiêu, mãi về sau nữa mới có người Pháp và người Nhật cũng đến sưu tầm lần thứ 4 và thứ 5, nhưng đưa về Pháp và Nhật cả, lịch sử Phật-hóa nước Anh, tuy không cần nói đến, nhưng đó cũng là theo cái ảnh hưởng của ông Hạ-kim-Tôn đánh trống mở cờ ra trước vậy.

Kinh điển của Tây-tạng

Chữ Tây-tạng là dùng chữ cái của cổ-phạm rồi chằm chước các vần mà đặt ra chữ Tây-tạng (cũng như chữ quốc-văn này của ta, là dùng chữ cái của La-tinh, rồi chằm chước các vần mà đặt ra chữ ta vậy. Hiện nay Tây-tạng theo riêng một lối giáo gọi là Nạt mạ, cũng là một chi lưu của mật giáo Đại-thừa, ông thủy-tổ sáng lập nền giáo cũ, tên là Liên-hoa-sinh, giáo đó toàn dùng mũ áo đỏ, gọi là Hồng-giáo. Sau hóa ra nhiều lệ, ông Tông-hách-ba đứng ra cải lương, chỉnh đốn lại, mà cải ra dùng mũ áo vàng, gọi là Hoàng-giáo, truyền bá ra khắp dọc Thông-lĩnh; lan về phía đông, trừ một tỉnh Tân-cương (Tàu) theo giáo Hồi-hội còn các xứ như Y-tê, Thanh-hải, Đồ-bá-đắc, và Mông-cổ (Thuộc địa Tàu cả), chàn vào cả nội địa Tàu như Thiểm-tây, Sơn-tây và Chực lệ. Sau đến cả Mãn-châu cũng theo về giáo ấy. Các xứ ấy đều lấy Tây-tạng làm chốn trung tâm truyền bá cả, nhưng giáo ấy chỉ thi hành một lối chú-thuật kỳ-đảo thôi, và lại có phần hỗn tạp với mật giáo của Bà-la môn họ ăn cắp của Phật-học xưa kia, và lại dung hòa với ma thuật cổ của Tây-tạng nữa, nên phái Hồng-giáo từng sinh ra tà dâm phá giới, chẳng đáng nghiên cứu làm chi. Phái Hoàng

giáo tuy cũng có uy nghi rực rỡ, nhưng cái cốt-yếu cũng chẳng ngoài một chi mật giáo của Trung-hoa mà thôi: Chỉ cốt nên chú trọng nhất, là Tây-tạng còn có một ít phạm điển, và họ giữ được toàn tạng của Thổ phồn (Thổ Phồn nay là một xứ thuộc Tây-tạng) trong tạng Phồn văn rất là phong phú, cái tinh tướng của Phật-giáo đại-thừa, Phồn tạng có đủ, nhưng số mục xin lượng kể sau, nay hãy nói qua cái căn nguyên sở có Phồn-tạng; xưa nước Thổ phồn, theo giáo ở Tây-vực sang, bắt đầu từ đời vua A-dục, dần đến ngang với đời Lục triều (Tàu) giáo đã dần thịnh, chái 30 đời nữa, đến vua Đặc-nặc-đức-tô-long-tán (ngang đời Đường-thái-Tôn) ông Đoan-mỹ-Tam-Bồ-đề sang du học Ấn độ, dùng chữ cái cổ phạm, đặt ra chữ Thổ - phồn, rồi phiên dịch kinh điển. Bởi văn tự cùng một gốc nguồn, nên dịch được dễ dàng và rất tinh vi, hơn những kinh của Tàu dịch nhiều lắm. Nay cử Phồn tạng đưa về Luân-đôn, lược chia làm 2 đại-bộ kể sau này :

1. Chính-tạng (tiếng phồn là Cam-thù-nhi 7 bộ).

Giáp) Bộ Luật hơn 600 quyển.

Ất) Bộ Bát-nhã hơn 200 quyển.

(Bộ này có toàn bộ Đại-bát-nhã cũng như của Tàu, và có nhiều thứ Tiểu-bát-nhã, xưa cũng theo đó dịch ra cho Tàu).

Bính) Bộ Hoa-nghiêm 45 phẩm.

(Bộ này so với bản Tàu dịch; phẩm mục tuy khác, nhưng nội-dung cũng đúng).

Đinh) Bộ Bảo-tích 6 hòm.

(So với bản của Tàu dịch cũng chỉ khác phẩm mục thôi, chứ nội dung cũng giống)

Mậu) Các kinh khác, hơn 270 bộ.

Kỷ) Bộ Niết-bàn 2 hòm.

(Trường hơn kinh của Tàu dịch)

Canh) Bộ Bi-mật cộng 289 bộ.

2. Tục-Tạng (Tiếng phồn là Đan-thù-nhĩ 3 bộ,

Giáp) Ca tán 58 bộ.

Ất) Bí-mật nghi-quỹ 2600 bộ.

(Bộ này của các thánh hiền lịch-dại đặt ra)

Bính) Luận thích (hợp các thứ sở thích về kinh giáo đại-thừa bên Tàu chưa dịch được. Lại cả thi-pháp từ-học, văn-pháp, Từ-vựng, âm-nhạc, Toán-số, y-học, Thiên-văn học, Tào-tượng-pháp và Nhân-minh học v. v. rất là phong phú).

Gồm cả Phồn-tạng đó và kinh-diễn giáo Nạt-mạ của Tây-tạng, nên nước Anh đã có đủ cả rồi. (Pháp, Đức, Nga và Nhật cũng có).

Nước Anh là một nước thủ xướng về Phật-học ở Âu-châu, các nhà bác-học ở các nước khác, sau mới nghe gió nổi lên, hoặc sang các nước Á-châu, sưu tầm kinh cổ, hoặc đến kinh-đô Anh quốc, nghiên cứu pháp môn, đưa về bản-quốc, truyền bá rất nhiều, tự trung giúp ích cho nước Anh cũng không phải là số ít, nay xin lược chọn một ông có sự tích kỳ và chức-tác rộng là có công với Phật-giáo nước Anh nhất, kể ra sau này :

Ông Giác-ma là người Hung-gia-lì (Hongrie) sinh năm 2828 (1801) đến năm ông 18 tuổi, du học ở nước Đức (Allemagne) xem sử Tàu biết là giống người Hung-gia-lì nguyên là giòng giõi nước Hung-nô (thuộc Tàu), liền cố chí thăm dò cổ-quốc mà lưu tâm về ngôn-ngữ học phương Đông. Năm 2847 (1820) ông cải trang giả làm người Mỹ, theo phùng buôn nước Mỹ đi sang châu Á, (vì lẽ : đã không có bạn lại chả có lương, nên phải lộn sòng như thế).

Nổi niềm nghĩ đến tổ tông,

Quyết đem lòng sắt dãi cùng giang san

Ông sang đến đất Bồ-cáp-lạp, ở đấy một mình hơn

2 năm thơ - thần mọi nơi, ông chỉ xin ăn độ nhật, mãi rồi vào đến phạm vi Ấn-độ, một mình vợ vẫn, đi mãi sau rồi kết bạn với một ông, may lại là một ông bạn tốt, số là phái-viên của chính-phủ Anh, tên là Mạc-khắc-luân, đưa cho ông một bộ sách « Tây-tạng ngữ-vựng », ông nhân học được tiếng nói của Tây-tạng, năm 2851 (1824) ông đi dò tới địa-phận Tây-tạng ở vào chốn rất quê mùa, học một vị sư của giáo Nát-mạ, thế là đã tới được vào bề pháp thanh-thời. từ đó lưu tâm học Phật, càng ngày càng thấu hiểu tinh vi. Sau ông lại đi du lịch tất cả các xứ tây thù nước Tây-tạng, rồi lại quay về Tây-bắc Ấn-độ, khi mới đến đất Tây-mẫu-lạp, người ta trông thấy ông bấy giờ, ai nấy ngỡ là người đời thái-cổ, số là đầu bù mắt cáu, rách dưới lang-thang, ngoài vài quyển sách tùy thân, chẳng có chi là khác nữa.

Mặt ngoài dầu gió dạn xương.

Bề trong giả sắt gan vàng ai hay.

Ở đó ít lâu, sang năm sau, lại đi đến Giáp-cốc-đà, các danh-sĩ trong học giới hoan nghênh ông lắm, các thầy giáo-học và thạc-học kính trọng ông như một vị tôn-sư, ông cũng cảm tình tri ngộ, ở đó mười năm, kéo hết tư tâm làm nhiều sách vở, để giúp cho học giới ngày một mở mang, năm 2861 (1884) ông suất bản bộ « Tây-tạng văn-pháp », năm sau ông lại suất bản bộ « Tạng-Anh tự-vựng », hai bộ sách ấy là để mở đường chỉ lối cho người Anh nghiên cứu Phật-học của Thổ-phồn đó. Sau ông lại làm 4 lối luận-văn để siển dương Phật-giáo, mà in dần vào tạp chí Á-tế-Á nữa.

1. Thích-tôn truyện-ký (chép rõ hết thầy lịch sử đức Thích-ca).

2. Phồn-tạng luật-bộ giải-đề (chú thích giảng giải cho rõ nghĩa các bộ luật của Thổ-phồn),

3. Cam-thù-nhĩ lục-đại-bộ giải-đề (chính-tạng của Thổ

phần chia 7 đại-bộ đã kể trên, trừ một bộ luật đã giải riêng, còn tất cả các kinh điển 6 bộ kia đều giải thích cả).

4. Đan-thù-nhĩ-toát-yếu (bản rút lại mà nêu rõ những cốt yếu ở hết thầy các điển trong tục tạng).

Quý-hóa thay, khoảng trong 7, 8 năm giờ, một tay làm được 4 việc công đức rất to ấy, tức là tứ-đại-bảo để cho nền Phật-giáo nước Anh này, chẳng bút mực đâu ghi công cho xứng được. Có chăng, chỉ có núi Đại-cát, để làm bia kỷ-niệm chung - thiên, mới hay xứng đáng. Hay đâu, năm 2869 (1842) ông tỉnh đi sang Tây-tạng để làm lễ triều yết vị Hoạt-Phật giáo Nát-ma.

Được đi châu Phật là hay

Thân tứ-đại này còn tiếc làm chi

Đương trong khoảng tháng tư ta, ông đi đến núi Đại-cát (Đại cát) bỗng bị cảm nhiệt, rồi tịch đi ngay, tốt lắm thay, tốt lắm thay, hân lúc ông tịch đi, ông cũng nằm xườn bên hữu xuống dưới, để thị hiện ra cái chân tướng tốt lành, chẳng biết các nhà Phật-tử nước Anh có nhớ lấy ngày mà kỷ niệm không ?

4. Kinh điển chữ Hán

Hán-tạng là một kho Phật-học của các dân Hoàng-tộc miền Á-đông ta, mà chốn trung-tâm ấy chính ở đất Trung-hoa, rồi truyền bá ra Việt-nam, Triều-tiên và Nhật-bồn, nay xem cái nguyên nhân nước Tàu sở dĩ tập thành được tạng ấy, mà nổi danh là một chốn trung-tâm Phật-học tinh túy ở Á-đông, có dễ đâu ? Bởi từ đời Hán Minh-đế chải qua Đường, Tống về sau, hơn 2000 năm thái kinh văn, khắp năm phương Ấn-độ, đến cả Tây-vực và Thổ-phồn, những cao-tăng các xứ ấy đều là bề giác uyên thâm, nguồn tâm hoạt bát, xa nghìn dặm kéo vào Tàu mà thêu nên gấm vóc cho Tàu, lại các cao-tăng bản-quốc, cũng đều sức học kiên cường, chân thần dũng mãnh, đạo khắp mọi nơi, đưa về nước

mà phun ra ngọc vàng cho nước, hợp cả chư tăng
Phiên Hán, mấy nghìn năm phiên dịch, mới tập thành
7 tạng tinh hoa, đủ cả đại, tiểu nhị-thừa, thầy các lối
hiền-giáo mộng mệnh sâu rộng, và các lối mật-giáo huyền
diện tinh vi, như sao đực rờ, nhưng những pháp trên
đó còn có thể sưu tầm, và thuộc về công dụng hữu
vi mà được, chỉ nhất là cái pháp không đâu được, mà
Tàu được tự nhiên, tức là cái pháp truyền riêng ở ngoài
giáo (*giáo ngoại biệt truyền*) mới đích thực là chính-pháp
của đức Phật ngài đặc truyền cho đức tổ Ca-diếp ấy, thật là
pháp đệ nhất trong 84000 pháp vậy. Đến khi Phật nhập
nát-bản, ngài lại chỉ dầu về bắc, tức Ngài thị hiện cho
biết rằng : chính cái pháp đầu tức là đệ-nhất, còn ở
ngoài giáo kia, đến khi được diễn ra thành giáo mà ban
bổ thông hành, thì hải đưa vào Tàu, chỉ người Tàu mới
hay thừa thụ mà tu diễn ra giáo tông để truyền bá
được thôi, chứ các nơi khác thì không đâu được, nên 28
dời tổ Tây-thiên, các ngài cũng chưa dám tuyên truyền,
mà mỗi đời chỉ mật thụ riêng cho một vị, giữ Pháp để
đợi thời mà thôi. Gần đến khi pháp được siển dương,
đức tổ Đạt-ma. Ngài tiên-cơ rước pháp vào Tàu, trước
hết Ngài xưng ra thuyết « Bất-lập văn-tự » tức ngài đã
hứa cho biết rằng : những kinh điển của Tàu đã dịch
ra được ấy, tuy đều là chính-phép của Phật dạy cả, nhưng
phép nhiệm mầu, những phép chép được ra văn tự ấy,
còn khó đạt tới đến mục đích, chính cái nhơn tạng để
chiếu rõ những chính-phép ấy, Phật ngài truyền riêng ở
ngoài giáo, thực không thể lập ra văn tự được, nay ngài
mới đưa sang mà chỉ giáo cho. Sau ngài lại truyền cho
bốn câu kệ rằng :

1. Ngô bản lai ti thổ

Dịch : 1. Ta sang ở đất này như vậy,

2. Truyền pháp giáo mê tình

2. Truyền phép mầu đưa dạy kẻ mê.

3. Nhất hoa khai ngũ diệp

3. Một cái huê nở xoe năm cánh,

4. Kết quả tự nhiên thành

4. Rồi kết quả thành chính tự nhiên.

Nghĩa là Ngài bảo cho Người Tàu biết rằng : Ngài sở dĩ sang Tàu, là Ngài cốt đưa truyền cái pháp nhơn-tạng của đức Phật truyền riêng mà Liệt-tổ tương truyền cho đến Ngài ấy, nay Ngài truyền cho nước Trung-hoa, 1 huê là một đời Ngài, 5 cánh là năm đời tổ nối sau Ngài nữa. Qua 6 đời rồi, phép ấy tự nhiên kết quả thành ra giáo tông (tức Thuyền-tông). Quả nhiên ở nước Tàu trong 6 đời ấy cũng vẫn mật truyền riêng như trước ở Tây-thiên. Đến đời tổ thứ 6 là Tuệ-năng. Xem trong Đàn-kinh nói có 1 vị đệ-tử muốn hỏi về cách mật thụ, thì Ngài sẽ định truyền cho ai ? Ngài có nhắc lại bốn câu kệ của tổ Đạt-ma đã kể trên và Ngài tỏ cho biết rằng : phép ấy từ nay đã phu diễn ra ngũ lục được rồi, ai có căn tu, chỉ cứ xem trong Đàn-kinh thì tự nhiên chứng ngộ, chứ không phải mật thụ riêng như trước nữa.

Nghiệm từ bấy giờ về sau, Trung-hoa tự nhiên hợp thành ra một giáo Thuyền-tông và lại biệt ra 5 phái là Vân-môn, Pháp-nhơn, Tào-động, Lâm-tế và Võ-ngưỡng, truyền rộng ra các nước theo giáo đại-thừa cho đến ngày nay, ai cũng công nhận là 5 phái ấy đều cùng một gốc thuộc giáo Thuyền-tông. Ấy chính cái nghĩa 1 hoa 5 cánh mà tự nhiên kết ra thành quả đó. Lại xem trong năm phái ấy sản xuất vô số những bộ ngữ-lục không sao kể siết. (Nước Việt-nam ta cũng có bộ Thuyền-uyển-tập-anh ở Đuốc-tuệ đương in cái tên là Việt-nam-thuyền-tông-thế hệ) ấy đều là những giáo-lý rất tinh-vị trong tư-tưởng-giới ở Phật-học. Duy ở Trung-hoa sinh ra làm căn-bản cho Phật-học Á-đông, mà Phật-học Á-đông sở dĩ gọi là Phật-học đặc-sắc hơn cả Phật-học các xứ kia, cũng nhất là khoa Thuyền-học của giáo Thuyền-tông này vậy.

Ngoài Thuyền-tông lại còn 9 tông nữa, cũng đều suy diễn ra rất nhiều chú sớ, rõ ràng sáng tỏ như sao băng, thì biết Hán-tăng của Á-đông ta, thật là đã từng chọn lọc thầy những tinh-hoa của các tạng kia, mà lại riêng có những môn vi diệu thứ nhất của Phật-đà vậy. Quý hóa

lắm thay.

Bên nước Anh từ khi sưu tầm được 3 tạng (của Tích-lan, Népal và Tây-tạng) trên kia, tưởng thế đã là mãn-túc, sau thấy các nhà giáo-sĩ của giáo gia-tô sang ở Hồng-kông, có làm nhiều những sách luận về Phật-giáo Trung-hoa, bấy giờ mới tỉnh mộng hồn mà tỏ tình khát vọng. năm 2898 (1881) gửi thư sang yêu thỉnh với Trung-hoa, nhưng pháp chính khó mà được gặp (*Chính pháp nan văn*). Chính-phủ Tàu lấy làm ngoại-giao cách trở không thuận lời cầu, mãi đến khi Tàu muốn biến-pháp duy tân, sai sứ đi kết liên với các nước Âu-châu, nước Anh lại thừa cơ yêu thỉnh, chính-phủ Tàu bấy giờ mới tặng cho toàn tạng Hán-văn, từ đó đảo-quốc Âu-châu mới thừa lĩnh được một tạng kinh cốt tử, liền cùng vui mừng khôn xiết, đăng tin báo cáo, khắp thỉnh các bậc Anh-Hán kiêm - thông ra công phiên dịch, bắt đầu có ông Nam-diêu văn-hung (người Nhật-bản) dịch hộ cho một quyển Mục-lục và một quyển Tham chiến chí nguyên-pháp-bảo đồng-lục, chép cả các thời kỳ dịch kinh và phụ thêm cả Thích-gia-liệt-truyện, sau rồi các bậc kiêm-thông, đồng tâm biên dịch, hoặc người bản-quốc, hoặc người ngoại quốc, thành tâm vì đạo, phiên dịch ra chữ Anh từ trước hồi Âu-chiến (năm 1914-1918) đã thành được những bộ kể sau này :

1. Kim-cương chân luận.
2. Pháp-hoa kinh.
3. Bát-thiên-tụng Bát-nhã kinh.
4. Đại-Trang-nghiêm kinh.
5. Phạm-võng kinh.
6. Quán-vô-lượng-thọ kinh.
7. Đại-vô-lượng-thọ kinh (tức kinh Đại-A Di-đà).
8. Mã-minh Phật-sở-hành tán.
9. A-di-đà kinh.
10. Tâm kinh.

11. Tòn-thắng la-ni.
12. Duy-ma-cật kinh.
13. Khởi-tin luận.
14. Bản-sinh-man kinh.
15. Du-già luận bồ-tát-địa.

Còn các sách khác của các cao-tăng nước Tàu, như Phật-quốc ký của cụ Pháp-hiền, Tây-vực-ký của cụ Huyền-trang. Ký-quy-truyện của cụ Nghĩa-tĩnh, và những sách hành-ký của các cụ Huệ-sinh và Tống-vân, bên nước Anh đều đã dịch cả rồi, lại còn làm ra các sách; chú, sớ, giải, thích, khảo chứng nữa, về phần chức tác ấy nhất là bộ địa-dư và lịch-sử Ấn-độ của ông Cung-ninh-hạn làm ra, có giá trị lắm, hiện nay người Anh lấy là m quý báu.

5. Kinh điển của Tây-vực

Tây-vực là một xứ khắp miền Trung-á và Tây-á, theo về sử học của Tàu, nói cho gọn thì là Tây-vực, xem về địa-dư học gồm các sách đông, tây, thì Tây-vực là một xứ nhiều nước nhỏ, vị trí ở về phía tây nước Tàu, cho đến giáp giới Âu-châu và Arabie xưa gọi là Khang-cư và An-tức (nay Berse), Ca-thấp - di-la, hoặc Ký-tân (nay Afghanistan), Cao-xương (nay Tân-cương), Kiện-đà-la (nay Béloutchistan) Sớ-lặc, Vu-diễn, Đại-nhục-chi và Quy-tur (nay là Tây-vực thuộc nước Nga).

Nguyên-xứ này tuy không phải là nguồn tâm của Phật-học, nhưng cũng là bề giác thứ hai của Phật-giáo ngày xưa. Phụng giáo từ đời vua A-đục truyền sang, nên đã lắm phen Phật-giáo thịnh hành, có nhiều cao-tăng: như cụ Cưu-ma-la-thập và cụ Phật-đồ-chùng vào Tàu truyền bá, và dịch ra chữ Hán cho Tàu, mà làm nên thái-đầu cho tăng-lữ Trung-hoa vô-số, và các tăng nước Tàu: như cụ Pháp-hiền và cụ Huyền-trang, khi

sang Ấn-độ, cũng sang cả các xứ ấy, thâu thái kinh văn đưa về nước mà tô nên gấm vóc cho giang san Trung-quốc cũng nhiều. Vậy biết những kinh điển Phật của Tây-vực ngày xưa, phần thịnh bằng nhường nào ?

Từ năm Phật lịch 1649 (tây-lịch 622) ở bên nước Arabie, đất bằng nổi sóng, tức là Hồi-giáo nổi lên, chuyên lấy binh-lực tuyên truyền, mấy trăm năm sau, xứ Tây - vực, ngoài bị Hồi - Hồi xâm lược, trong thì Hỏa-giáo phục hưng, các dân tộc ấy nhân nại lâu trầy, thứ đệ thay hồn đổi xác, mặc cho chúng hồn ma, xác quỷ, can dỡ tung hoành, thì dầu chùa tháp nguy nga, quy mô hùng vĩ cũng mặc dầu hương lạnh cỏ hoang, thế mà cổ kinh tàn khuyết, cũng chỉ vì thổ dân ngu muội, không hay tồn cổ đó thôi, chứ thần hỏa không dám bén gần, quân Hồi chẳng sao phạm đến.

Vậy gần đây các nhà khảo cổ Âu-châu, nhất là người Anh giàu lòng sốt sắng, sang bên Tây-vực tìm được vô số chân kinh, nay ở Luân-đôn (Londre), nào chữ Hồi-hột, nào chữ Khư-lư và chữ Cổ-phạm, về số tìm được ở xứ Tây-vực, cũng đã là nhiều kể ra không siết, nay hãy xin lược kể sau này :

Năm Phật - lịch 2918 (1891) ông Ba-Au khi đi sang Tây-tạng, đường qua đất Khố-xa (Tây-vực), bỗng nhặt được một bộ kinh chữ Phạm chép vào Hoa-bì, xem kỹ mới biết là quyển kinh « Khổng-tước-vương » thuộc về mật-bộ, có dạy cả phép làm thuốc, phép trị chủ và phép khám nghiệm, (nước Tàu chưa có). Chữ là lối chữ viết tối cổ ở thế-giới, đó tuy không phải có chi sưu tầm, tinh cò mà được, nhưng cũng vì đó mà người Âu mới biết là Tây vực vẫn còn sót nhiều kinh cổ, mà sô sang, cố sức truy tầm, thì ông Ba-Oa nước Anh tức là cái cò đầu đi kiếm kinh của Tây-vực vậy.

Sau có ông Mã-dại-đồ nhậm chức Đại-biểu dân Anh ở đất Bách-thập-rát-nhĩ (thuộc nga) ông đồng chí với người Nga, chăm tìm khắp khu Trung-ả, trong 3, 4

năm, được vô số những bản kinh cổ, tuy có quyền đã nát, nhưng đưa về Anh-quốc, cũng có công về việc khảo cổ được nhiều, học giới Âu-châu thấy đều động lòng cảm mộ, bấy giờ các nước Pháp, Nga và Đức, cũng lắm người có sức sưu tầm (nước Pháp có người tìm được toàn bộ kinh Pháp-cú bằng chữ Khur-lư chép vào Hoa-bì) nhưng vẫn nhất là người Anh, trong số ấy, có một ông tên là Tí-đan-anh (khảo cổ học đại gia) năm 2926 (1899) ông khởi từ Ấn-độ đi sang đất Vu-diền (Tây-vực) hơn một năm dờng giã, đi bộ thăm dò xem xét hình thế, rồi khởi đại công trình đào tìm cổ-vật, lấy được vô số kinh Phật, tranh Phật đồ dùng, nhạc khí và tiền cổ nhất để đồng cao như núi, đưa về nước Anh (những kinh của ông này tìm được sẽ kể như sau :

Lại một ông nữa tên là Cồ-lưu-đặc (ông này là người đức, đáng lý lịch sử Anh không phải chép, nhưng về đạo Phật, ông rất có công, và những kinh của ông tìm được, vẫn liên lạc với kinh của ông Tí-đan-anh, tưởng nên phụ-lục cho tiện). « Ông đi du lịch nhiều nơi ở Tây-vực, một lối từ Cao-xương (tỉnh Tân-cương Tàu) đến Bá-lâm (Berlin, thủ phủ Đức), ông đi lại nhiều lần, năm 2933 (1906) ông đến Cao-xương đào tìm cổ vật, cũng được nhiều kinh Phật, tượng Phật và tranh Phật, chẳng kém gì ở đất Vu-diền (có một bức tranh rất quý số là : chính giữa có một vị sư ngồi tòa sư-tử (hoặc là Phật chăng ?) ra dáng thuyết pháp, các sư khác đứng xung quanh, tay cầm kinh sách, ra dáng lắng nghe, xem kỹ hình dong, có 4 giống người khác nhau . 1. người mắt xanh, 2. người da đen, 3. người da đỏ sạm, 4. người da trắng tinh (hoặc 4 giống người ở Ấn-độ chăng ?)

Hợp cả những kinh đào được ở hai nơi trên như sau này:

1. Tiểu thặng

Giáp) Trường a hàm :

1. A chuân na tri.

- | | |
|----------------------|---------------------------|
| 2. Đại hợp tập kinh. | 3. Tùy tăng tôn giả kinh. |
| Ất) Trung a hàm : | 1. Ưu bà li kinh. |
| Bính) Tập a hàm : | 1. Ngoạt du kinh, |
| 2. Từ tâm kinh. | 3. Tân-tuế kinh (tức |
- kinh năm mới đã in ở Đuốc-tuệ).
- Đinh) Tiểu bộ kinh tạng. 1. Pháp cú kinh (không đủ)
- Canh) Luật bộ (không đủ).

2. Đại tạng

- Giáp) Bát-nhã bộ.
- | | |
|----------------------|-------------------------|
| 1. Đại-phẩm bát nhã. | 2. Kim-cương bát nhã. |
| Ất) Phương-quảng bộ | 1. Chúng dịch. |
| 2. Đại Niết-bàn. | 3. Thành dụ. |
| 4. Anh-vũ-tướng-giả. | 5. Kim quang minh |
| 6. Pháp hoa kinh. | 7. Nhập Phật cảnh giới. |

(2 kinh 6 và 7 cùng không đủ)

- Bính) Đại-bảo-tích bộ ;
- | | |
|----------------------|--------------------|
| 1. Nguyệt-tạng phận. | 2. Bảo tràng phận. |
| 3. Nhật-tạng phận. | 4. Hiền-bộ phận. |

- Đinh) Bí mật bộ.
- | | |
|--------------------------|--------------------------|
| 1. Vô-lượng môn-đà-la-ni | 2. Đại-hạch tán-cái chú. |
|--------------------------|--------------------------|
- Canh) Tán-ca bộ :
1. Ma-hí li thế-đà 150 bài kệ tán Phật.
 2. Ma-hí li-thế đà 100 bài kệ tán Phật.

Sau ông Ti-dan-anh lại sang Tây-vực lần nữa, « có công mài sắt có ngày nên kim », lần sau này, ông không phải đào mà được hiệu quả gấp mấy những nơi trên, số là ông tìm thấy động Thiên-Phật ở Đôn-hoàng vậy. năm 2935 (1908) ông đi du lịch tìm đến động ấy, ông vào ở chơi với một người giữ động sớm khuya trò truyện, mua được 29 hòm kinh, toàn những kinh cổ, kiểm soát còn đủ bộ cả, và có nhiều thứ chữ. Chữ Hán, chữ Phạm, chữ Hồi-hột và chữ Tạng, có bản chữ viết, có bản giấy in, có bản lá bối, có bản chữ thêu, cộng hơn 10000 quyển và lại có các lối tranh

vẽ rất là tinh xảo, thật là « của quý thế gian, dãi người ngoan thiên hạ ». Khi về Luân-đôn được tiếng ngợi khen, vang lừng thế giới, người các nước nghe tin, cũng đều đổ xô sang đây mua kinh nhiều lắm. Sau người Pháp tuy cũng mua được nhiều, nhưng chỉ được tới 9000 quyển thôi, thế thì phần nhiều nhất, vẫn là nhất ở nước Anh này.

Kết luận

Cứ như mục ở trên thì biết hiện nay Hoàn cầu gồm có 5 tạng chân-kinh, mà nước Đại-anh thu tàng được cả, tức cái cơ Phật-hóa đại-đồng đã hiện ra như năm núi Tu-di to cao dựng dờ ở chốn Anh-luân kia để cho Thích-tử 5 châu quay đầu chiêm ngưỡng như trên tôi đã nói vậy.

Việt-nam ta 2000 năm đượm nhuần cam-lộ, mà xem khi thời buổi phối thai, các bậc cao tăng ngoại-quốc đưa vào truyền bá cho dân ta, chẳng chỉ các tăng Trung-quốc, giãn các tăng Thiên-trúc và Tây-vực đến ta truyền giáo cũng nhiều, nhưng đều đã từng truyền bá ở Trung-quốc trước, rồi mới sang ta, những giáo pháp đem sang, toàn là kinh đã dịch ra Hán-văn tất cả, và các tăng nước ta đi du học ngoại quốc thấu thái Phật-thừa cũng chẳng ngoại phạm vi Trung-quốc. cho đến thời kỳ dân thịnh, lịch triều sai sứ đi thỉnh kinh-văn-cũng chỉ thỉnh những kinh chữ Hán, (Lê Ngọa-triều thỉnh được Đại-tạng. Lý Thái-tổ thỉnh được cả tam-Tạng). Trong quãng đời Lý, đời Trần, chính là thịnh nhất, cũng toàn là ảnh-hưởng của Trung-hoa cả. Ngoài Hán-tạng ra còn có ai biết đâu là phạm-tạng, tây-vực-tạng và tạng nào khác nữa.

Gần nay Âu-Á thông đồng, văn minh tinh tiến, vô luận học thuật của thế-gian, thấy phải dung hòa cùng vạn-quốc, ngay chính một môn giác-học của Phật-đà ta này, không thể riêng chịu một ảnh hưởng của Tàu mà đã lưu thông cùng Hoàn-hải được.

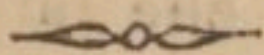
Mới đây 2 hội Phật-giáo Phật-học Trung-bắc lưỡng-kỳ đã cử 2 vị học sinh « Tri-hải và Mật-thể » cùng sang tham học Trung-hoa, hợp thời lắm thay, mong rằng : « 2 hội sẽ lại cử các học sinh sang Xiêm, sang Ấn-độ rồi dần sang thẳng tới nước Đại-Anh để mà khảo cứu lấy 5 kho Phật-học, đưa về mà truyền bá khắp 3 kỳ, cho 20 triệu tiên-rồng cùng với doanh hoàn mà cùng đượm gió nhận mưa pháp vậy.

Phượng-sơn
Nguyễn-thiện-Chính



Nhà Phật-học nước Mỹ nói về đạo Phật Trung quốc

Bác-sĩ SAUNDERS



Bài này nguyên-văn chữ tây của một nhà Phật-học bên Mỹ là Bác-sĩ Saunders (Tuyên-đạt-nhĩ-ti) làm ra, Ông Thuận-dức Lý-siêu-Nhất người Tàu dịch ra chữ Nho.

Bác sĩ Saunders từng làm chức Giảng-sư về khoa tông-giáo chuyên-môn, trường Đại-học Ca-nhĩ-phúc-ni-á nước Mỹ. Bác-sĩ nghiên-cứu về Phật-học đã dư 19 năm, từng tham-dự vào Hội nghiên-cứu Tông-giáo Ấn-độ. Bác-sĩ với nhà Phật-học có tiếng ở Nga là Ưc - điển - bảo (Oldenberg) cùng làm chung việc nghiên cứu và cùng du lịch cõi Đông Á. Bác-sĩ đi từ Tích-lan đến Nhật-bản, qua thăm cả các nơi danh thắng. Có thân đến khảo sát cả phái Hoàng-giáo ở Tây tạng.

Bác-sĩ thường tôn thờ nhà học - giả Tích - lan là Wagiswara làm thầy và kết bạn thân với nhà Phật-học Nhật-bản là Bác sĩ Tỉ-kỳ chính - trị (M. Anesaki). Bác sĩ có làm được vài thứ sách về Phật-học. Bộ sách « **Các thời đại về Phật giáo sử** — Epochsin Buddhist History do trường Thi-gia-cốc Đại học nước Mỹ xuất bản năm 1924, trong sách nói về những trạng, hướng phát - đạt của các thời - đại Phật-giáo Thuật đủ từ Ấn-độ, Diến-điện, Siêm-la, Trung-quốc cho đến Cao - ly, Nhật-bản, Tây-tạng và Ny-bạc-nhĩ. Mỗi xứ đứng về một thiên. Bài này là thiên nói về Phật-giáo Trung-quốc.

Trong nguyên thư, bài tự tự, ông nói 12 năm nay, ông nghiên cứu về Phật-học, có sở đắc mấy điều quan niệm như sau này.

1 — Cái cơ sở về tư tưởng thuộc học - lý của họ Cồ-đàm lập nên, thực thiết dụng cho đời này. Và họ Cồ-đàm lập ra « **Thuyết nhân duyên** » và cái quan-niệm « **vũ trụ thống nhất** », những lý thuyết lập luận ấy, nếu không phải do. Người tự sáng-lập nên, thì Người cũng là có công phát minh ra. Đó thực là một thành công rất lớn trên lịch sử tư-tưởng của nhân-loại.

2 — Phán đoán về sự chế tài của vũ-trụ, họ Cồ-đàm lấy đức-tính làm chốn quy-y và luận về cái lẽ nhân quả nghiệp báo thiện ác không sai, lại càng đáng quý lắm.

3 — Những lý-luận về tâm-lý ở đời này, đều như là những nghĩa đã dự nghĩ ra từ hơn 2000 năm trước, đó lại càng khiến cho người ta phải kính-bội lắm và càng phải lưu-tâm nghiên-cứu một cách rất thâm thiết.

4 — Những cái thế - lực của lời nói việc làm của họ Cồ-đàm đến nay vẫn chưa suy kém, vẫn còn đủ cung cho sự yêu - cầu mật - thiết của người Á-châu.

5 — Trong Phật-giáo tuy có những điều tạp nhạp của người đời sau thêm vào và những thói bại - hoại của lúc suy-vi, nhưng vẫn còn nhiều giáo - nghĩa đủ dạy bảo cho người Tây-dương.

Coi mấy điều Bác-sĩ Saunders rãi bày trên ấy, ta biết ông đã thâm phục và thấu hiểu Phật pháp lắm. Tuy trong bài này, Bác sĩ luận về Phật pháp bên Tàu có vài chỗ người Tàu chưa chịu là thiết đáng cả. Song lấy cái tâm lý một người Mỹ quan sát về tông giáo Trung-quốc như thế, kể con mắt cũng đã là sáng xuất lắm, đáng giúp cho sự Phật-học của ta nhiều. Ấy cái ý kiến của ông Lý siêu Nhất cũng vì thế mà dịch bài này ra nho, chúng tôi cũng vì ý kiến giống như thế mà dịch lại ra quốc-văn để cung các ngài đang cần nghiên cứu về Phật-học ngày nay.

Thuật đến đây chúng tôi không khỏi ân hận và hổ thẹn thay cho nền học thuật Việt-nam, cũng đồng thời thái Phật học với Tàu, mấy nghìn năm truyền thụ như sách **Thiền uyển tập anh** đã nói các vị cổ đức tâm đắc và diễn giáo về Tiên tông thực không còn thẹn với các cổ đức Trung-quốc, Nhật bản. Có đôi lúc Trung-quốc còn phải cầu đến Phật pháp của nước này, sử còn ghi đó. Thế mà ngày nay không còn một chút dấu vết công phu học vấn gì đáng cho học giả Thái tây cầu Phật-pháp đếm sĩa và vạ để ý đến. Đó cũng là bởi cái cơ người mình hay cầu thả không biết trân trọng bảo tồn mà cũng bởi cả cái cơ nước nhỏ bị Tàu hay tràn-lấn. Tức như lúc nhà Minh sang xâm chiếm, thu cả sách vở nhà Nho nhà Phật của người mình trước tác ra, nên chỉ đến cả văn hóa ta cũng không giữ lại được Tiếc thay.

I. — Sự tiếp súc của tam giáo

Đương cái khi họ Cồ-đàm (Gotama) thuyết pháp ở bờ cõi sông Hằng-hà, thì ở nước Chấn-đán cổ quốc này cũng có hai nhà hiền-triết là họ Khổng và họ Lão cũng đem giáo lý của mình phụ vào với cái chủ-nghĩa tự nhiên của đời xưa lưu truyền lại mà tuyên dương ra cho đời.

Vì như cách tiếp cây kia, cái gốc cây tông-giáo Trung-quốc vừa mới chấn chỉnh lại xong thì gặp ngay cái cảnh

mới tông-giáo của các nước Thiên-trúc cũng vừa mới biến đổi chủ nghĩa tiểu-thặng độc thiện ra làm chủ-nghĩa đại-thặng kiêm thiện. Cảnh mới ấy đưa sang Trung-quốc cùng với gốc cũ mà tiếp thành ra cái cây mới. Vì thế trong lịch-sử Phật-giáo ở Trung-quốc còn để lại nhiều cái dấu vết thú vị lắm. Nay tóm lại lược chia ra mấy thời kỳ như sau này :

a) Trước Tây lịch 6 thế-kỷ (vào thời các vua Linh-vương, Cảnh-vương và Kinh-vương nhà Châu Trung-quốc ở Thiên-trúc, có đức Thích-ca, ở Trung-quốc có đức Khổng-tử, cách lập giáo hai nhà khác nhau mà chỗ căn bản đạo đức có nhiều điểm giống nhau. Lại đức Thích-ca ở Thiên-trúc với đức Lão-tử ở Trung-quốc đều đưa người ta lên con đường giác ngộ cả. Họ Thích gọi là « **Đạt ma pháp** », họ Lão gọi là « **Đạo** », cùng đời có cái tính cách thần bí cả.

b) Từ đấy về sau, giáo lý hai phương, ngày càng phát đạt. Bên nào cũng đều đem tính tình điều hòa thêm vào trong sự tín ngưỡng vốn có của mình, khiến cho tư tưởng của loài người ngày càng tiến tới và thích hợp. Trong cái chỗ thúc dục người đời về đức hạnh đều có thêm đôi cái vẻ đẹp để về thần bí.

c) Từ trước Tây-lịch hai thế-kỷ đến sau Tây-lịch hai thế-kỷ trong khoảng 400 năm, cái cảnh giáo-lý mới của hai bên tiếp với cái gốc tín-ngưỡng đời thượng cổ của Tàu mà hóa dần thành một cây.

d) Từ đó cái cảnh mới của Thiên-trúc với cái gốc cũ của Trung-quốc, thành cái cơ tiếp hợp rồi cùng giảng hòa lẫn với nhau.

Trong mấy thời-kỳ ấy, giáo nghĩa hai bên điều hợp với nhau phải qua một quãng đời lâu lắm. Như trên ấy ví với cách tiếp cây cũng còn là giản dị. Phải ví với cái **hoa thụ thai của giống hoa khác** thì mới đúng hơn. Câu ví sau đó là đủ lược thấy những dấu vết lịch-sử

Phật-giáo truyền vào Trung-quốc vậy.

Sự hòa hợp của Tam-giáo như trên đã nói, cho nên đến thế-kỷ thứ 6 (hồi Nam, Bắc triều) trong bi ký Phật, giáo đã thấy chép đến những Nho, Đạo và thần linh theo vào với Phật Bấy giờ có ông « *Phó-Hấp* » (Phó Đại-sĩ), đầu đội mũ màu vàng, mình mặc áo cà-sa, chân đi ủng nhà Nho vào dự tiếp nhà vua. (Tức Lương Võ-đế). Cứ ngẫm xem bộ pháp phục giày mũ ấy đủ thấy cái biểu hiệu Tam-giáo tín ngưỡng.

Cái cách biết nghiên cứu mà so sánh tông giáo như thế, người Tây dương chúng ta còn trậm hơn người Đông-phương đến gần 2000 năm,, nói ra thêm buồn. Đến thế kỷ thứ 9 (Khoảng Đức tông Triều-tông nhà Đường), ông « *Khuê-phong Mật-tông* » lại làm ra sách « *Hoa nghiêm nguyên nhân luận* » phê bình về Tam-giáo mà có đôi điều hòa hợp. Nay nếu ta đem Tam giáo ấy mà hỏi người Trung-quốc theo bên nào bỏ bên nào, thì thường người ta không giả lời rằng chủ về một bên. Phải biết cái chỗ kiến thức ấy không phải là người ta vốn không có kén trợn gì mà nói hàm hồ đâu. Vì rằng đời đến bây giờ cũng vẫn không có thể căn cứ vào luân lý nhà Nho mà trừ bỏ cái tông-giáo có triết lý của nhà Phật được. Còn như nhà Đạo thì lại càng có duyên tương hợp với nhà Phật.

III. — Hồi Phật-giáo mới truyền vào nước Tàu

Muốn biết Phật giáo truyền vào nước Tàu mới từ lúc nào, chỗ nào thì vẫn không tìm được chứng cứ gì là đích xác. Nay tra ở một chỗ ghi chép trước nhất (sách kinh lục của Chu sĩ Hành) thì nói trước Tây lịch năm thứ 217 (Tức năm Tần Thủy hoàng thứ 30), có một họn 18 thầy xa môn người Tây vực là Thích Ly phòng bắt đầu đem kinh Phật vào đất Hàm dương. Ý giả bấy giờ đã có đường ở Tàu sang Tây vực cho nên bọn lái buôn nhân

vận tải hàng hóa mà kiêm thu thái cả văn hóa thì cũng có lẽ.

Đến khi nhà Hán nổi lên, có lẽ lại muốn nhờ Phật giáo để giúp cho ngôi vua bền vững, bởi vậy trước tây lịch năm 60 (tức là năm Vĩnh bình thứ ba Hán Minh đế) Vua Minh đế đêm nằm mộng thấy một người bằng vàng, trên đầu hào quang sáng trắng, bay vào sân đền nhà vua. Đời gọi là cái điềm « **mộng phật** ». Nhưng nay xét ra thì cái mộng ấy không phải bỗng dưng mà có, trước khi Minh đế chưa nằm thấy mộng ấy, trong lòng nhà vua đã có cái tưởng tượng ấy rồi, nghĩa là lúc ấy hoặc đã có tượng Phật kinh Phật lưu hành vào Trung quốc rồi. Không thì mới thoát nằm mộng thấy người bằng vàng một lần sao đã biết người bằng vàng ấy là Phật. Phương chi trước tây lịch năm 121 (tức là năm Nguyên phù thứ hai Hán Vũ đế) đội quân viễn chinh sang đánh Tây vực đã lấy được một pho tượng người bằng vàng đưa về. Việc ấy còn chép ở trong sử sách (tức là sách Thích Lão chỉ đời Ngụy). Vậy thì cái mộng ấy đích không phải là không có duyên cớ.

Minh-đế đã cảm vì mộng-triệu như thế, bèn sai 18 người đi sang phương tây để rước đạo Phật về. Bọn sư giả ấy gặp được ông Ca-diếp Ma-dăng (Kasyapa Matanga) và ông Chúc pháp lan (Gobharana) ở nước Vu diên (Khotan) đưa về Tàu, đó là việc sau Tây lịch năm 65 (tức là năm Vĩnh bình thứ 8 đời Minh đế).

Hai nhà sư sang Tàu chuyến này, có hiệu quả tốt lắm cho Phật-giáo. Chắc là lúc hai nhà sư này chưa đến đất Tàu thì ở đây đã có cái cơ duyên có thể truyền bá đạo Phật được rồi mà nó đưa đường cho hai nhà sư chẳng.

Hai nhà sư ấy đều là người Trung Thiên chúc đi sang Tàu, đến năm Tây lịch 67 mới đến đất Lạc dương Năm Vĩnh bình thứ 10. Cuốn sách nhỏ mà hai nhà sư ấy bắt đầu dịch ra và còn lưu truyền đến nay là một thứ sách chuyên dạy đồ đệ về đức hạnh. Cho nên bấy giờ

Hai nhà Nho và Lão thấy sách ấy mà vẫn không lấy làm một thứ sách lạ đời đang kinh hãi (kinh **Tứ thập nhị chương**). Song sách ấy chính là kinh điển của cả phái Đại-thặng, tiểu thặng trong Phật-giáo đều tuân theo vậy.

Lạc dương là đất danh đô tự cổ, nhà Đông Hán khôi phục được nghiệp xưa bèn thiên đô đóng ở đất ấy. Đất ấy lại là nơi trung tâm điểm về văn hóa. Hai vị tăng ấy đến ở đất Lạc dương, được chơi bời đi lại với các nhà danh sĩ và được nhà vua tôn quý. Thì sau khi trải bước phong trần, đường trường vất vả, nay cắm gậy tầm sách lại một nơi danh đô, được thưởng thức những cảnh hồ sơn sinh đẹp ấy, tưởng hai vị tăng cũng đủ phụ lòng.

Từ đó hai nhà sư yên tâm chuyên việc dịch thuật. Cuốn sách dịch ra buổi ban đầu thích hợp với tâm lý người Tàu, thì biết hai ông đã phí nhiều khổ tâm lắm. Sách ấy hiện nay học giả vẫn còn lấy làm quý báu. Tức là Kinh Tứ thập nhị chương đó.

Theo lời tương truyền trong sách cổ, nói rằng về những giáo nghĩa cao thâm trong đạo Phật, hai vị cố sức nén bỏ lại không muốn diễn dịch ra nhiều. Chỉ cầu cho quyền kinh ấy được lưu thông cho đời ấy là hai vị đủ mãn nguyện mà thôi. Xem quyền kinh ấy dường như trích lấy một đoạn ở trong bộ kinh lớn nào để ứng phó cho sự yêu cầu cần thiết của kẻ hỏi đạo mà thôi. Cách dịch theo thể tài sách Nho mà dụng công khéo lắm, tức là cứ đầu mỗi chương lại đặt hai chữ « *Phật ngôn* » Phật nói rằng: lên trên đó là bắt chước cái lệ « *lữ viết* » Thánh nói rằng: của sách Luận ngữ vậy. Còn như cái học luận biện trong Phật giáo thì đều chưa dịch thuật ra được một lời nào cả.

III — Kinh Tứ thập nhị chương

Kinh này khởi đầu nói về cái duyên do hóa độ của Đức Thích ca. Rồi nói đến 250 giới của bậc « *xa-môn* » 4 thánh quả của bậc « *Thanh-văn* » và 10 điều thiện

của chúng sinh. Sau nói đến đức từ nhân, hơi giống với nghĩa của đạo gia. Sau nữa nói : kẻ ác làm hại người hiền đức cũng như kẻ ngửa mặt nhổ bọt lên trời, bọt chưa lên đến trời thì đã rơi xuống mình ngay ». Sau nữa nói cách khó khăn của sự học đạo, một phải tịnh tâm giữ chí mới có thể hiểu được đạo chính. Sau nữa nói : Nhân nhục có nhiều sức mạnh. Diệt hết được cái cấu nhiễm trong tâm cho sạch sẽ không chút nhơ bần gì, thì tự được sáng láng ra. Sau nữa nói : Người ta chỉ vì ái (yêu) với dục (muốn) nó làm lộn bậy trong tâm khiến cho tâm vẫn dục lên mà không thấy được đạo, vậy phải xa ái với dục kia đi. Lại sau nữa nói : Người ta bị giam cầm vì vợ con cửa nhà lại còn tệ hơn là bị giam cầm ở trong lao ngục. Dầu có cái nạn trước miệng hùm thì lòng kẻ bị giam kia cũng cam chịu lấy. Cho nên gọi là kẻ phạm phu.

Thuyết « gia ngục » này vốn chỉ là lời nói thường về nghĩa xuất thế của đạo Phật. Kinh này đã lựa dịch và dịch một cách giữ gìn cẩn thận như thế mà vẫn không khỏi biểu lộ cái nghĩa gia ngục ấy ra trong lời nói. Cứ như thế mà đem truyền bá ra ở nước Tàu là một nơi đề xướng lên đạo hiếu thì bị phản đối lại cũng không lấy gì làm quái lạ. Cho nên về đoạn cuối kinh này dường như dịch giả định tránh khỏi lời phê bình về nghĩa trên ấy nên mới biểu yết thêm lên một cách sinh hoạt của một gia đình rất cao thượng mà rằng : Kẻ xa môn trông thấy nữ sắc phải tưởng ngay người già như mẹ mình, người lớn như chị mình, người nhỏ như em gái mình, người bé như con mình.

Lại sau nữa. nói : tâm thân phải giữ cho điều độ thích hợp như giây đàn vừa khoảng không giãng không trùng. Lại kiêm có mấy chương về thẻ văn vấn đáp đều bàn luận về chỗ thực tế đời người. Chỗ rất có nhiều hứng thú là . Phật hỏi một thầy xa môn rằng : « mệnh người ta bằng khoảng nào ? » Thầy xa môn ấy thưa : « Bằng khoảng vài

ngày » Phật nói : « Thế là thầy chưa hiểu đạo ». Phật lại hỏi một thầy xa-môn khác : « Mệnh người ta bằng khoảng nào ? » Thưa : « Bằng khoảng bữa cơm ». Phật nói : « Thế là thầy chưa hiểu đạo ». Phật lại hỏi một thầy xa-môn khác : « Mệnh người ta bằng khoảng thời gian nào ? » Thưa : « Bằng một khoảng thở ra hút vào ». Phật nói : « Thế là thầy hiểu đạo đó ».

Ý nghĩa trên ấy là cái luận điệu của Tiểu thừa Phật giáo. Nhưng xem những chỗ đề xướng trong kinh này thì chú trọng về Bồ tát đạo (Bodhisattva) hơn là A la hán đạo (Arhat). Cho nên trong kinh có mấy lời dường như muốn xô chuộng về phần giáo nghĩa cao hơn. Như Phật nói : « Kẻ nào tuy cách xa ta mấy nghìn dặm mà nghĩ nhớ đến giới hạnh của ta thì kẻ ấy tất đắc đạo. Còn kẻ nào tuy ở liền bên tả bên hữu ta thường trông thấy ta mà không theo giới hạnh của ta thì kẻ ấy trọn đời cũng không đắc đạo ». Ấy về sau Phật-giáo Trung-quốc do cách dạy dỗ kem kẹp đức hạnh mà xô chuộng về lối trì giới chân tu, là nhờ sức của những lời này trong kinh ấy.

Hai vị tăng Ca-diếp Ma-đăng và Chúc-Pháp-lan ở lại Lạc-dương chưa bao lâu thì đều tịch cả. Những khuôn phép tinh thành của hai vị thực đủ để dạy bảo cho đời sau. Hai vị ở chùa Bạch mã rồi sau các chùa đều bắt chước kiểu chùa ấy. Kinh **Tứ thập nhị chương** có lời nói rằng : « Kẻ làm việc đạo như con trâu kéo nặng đi giữa chỗ bùn sâu phải chuyên tâm nghĩ về đạo thì mới khỏi khổ được » Ôi cái tinh thần thành tâm dốc chí ấy, hai vị tăng này thực tự có dư. Người ta đáng đem mấy lời kinh ấy thay làm lời minh mà khắc ở bia mộ chỉ cho hai vị vậy.

VI — DỊCH KINH LÀM CHÙA NGÀY CÀNG THỊNH

Đạo Phật từ khi có hai thời kỳ truyền bá ở đất Lạc-dương, bắt đầu dịch kinh rồi công việc phiên dịch làm đến dằng dằng hơn 400 năm, đáng gọi là cái thời kỳ nguyên

thủy của Phật-giáo nước Tàu. Thời kỳ ấy các vị cao tăng ở xa đến lữ lượt, siêng năng cặm cùi để dạy dỗ cho giáo đồ nước Tàu mà gây dựng lấy cái tâm lý về Phật giáo, các ông cao tăng kia kể cũng khổ tâm nhiều lắm.

Song về đời nhà Hán bấy giờ đang sùng chuộng đạo Nho nên cũng có ngăn trở đôi chút. Về sau có ông *Mâu-tử* ở bên Nho theo sang bên Thích, ông có làm ra sách « **Lý-hoặc-Luận** » Ông đem cái biện tài nhanh nhẹn với cái trí thức hiểu thông cả Tam-giáo ra để hết sức bênh vực cho Đạo Phật. Ông nói: Nhà Đạo gia cầu cuộc tràng sinh mơ hồ thì không bằng nghĩa vô-sinh của đạo Phật. Luân lý nhà Nho chỉ tu về đời hiện thế thì cũng không có thể đủ giải thoát được. Chỉ có Phật pháp là vừa ứng hóa thế gian mà vừa có cái nghĩa giải-thoát ra ngoài thế gian, thế mới thỏa mãn được lòng nguyện vọng của người đời. Nói tóm lại, đạo Phật tuy là một đạo nhiệm-mầu, nghiêm ngặt, nhưng không phải là đạo trái với nghĩa lý. Điều đó là điều quyết đoán được.

Sự truyền bá đạo Phật hồi ấy về sau có phái chuyển ra lối tin thần dị như lối của Đạo-gia về đời sau vẫn làm tức như ông Phật đồ chùng (*Budhacinga*) vậy. Đồ đệ của ông Phật đồ chùng nhiều lắm, họ dựng được đến gần 900 gian chùa thờ Phật. Có ông Đạo an trong phái đồ đệ ấy là một nhà giỏi nhất trong Phật giáo về đời Tây lịch bốn thế kỷ (Tức là thời Tây-Tấn.)

— VII KINH PHÁP-HOA VÀ KINH VU-LAN-BỒN

Vào khoảng Tây-lịch năm 266 đến năm 313 (tức là năm Thái-thủy 20 đời Tấn Vũ-đế đến năm Kiến-hưng nguyên-niên Mậu-đế), có ông Chúc-pháp-hộ tức là ông Đàm-ma-la-sát (*Dharmaraksha*) từ nước Đôn-hoàng vào thành Lạc-dương, phiên dịch ra được nhiều kinh sách Phật lắm chữ danh nhất là bộ kinh **Chính Pháp hoa** (*Saddharma. pundarika Sutra*. Đến đời nhà Diêu tần, ông Cưu-ma-la-thập lại dịch lại bộ kinh này mà gọi

là **Diệu Pháp liên-hoa**, người đời bèn theo cả về bộ kinh dịch sau này), và bộ kinh **Vu lan-bồn** (Ullambana Sutra) cùng giúp một phần lớn vào việc truyền bá đạo Phật ở Tàu,

Kinh **Pháp-hoa** nói về đức Thích-ca hiển-hiện phép thần thông, tùy cơ đem phép phương tiện mà dạy bảo để cảm-hóa cho khắp chúng-sinh. Thực là một kinh phúc-âm yên-ủi lòng người nước Tàu. Kinh **Vu-lan-bồn** thì dạy người ta về cách thức đặt đàn Vu-lan-bồn tụng kinh cúng Phật để báo đền cái ơn của cha mẹ đời quá khứ nuôi nấng cù lao. Thực là vừa hợp với cái tâm lý thờ cúng tổ tiên của người Tàu. Kinh **Vu lan-bồn** này có một vị trí lớn trong đạo Phật. Nhờ có kinh này mà nhà Phật có thể cãi lại được với cái lời chê trách của nhà Nho cho rằng Phật-giáo coi khinh hiếu đạo. Và có thể giả lời ngay rằng : « **Đạo hiếu của Phật-giáo chúng tôi thực là hết lòng cả với sau khi cha mẹ đã chết rồi** ». Đến nay ở Tàu hằng năm người ta vẫn còn giữ thói xưa, chi tiêu về khoản đàn tràng ấy nhiều lắm. Mỗi khi mở hội Vu-lan, trong những nơi chùa to cảnh lớn, trên thì chur-tăng tụng kinh đọc kệ, dưới thì thiện tín lễ bái tấp nập xem rất hay.

Còn về phái Mật-tông và các phái khác, cũng có bày đàn cúng Chư Thiên là những vị giám hộ cho linh hồn, vị nào chức ấy. Mỗi năm có kỳ làm đàn siêu độ cho vong linh, đến kỳ ấy người ta làm lễ cẩn trọng lắm. Như lễ Phạm-tế ở Nhật - bản mà những khách Tây-phương sang du lịch thường thấy. Đó là ở những nước theo Phật-giáo người ta đem cái thuyết linh-hồn vốn có từ trước khi theo Phật-giáo mà pha lẫn vào trong nghĩa-lý Phật-giáo đã thành lệ quen như thế rồi.

Kinh **Vu lan bồn nói rằng**: « — Đức Đại mục kiện-liên (*Macha mogganana*) mới được phép lục thông. Người muốn cứu-độ cho cha mẹ để giả cái ơn bú mớm. Người liền lấy đạo nhơn xem xét cõi thế gian thì thấy bà vong

mẫu của Người bị sinh vào trong đạo Ngã-quỉ. Miếng ăn chưa kịp vào mồm đã hóa thành hòn than hồng, còn nhiều sự khổ như thế. Người liền bạch với Phật, Phật dạy: «Tội căn của mẹ ông nặng lắm, phải nhờ đến sức uy thần của thập - phương tăng - chúng mới giải thoát được. Nay ta phải dạy cho ông biết phép để mà cứu độ. Đến ngày rằm tháng 7 là ngày «tự tứ» của thập phương tăng chúng, ông phải xửa soạn cơm canh, hoa quả, các đồ ăn, một cái mâm bốn, rầu thơm, nến sáp, dường giải chiếu sạch, bày mọi thứ đồ ăn rất ngon lành vào trong cái mâm bốn ấy mà cúng dâng các đại đức tăng chúng. Như thế là phúc đức đầy rẫy. Nếu cha mẹ còn sống thì hưởng phúc đến trăm tuổi. Mà đến cha mẹ từ bây giờ đời trước cũng đều được sinh lên cõi Thiên »

Đó là lời giáo-huấn của Phật-giáo hồi ban đầu, kể làm con nếu làm lễ siêu độ cho cha mẹ được như thế thực thì còn việc gì cứ thương xót sông nũa làm chi.

VIII. -- Kinh hoa nghiêm

Những kinh sách phái Tịnh-độ và hai bộ kinh **Pháp-hoa**, **Vu-lan bốn** là tuyên dương về đạo Đại-thắng, tuy có được quần-chúng tín-ngưỡng, nhưng vẫn chưa làm rõ rệt được giáo-lý đạo Phật cho lắm. Bấy giờ có một bộ kinh **Hoa nghiêm** (Avatamsaka Sutra) đó. Bộ kinh này về hồi Tây lịch thế kỷ thứ 2 (đời Hán Hòa đế đến Hiến đế) đã lưu hành ở đời. Trong những sách của ông Long-thụ (Nagarjuna) làm ra, đã có chứng dẫn đến kinh này nhiều. Những giáo lý thâm túy trong các sách của Long thụ sở đắc ở kinh này không phải ít. Đến Tây-lịch thế kỷ thứ 4 (đời Tấn Huệ-đế đến Án-đế), ông Phật-đà-bạt-đà la (Buddhabhadra) mới dịch ra chữ Nho (đó là bộ Hoa-nghiêm dịch ở đời nhà Tấn chỉ có 34 phẩm, giáo-nghĩa chưa đủ. Đến-đời nhà Đường, ông Thực-xoa-nan-đà mới dịch lại toàn bộ 39 phẩm và lưu hành đến nay).

Kinh này chép rất nhiều những bài kệ tụng tán Đức

Phật Thích ca. Khi Phật mới thành chính-giác Ngài ở trong bồ-đề-tràng dùng thần lực của Phật làm cho nơi đạo tràng ấy trang nghiêm ra. Những hoa báu và ngọc ma ni đều phóng ra tia sáng. Bảy giờ Thế-tôn lên tòa sư-tử. Những sắc tướng vô cùng viên mãn quang minh của Ngài chiếu khắp ra, nơi nơi trong cõi pháp giới, một cách bình-đẳng không phân biệt gì. Ngài diễn thuyết hết thầy mọi phép như từng đám mây to kéo lên, ở đầu mỗi một cái lông đều dong được hết thầy mọi cõi thế giới mà không hề trở ngại. Đâu đấy đều hiện ra sức thần-thông vô lượng để giáo hóa và điều phục hết thầy mọi loài chúng sinh. Thân Ngài tới khắp mười phương mà không hề phải đi về; trí Ngài soi mọi sắc tướng mà thấu hết mọi pháp đều là không tịch. Có các **Bồ-tát** các **Tráp kim-cương thần** và các **Phiên thần**, các **Thiên-vương** khác, nhiều đều như cái số những vi trần ở mười phương thế-giới Phật, cùng vây quanh Phật. Cùng nhờ uy lực của Phật biết được phép giải thoát. Cùng đọc lời tụng ngợi khen rằng thân Phật đầy rẫy cả cõi pháp-giới, không hề cùng tận. Phật vốn tịch diệt không có tính, không thể thấy được. Chỉ vì cứu độ cho thế-gian mà Phật thị hiện ra đời. Ngài lấy ngọn đèn diệu-pháp mà soi sáng cho đời. Công đức của Như-lai không thể nghĩ ngợi được. Chúng sinh được trông thấy Phật là liền tiêu diệt hết phiền-não. Thân vô tướng của Phật tới khắp đâu đâu mà không hề đi lại. Như đã trông thấy Ngài trên tòa sư-tử trong hội này, mỗi một thế-giới trong cái số vi trần kia cũng đều trông thấy như vậy.

Bảy giờ các **BỒ TÁT** và hết thầy các *thế gian chủ* ra đọc lời tụng Phật đề hỏi pháp. Phật liền phóng tia sáng ở khe răng ra, chiếu suốt *cái bề thế giới mười phương (Thập-phương thế-giới hải)*, đọc lời tụng mà hội họp quần chúng lại.

Phật lại phóng tia sáng ở chỗ giữa hai lông mi ra làm cho mười phương tỏ rõ, **PHỔ HIỀN** (Samantabhadra)

BỒ TÁT tức thì vào ngồi quán phép « **TAM MUỘI** Samabhi » ngay trước mặt Phật. Thì, Chư Phật mười phương liền hiện ra trước nơi đó mà than khen và soa đầu ban trí tuệ. **PHỔ HIỀN BỒ TÁT** ở trong chỗ đang ngồi quán phép « **TAM MUỘI** » đứng dậy, nói ra những danh hiệu các thế giới và chư Phật ở trong cái bể hoa tạng thế giới (*Hoa-tạng thế-giới hải*). **BỒ TÁT** lại nói về bản hạnh của **TỈ-LU-GIÀ-LA** (Vairochana) Như lai bởi những nhân duyên tu hành từ khoáng kiếp.

Đó là hội cuộc lần thứ nhất trong kinh *Hoa nghiêm*. Toàn bộ kinh có 8 cuộc hội (Bộ kinh dịch ở đời Tấn thì có 7 xứ 8 cuộc hội và bộ kinh dịch ở đời Đường thì có 7 xứ 9 cuộc hội) Từ cuộc hội lần thứ hai trở đi, tuyên giảng về những pháp môn « thập tín », « thập trụ », « thập hạnh », « thập hồi hướng », « thập địa », « đẳng giác », « diệu giác », Đức Như-lai lần lượt phóng ra những ánh quang minh, mười phương đọc kệ xưng tán. Các Đại Bồ tát cũng nhờ thần lực của Phật cùng vào ngồi quán mọi phép tam muội.

Trong kinh này nói :

Hết thấy Chư-Phật đều có thể làm cho những cõi ở trong một mấy vi trần hiện rõ lên bằng với cái số những vi trần ở hết thấy các thế giới và đầy đủ mọi thứ trang nghiêm thượng diệu. Các Ngài hằng chuyển pháp luân màu nhiệm ở trong các cõi ấy để giáo hóa cho chúng sinh. Thế mà mấy vi trần vẫn không lớn ra, cõi thế giới vẫn không nhỏ lại.

Nhờ đó, chúng ta nhận thấy chỗ viên dung vô ngại của cõi pháp giới. Hết thấy mọi cái lọt vào một cái một cái lọt vào hết thấy cái. Một cái với nhiều cái trừa lẫn nhau, muôn vàn giống đều hợp nhau. Có chủ có bạn, cái này cái kia, đều sẵn đủ, đều dung nhau. Trong mỗi mỗi mây bụi đều hiện ra từng cõi thế giới trùng trùng vô tận như cái lưới Nhân đà - la (Indra) đế (vua). Đức Phật ở thế giới này tên là **THÍCH-CA MÂU-NI**. Hoặc là **TỔI-**

THẮNG, hoặc là ĐẠO-SU, và nhiều thứ danh hiệu kì ác nữa. Còn Đức Phật ở thế giới khác thì gọi tên là VÔ-THƯỢNG-TÔN, hoặc gọi là TRI-ĐẠO, hoặc gọi là THẾ - GIẢI - THOÁT, hoặc gọi là Chúng - khổ-hạnh, hoặc gọi là Nhất thiết trí, và nhiều thứ danh hiệu khác nữa. Đấng Giáo chủ ở trong pháp giới này, không những có cái ý nghĩa thông thường như các thế giới mà chính là chốn nguồn gốc của chúng sinh các thế giới. Hết thấy các chúng sinh, không chúng sinh nào mà không từ trong cõi pháp giới này chuyển ra, không chúng sinh nào mà không trở về cõi pháp giới này. Thực là thấu triệt cả nhân lẫn quả và bao la rộng lớn không sót tí gì. Đến như vạn vật trong thế giới đều bởi một tâm hiện ra. Hết thấy cái gì cũng như là huyền mà lại dong thông hết thấy. Nó vốn không có hình tướng nhất định. Nhỏ chẳng nhất định là nhỏ cho nên nhỏ trửa được lớn. Lớn chẳng nhất định là lớn cho nên lọt vào được nhỏ. Thế cho nên lớn hay nhỏ đều tùy ở tâm biến chuyển đi mà vào đâu cũng không trở ngại ».

Ấy nghĩa kinh Hoa nghiêm tóm lại là như thế :

Đ. N. T.

Vì sao mà hội « Phật-Giáo Bắc-kỳ » sáng lập ? Vì sao mà báo Đuộc-Tuệ ra đời ?

Loài người phải có ăn mới sống, cũng phải có tôn-giáo mới sống được hoàn toàn. Cái sinh-mệnh nhục-thể sống về ăn, mà cái sinh-mệnh tinh-thần về tôn-giáo.

Người ta với sự khổ vì lửa cơ đốt ruột thì cơm gạo có thể tắt được liền, với sự khổ vì giao lạnh cắt ra thì vải lụa có thể lành ngay hẳn, nhưng còn với sự khổ cứ bần khoản bứt rất thâu ngày suốt tháng về nỗi sống không mục-đích, chết không y qui thì trừ tôn-giáo ra còn có cái gì vỗ-về yên ủi được.

Ấy là nói riêng về từng người một ; lại đến cái chỗ người ta quần cư tụ xữ với nhau trong một xã-hội, một quốc-gia, tất phải cùng nhau thân ái, cùng nhau hòa thuận, cùng nhau giúp đỡ, có nhân nghĩa lễ tín đối đãi cùng nhau thì xã-hội mới khỏi tan-tành, quốc-gia mới khỏi rời-rã. Chính-trị pháp luật chỉ có thể ngăn cản điều ác của người ta ở nơi thanh-thiên bạch nhật, mà khó sao cấm chấp được ở nơi ám thất u phòng. Giáo-dục chỉ có thể đào luyện người ta về đường kỹ-thuật tài năng, mà khó sao hun đúc được về đường

tâm-tư đức-hạnh. Từ xưa đến nay, từ đông qua tây, đâu đâu cũng nhờ tôn-giáo mà người ta mới hạn chế được những điều tham dục, gìn giữ được những điều luân-lý, mới tổ-chức nên được cái quốc-gia, cái xã-hội có tình nghị, có kỷ-luật, có trật-tự, có sự yên-ổn vững bền.

Nếu thế giới loài người còn chưa đến được cái thời-kỳ dân-trí hết thảy khai thông, dân đức hết thảy cao-thượng, người ta còn chưa phải ai ai cũng đều là đại thánh đại-triết, ai ai cũng cứ đức y nhân như thánh Không-tử, cũng từ bi hỉ xả như phật Thích-ca thì còn phải cần tôn-giáo mãi.

Tôn-giáo đối với loài người quan-hệ như thế ; mà mỗi một dân-tộc thường lại có một tôn-giáo riêng. Hình như vì thủy thổ, vì khí hậu, vì sự biến thiên trên lịch-sử, cái tính tình phong tục của từng dân-tộc có cái chỗ đặc biệt với các dân-tộc khác nó ưa chịu một cái tôn-giáo nào thích hợp với nó hơn, thì khi có cái tôn-giáo ấy sáng lập ra hay truyền bá tới, người ta theo như nước chảy, cứ một ngày một bành-trướng một bền chặt thêm.

Có lẽ Phật-giáo chính là cái tôn-giáo thích hợp với dân-tộc mình, nên từ hơn một ngàn năm trước, chỉ có một vị cao-tăng Ấn-độ bước chân đến đất Bắc-kỳ mình, một vị nâu xồng lam-lũ, lưu-lạc tha-phương, chẳng phải có của tiền thế lực gì, duy có cái đạo pháp đem truyền bảo vào trong tai mắt mới lạ của một dân khác nước khác nơi mà có người theo, có người tin, rồi từ đấy về sau Phật-giáo lưu-hành trong xứ mình cứ càng ngày càng lan rộng. Cho đến các đời Đinh, Lê, Lý, Trần. Lê, Nguyễn, chùa-chiền khắp trong nước, táng-ni kẻ hàng muôn ; chẳng những dân thường, mà cả đến vua chúa vương hầu cũng nhiều người xuất gia đầu Phật ; chẳng những người vô học, mà cả đến danh-nhân kiệt-sĩ cũng nhiều người thế phát đi tu. Cứ xem chuyện Trúc-lâm Tam-tổ và những liệt truyện cao-

tăng trong quốc-sử mình, lại bất-kỳ đến nơi nào cũng thấy ngay có một cảnh chùa rộng rãi thanh-u cùng mấy ngôi tháp. nguy-nga đột ngột thì đủ biết Phật-giáo ở nước mình đã trải qua một thời-kỳ toàn thịnh và thật là phổ-cập ở chốn dân-gian.

Mà ngẫm lại, cái ảnh-hưởng Phật giáo trong nước mình quả sâu xa rộng lớn thật : Chính đương lúc đời Lý, đời Trần là lúc Phật-giáo đại thịnh thì văn-trị vô-công của mình lúc ấy cũng thật là hiển-hách, quốc-vận mình lúc ấy cũng thật là xương-long vững chãi, quốc-dân mình lúc ấy cũng thật là vui-vẻ thái-bình. Những bậc minh-quân lương tướng như vua Lý-thái-tổ, vua Trần-nhân-tôn, ông Tô-hiến-Thành, ông Trần-quốc-Tuấn v. v. đều là người có thâm đắc Phật-học cả. Cho nên luân-lý phong tục trong dân phần nhiều cũng gốc từ Phật-giáo mà gây dựng được nên, duy trì được vững. Những tiếng nghiệp-báo luân-hồi, thiện-ác nhân-quả luôn luôn ở cửa miệng ông già, bà lão, chị thợ cấy, anh trai cày. Thường thấy có kẻ đầu trộm đuôi cướp, gạt đầu lương thiện mà cũng còn biết hồi tâm hướng đạo, ăn hiền ở lành lại để mong chuộc cái tội ác đã chót phạm từ xưa. Thật cái công-dụng Phật-giáo đối với dân-tộc mình, quan hệ không phải là nhỏ vậy.

Chẳng may cho dân-tộc mình, tự Lê trở về sau, triều-đình đặt ra khoa cử để thủ-sĩ, chỉ chuyên - trọng về một mặt ký-tụng từ-chương. Những người thông-minh tài-tuấn muốn chiếm được một địa vị cao sang trong xã-hội, đều phải vùi đầu cắm cổ vào con đường cử, nghiệp chẳng ai còn có thì giờ tâm lực lý-hội đến cái giáo-lý tinh-diệu mà những thánh-quân, hiền-thần, danh-nhân kiệt-sĩ mình đời trước đã xiển-phát tuyên-dương ; ngọn đuốc-tuệ của đức Như-Lai không thấy chói rọi ở góc trời Nam như trước nữa. Tuy Phật-giáo vẫn là một tôn-giáo thích-hợp với dân-tộc mình mà là một tôn-giáo tối cổ ở nước mình, chùa chiền cũng vẫn còn khắp trong nước, tăng ni cũng vẫn còn kể

hàng muôn, thiện-nam tín-nữ trong dân cũng vẫn còn ngày ngày đi chùa, ngày ngày niệm Phật, mà giáo-lý Phật ít có người thông hiểu, kinh-điển Phật ít có người diễn giải, người ta ít biết được đường sáng mà đi, thấy được đường tối mà tránh. Đến nỗi đạo-đức ngày càng suy-đổi, phong-tục ngày càng điêu-bạc, những cái thảm-họa tương-nghi, tương-ky, tương-khi, tương-biễn, tương-khuynh, tương-loát, tương-tàn, tương-tặc, gia-đình nghiêng-ngửa, xã-hội đảo-điên, xảy ra hàng ngày, ai cũng phải tỏm, phải ghê, phải kinh, phải khiếp. Hội Phật-Giáo chính vì muốn hiển-dương đạo Phật để cứu vớt cái nguy-cơ ấy mà sáng-lập nên, nhóm họp nhau ở dưới bóng mây từ cả bên tăng ni bên thiện-tín ; khuyên nhủ nhau, đốc trách nhau hiểu đạo Phật cho rành, làm đạo Phật cho đúng để tự độ mà độ người ; liên-lạc với các hội Phật-Giáo Trung, Nam-kỳ, cùng giốc một lòng, trông một đạo vào cái sự-nghiệp chấn-hưng Phật-Giáo. Ấy cái mục-đích hội « Phật-Giáo Bắc-Kỳ » là thế.

Nay phải có cái phương-trâm nhất-định mà đi cho tới cái mục-đích của mình. Như trên đã nói, cái mục-đích hội là cốt khuyên nhủ nhau, đốc trách nhau hiểu đạo Phật cho rành, làm đạo Phật cho đúng để tự độ mà độ người. Vậy làm thế nào mà hiểu được đạo cho rành, làm được đạo cho đúng bây giờ ? Lẽ tất-nhiên là phải tìm ở trong những kinh-điển về Phật-giáo mà siển-phát tuyên-dương ra. Nhưng các kinh điển về Phật-giáo sâu như bể, rậm như rừng, không phải dễ dàng mà lĩnh-ngộ được. Vả những kinh-điển ấy vốn là chữ Phạm mà dịch ra chữ nho ; bây giờ chữ nho ngày càng ít người học, ít người thông thì làm sao mà nghiên-cứu những kinh-điển về Phật-giáo bằng chữ nho được. Báo « Buốc-Tuệ » chính là để ứng-phó với sự nhu-cần đó.

Báo « Buốc-Tuệ » sẽ đem những kinh-điển về Phật-giáo mà dần dần giảng diễn, dịch thuật hết ra quốc-ngữ một cách rất minh-bạch tỏ tường.

Chúng ta sẽ được nhờ ngọn đuốc-tuệ của đức Như-Lai, dẫn lối mở đường cho chúng ta bỏ tà qui-chính, bỏ ác làm lành, bỏ khổ tới vui, bỏ tội tới phúc.

Bến mê man-mác, có đuốc tuệ thì bờ giác không xa.

Bể khổ mênh-mông, có đuốc tuệ thì bè từ khỏi lạc.

Hỡi anh em chị em tín-đồ nhà Phật ta ơi !

Ai muốn gây thiện-nghiệp đề cầu thiện-báo về sau, nên chăm xem « Đuốc-Tuệ ».

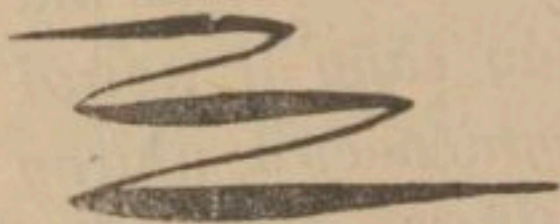
Ai muốn thoát ra vòng phiền não, tìm tới chỗ yên vui, nên chăm xem « Đuốc-Tuệ ».

Ai muốn tiêu trừ oan-nghiệp, hưởng thụ phúc duyên, nên chăm xem « Đuốc-Tuệ ».

Mình chăm xem « Đuốc-Tuệ » lại khuyên đủ người chăm xem « Đuốc-Tuệ », như thế tức là tự giác giác tha.

Có một ngày kia ngọn đuốc-tuệ quang-minh rực rỡ, chiếu khắp gần xa, soi tâm mở trí cho cả mười mấy triệu quốc-dân tín-đồ nhà Phật chúng ta hóa ngu ra minh, hóa tham ra thanh, hóa dữ ra lành, hóa yếu ra mạnh, hóa lười biếng ra kiên-nhẫn, hóa thoái-khiếp ra tinh tiến thì thật là cái hạnh-phúc hăng-hà sa-số cho dân mình nước mình vậy.

DƯƠNG-BÁ-TRẠC



GIỚI THIỆU

Báo Đốc Tuệ



TUẦN BÁO RA NGÀY MỒNG 1 VÀ NGÀY 15

Báo quán ở chùa Quán sứ 73, Rue Richaud — HANOI



CHỦ-NHIỆM : Nguyễn-Năng-Quốc Tổng đốc Tri-sĩ
Chánh-hội-trưởng hội Phật-giáo Bắc-kỳ

QUẢN-LÝ ; Cung-đình-Bính

CHÁNH CHỦ-BÚT : Phan-Chung-Thứ Sư cụ chùa Sở

PHÓ CHỦ-BÚT : Dương-văn-Hiển Sư cụ chùa Tế-cát.

GIÁ BÁO :

Cả năm 1p.50 nửa năm 0p.80. Ở xa xin gửi tiền trước.

Thư từ và mandat đề cho

Monsieur Cung-đình-Bính chùa Quán sứ

73 RUE RICHAUD HANOI

SÁCH NÀY IN XONG

NGÀY 15 NOVEMBRE

1938 TẠI NHÀ IN

THỤY-KÝ, 98 PHỐ

HÀNG GAI. — HANOI

KINH SÁCH ĐÃ IN



Kinh thủy xám (trọn bộ ba quyển)	1p.80
Ai đặt trước xin tính 1p,50, mà khi in song lại đóng thành một bộ rất đẹp không tính tiền	
— Kinh địa tạng (quốc ngữ chữ nho đối chiếu)	
toàn bộ 0p,80, đóng kỹ 1p,00, gáy da mạ vàng	1p,60
Kinh được sư (quốc ngữ chữ nho đối chiếu)	0p,30
Kinh Nhật tụng đồng ấu (khổ nhỏ)	0p,03
Kinh Phả môn (giải nghĩa)	0p,10
Kinh Chư pháp yếu nghĩa	0p,03
Khóa lễ xám nguyên (quốc ngữ chữ nho đối chiếu)	0p,30
đóng kỹ	0p,50
Kinh Phả môn, (chữ nho, quốc ngữ đối chiếu)	0p,20
Đại bi tâm-sám (chủ đại-bi, tâm cứu khổ)	0p,10
48 Nguyên của đức A-di-đà (có giải nghĩa)	0p,03
Khóa lễ giản dị	0p,10
Khóa tụng hằng ngày (khóa tối)	0p,40
Phả hiền bồ tát	0p,03
Bồ đề tâm giới điệp (in rất trang nghiêm) mỗi tờ	0p,10
Tăng huấn nhật ký	0p,05
Khoa cúng phật và cúng tổ tiên	0p,15
Tu tại gia	0p,03
Phật học thiền thuyết	0p,08
Khóa lễ ngũ bách danh (quốc ngữ, chữ nho đối chiếu)	0p,40
đóng kỹ	0p,70
Chiêu mô nhị thời (khóa sáng và khóa tối)	0p,80
đóng kỹ 1p,00 gáy da mạ vàng	1p,50
Tranh đức Di-đà (in thủy mặc) hạng mỏng	0p,10
hạng giấy	0p,15
Tranh đại hùng tam tôn (khổ nhỏ)	0p,05
Tranh đức Quan-âm in màu, soa kim nhũ (khổ nhỏ)	0p,05
Huy hiệu đức Quan-âm (bằng alluminium)	0p,05
Buồm từ thuận gió	0p,03

Thư và mandat xin gửi cho :

M. Nguyễn-hữu-Kha

Quản lý nhà in Đuốc-Tuệ, chùa Quán-sứ, 73 Rue Richaud Hanoi

